



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: baivochanhphap@gmail.com

Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Pixabay.com**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840
hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**
(Memo ghi "Ủng hộ CP" -
xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chi còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **KHI PHẬT TRẢI TÒA** (Ns. Trí Hải), trang 7
- **RONG CHƠI NHƯ NGÀY NÀO** (thơ Phổ Đồng), trang 8
- **TÂM** (Tuệ Sỹ), trang 9
- **PHẠM CÔNG THIÊN: BẠC TRÍ GIẢ TRÊN ĐÔI TRẠI THỦY** (HT. Thích Phước An), trang 10
- **TỬ CÚ LỤC BÁT "QUAY VỀ"** (thơ Vĩnh Hữu), trang 12
- **GIÁO DỤC TỰ THÂN TÁC CHỨNG** (Nguyên Siêu), trang 13
- **VỀ NƠI AN LẠC** (thơ Nhật Quang), trang 14
- **PHÁP MÔN LẠY PHẬT** (HT Thích Thái Hòa), trang 15
- **HẠ TÀN** (thơ Thy An), trang 16
- **CHÓ VÀ CÂY** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 18
- **DANH, TƯỢNG, VỌNG TƯỜNG PHÂN BIỆT...** (Nguyễn Thế Đăng), trang 19
- **QUYẾT ĐỊNH CHUẨN Y THÀNH PHẦN NHÂN SỰ HỀĐH GHPGVNTNHHK** (HĐGP), trang 22
- **BỒ-TÁT ĐẠO** (Thích Nhuận Châu dịch), trang 25
- **ĐÊM THU NHỚ NHÀ** (Pháp Hoan dịch thơ Lý Bạch), trang 28
- **PHÁT TÂM THÀNH PHẬT** (Đạo Sinh), trang 29
- **CHỈ PHÙ VÂN, CHIỀU CHIỀU** (thơ Diệu Viên), trang 30
- **TẾT TRUNG THU – Ngày hội của Thiếu nhi** (Nhóm Áo Lam), tr. 31
- **BA LOẠI BỆNH CỦA NGƯỜI TU** (Quảng Tánh), trang 33
- **LẮNG ĐỘNG TIẾNG CHUÔNG CHÙA...** (thơ Nguyễn An Bình), trang 34
- **ĐỨC PHẬT NÓI GÌ VỀ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP TRỊ QUỐC** (Huỳnh Kim Quang), trang 39
- **NHƯ HẠT SƯƠNG MAI** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 43
- **THIỆN TUỆ: THÂN HÀNH NIỆM** (Thích Nữ Hằng Như), trang 44
- **MỘT MAI TÔI NGỪNG DÒNG CHỮ** (thơ Phan Tấn Hải), tr. 46
- **TRUNG THU – GỬI ME CHÚT NIỀM VUI** (Hạnh Thuần), tr. 47
- **NẤU CHAY: BÚN GAO XÀO CHAY CÙNG RAU NẤM** (Dydy Nguyễn), trang 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **TÂM TỬ: ĐỌC TRONG MÙA VU LAN t.t.** (Nguyễn Giác) trang 51
- **TRUYỆN CỰC NGẮN HOÀNG LONG**, trang 54
- **ĐẠO – ĐỜI QUA NGÒI BÚT CỦA TIỂU LỤC THẦN PHONG** (Chính Vũ), trang 57
- **PHỤNG ĐẠO ĐỘ ĐỜI** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 59
- **TRÒ CHƠI CON TRÈ** (thơ Nguyễn Thị Khánh Minh), tr. 60
- **CỜ TRÓI tập 1 – chương 11, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **MÙA DÃ QUỖN...** (thơ Lâm Bằng Phương), trang 64
- **XIN ĐỪNG NÓI TẠI TUỔI GIÀ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 65
- **TÂM BỒ ĐỀ** (thơ Tâm An – Xuyên Trà), trang 67
- **NGƯỜI KHÔNG TAI, MẮT, MŨI, LƯỖI** (Truyện cổ Phật Giáo), tr. 68

Báo Chánh Pháp số 154, tháng 09 năm 2024, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

TRĂNG XƯA

*Tóc nào rơi rụng những thu qua
Nhớ nhà, buồn lặng phương trời xa
Lá úa lắt lay chiều mây bạc
Thu về lòng lộng bóng trăng xưa*

*Đường trần bụi vương nhiều hơn lệ
Gió chướng đêm dài đã tịnh yên
Một thời ngang dọc không chợp mắt
Nay về tĩnh tọa, lòng an nhiên.*

*Lão-bệnh đây rồi, quen rồi nhĩ
Gặp nhau bao kiếp lạ chi đâu!
Bên rừng đếm lại bao nhiêu lá
Tay không, trí rỗng, tâm vô cầu.*

*Trăng ngang đỉnh núi, mây không vương
Vàng vặc ánh vàng trải đêm thâu
Bao thu đi-lại thường vô tướng
Ngại gì sóng cả vờn biển sâu.*



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Tu sĩ Phật giáo tạo ra khu vườn tươi tốt tại Tịnh xá Margherita Buddha với hàng ngàn loại cây

Một tu sĩ Phật giáo ở Margherita, bang Assam, đã biến Tịnh xá Margherita Buddha thành một khu vườn rộng lớn.

Được thành lập vào năm 1974 và nằm cách ga xe lửa Margherita 3 km, Tịnh xá Margherita Buddha hiện có hàng ngàn loại hoa, trái cây và cây thuốc.

Thượng tọa Gyanowada Bhikkhu, sư trụ trì Tịnh xá, nói rằng ông đã phát triển mối quan tâm đến vườn này khi ông trở thành nhà sư vào năm 20 tuổi.

Kể từ khi đến Tịnh xá Margherita Buddha vào năm 2002, ông đã trồng hơn 100 loại hoa lan, 1000 loại hoa và nhiều loại trái cây bao gồm chuối, mít, mận đen, vải, ổi, me, măng cầu, sa bô chê, chanh kaji và thanh long, cùng với hơn 100 loại cây thuốc.

Thượng tọa Gyanowada Bhikkhu lưu ý tầm quan trọng của các khu vườn trong việc giảm thiểu tác động của nắng nóng, và khuyến khích các nghiên cứu sinh tiến sĩ chuyên ngành thực vật học đến thăm nơi đây để làm luận án.

(Tipitaka Network - August 5, 2024)



Thượng tọa Gyanowada Bhikkhu tạo ra khu vườn tươi tốt tại Tịnh xá Margherita Buddha
Photos: India Today & The Hills Times

ĐÀI LOAN: Tổ chức Phật Quang Sơn sẽ tổ chức Lễ ra mắt Trực tuyến cho Tủ điển Phật giáo Phật kỹ thuật số tiếng Anh

Tông phái Phật giáo Phật Quang Sơn - một tổ chức Phật giáo quốc tế và có trụ sở tại Đài Loan - đã công bố sự kiện ra mắt trực tuyến cho phiên bản tiếng Anh kỹ thuật số của Tủ điển Phật giáo Phật Quang vào ngày 30-7-2024.

Sự kiện nói trên sẽ bao gồm một loạt các hội thảo có sự tham gia của các học giả Phật giáo nổi tiếng, bao gồm: Lewis R. Lancaster từ Đại học California, Berkeley; Robert Buswell, Jr. từ Đại học California tại Los Angeles; Charles Muller từ Đại học Tokyo; và Jiang Wu từ Đại học Arizona.

Phật Quang Sơn được thành lập tại Đài Loan vào năm 1967 với tư cách là tông phái Phật giáo bởi Hòa thượng Tinh Vân (1927-2023).

Tổ chức này hiện có mạng lưới chùa chiền và các cộng đồng Phật giáo quốc tế. Bằng cách thúc đẩy triết lý Phật giáo Nhân bản, tập trung vào việc đưa các hoạt động Phật giáo dẫn thân vào cuộc sống hàng ngày, Phật Quang Sơn đã được công nhận vì những nỗ lực hiện đại hóa Phật giáo Đại thừa Trung Hoa và điều hành một trong những tủ sách từ thiện lớn nhất tại Đài Loan - vốn thực hiện công tác từ thiện và nhân đạo trên toàn thế giới.

(NewsNow - August 5, 2024)



Bản tiếng Hán (trên) và thông báo về bản tiếng Anh kỹ thuật số của Tủ điển Phật giáo Phật Quang (phải)—Photos: Craig C Lewis

CAM BỐT: Tịnh xá Phật giáo 100 năm tuổi tại chùa Wat Damnak, một di sản quốc gia, đang được trùng tu

Siem Reap, Cam Bốt - Việc trùng tu tịnh xá Phật giáo 100 năm tuổi tại chùa Wat Damnak là một nỗ lực quan trọng nhằm bảo tồn di sản quốc gia này.

Tầm quan trọng về mặt lịch sử và văn hóa của tịnh xá nói trên thể hiện rõ qua niên đại và mục đích xây dựng nó. Sự hiện diện của một pho tượng Phật lớn trong tịnh xá nhấn mạnh tầm quan trọng của nơi này như một nơi thờ cúng và tôn kính đối với Phật tử.

Tình trạng xuống cấp của tịnh xá - bao gồm cả hư hỏng ở mái và các yếu tố cấu trúc khác - đòi hỏi phải được quan tâm khẩn cấp để bảo đảm tuổi thọ của nó. Những nỗ lực của Cơ quan Quản lý Quốc gia APSARA trong việc thực hiện dự án cải tạo cho thấy cam kết bảo vệ công trình linh thiêng này cho các thế hệ tương lai.

Bằng cách đầu tư vào việc trùng tu kiến trúc cổ nói trên, chính quyền không chỉ bảo tồn di sản của nó mà còn cho phép Phật tử tiếp tục thực hành tôn giáo của họ trong không gian tôn kính này.

Hoàn thành việc cải tạo vào năm 2024 sẽ là sự đánh dấu một cột mốc quan trọng trong việc bảo đảm mối liên quan và chức năng liên tục



của Tịnh xá Phật giáo tại chùa Wat Damnak.

(Tipitaka Network - August 1 - 7, 2024)



Tịnh xá Phật giáo 100 năm tuổi tại chùa Wat Damnak đang được trùng tu
Photos: Khmer Times

TÍCH LAN: Tổ chức Phật giáo JTS Hàn Quốc cứu trợ người dân Tích Lan đang chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế

Các tình nguyện viên từ tổ chức cứu trợ nhân đạo Phật giáo JTS Hàn Quốc - do Hòa thượng người Hàn Quốc Pomnyun Sunim sáng lập - gần đây đã tiến hành công tác cứu trợ nhân đạo tại Tích Lan, tiếp cận với học sinh có thu nhập thấp và các cộng đồng thiết yếu, những người dễ bị tổn thương nhất do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế gần đây của đất nước này.

Tại Quận Gampaha, Tỉnh phía Tây của Tích Lan, các tình nguyện viên JTS đã cung cấp cho 500 hộ gia đình mỗi hộ 20 kg gạo, cùng với các gói đồ dùng học tập - bao gồm cặp, bút chì,

vở và các vật dụng thiết yếu khác.

Khu vực tiếp theo cho các hoạt động cứu trợ là Chilaw, ở Quận Puttalam, Tỉnh Tây Bắc. Các tình nguyện viên của JTS đã cung cấp các gói đồ dùng học tập cho 1,100 học sinh, và phân phát 20 kg gạo cho mỗi gia đình của các em, cũng như 31 hộ gia đình khác được xác định là cực kỳ nghèo khổ. Trong trường hợp một gia đình có nhiều hơn một trẻ em đang đi học, JTS đã cung cấp thêm hỗ trợ.

Khu vực thứ ba nhận được viện trợ là Medirigiriya ở Quận Polonnaruwa, Tỉnh Trung Bắc. Tại đây, các tình nguyện viên của JTS đã phân phát đồ dùng học tập cho 1,400 học sinh được chọn từ 17 trường và cung cấp cho 1,360 hộ gia đình mỗi hộ 10 kg gạo. Họ cũng đã chọn 200 hộ gia đình khác sống trong hoàn cảnh cực kỳ nghèo đói để nhận 20 kg gạo cho mỗi hộ.

(NewsNow - August 3, 2024)



Tình nguyện viên JTS Tích Lan



Hàng cứu trợ: gạo và đồ dùng học tập



ẤN ĐỘ: Các nhà bảo vệ môi trường kêu gọi khôi phục di tích Quần thể Phật giáo Thotlakonda

Các nhà bảo vệ môi trường ở Ấn Độ đang kêu gọi khôi phục Quần thể Phật giáo Thotlakonda - một di tích có từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên - nằm trên đỉnh đồi cách thành phố Visakhapatnam (thuộc bang Andhra Pradesh), khoảng 15 km.

Các nhà hoạt động đang thúc giục rằng cần bảo tồn khu vực xung quanh - bao gồm khoảng 1,200 hecta - và đã kêu gọi Cục Khảo cổ học Ấn Độ (ASI) điều tra khả năng có thêm nhiều tàn tích Phật giáo trong khu vực này.

Sohan Hattangadi - một nhà bảo vệ môi trường nổi tiếng đến từ Visakhapatnam - đã nhận mạnh tầm quan trọng về mặt khảo cổ học của di tích Thotlakonda, được cho là một trong những tu viện Phật giáo lâu đời nhất ở Ấn Độ.

Các cuộc khai quật tại Thotlakonda đã phát hiện ra các bảo tháp cúng dường, lối đi bằng đá, sảnh hình tròn, các tu viện, phòng ăn và nhà bếp. Các hiện vật bao gồm tiền Satavahana bằng bạc (thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên - thế kỷ hai sau Công nguyên).

(Buddhistdoor Global - August 2, 2024)



Di tích Quần thể Phật giáo Thotlakonda

Photo: wikipedia.org

SINGAPORE: Đại học Quốc gia Singapore công bố ra mắt Nhóm Nghiên cứu Phật giáo mới thành lập

Đại học Quốc gia Singapore (NUS) đã công bố chính thức ra mắt Nhóm Nghiên cứu Phật giáo NUS mới thành lập vào ngày 3-8-2024. Một sáng kiến nghiên cứu liên khoa bao gồm các giảng viên và sinh viên từ Khoa Nghệ thuật và Khoa học Xã hội, là nhóm có mục đích hoạt động như một diễn đàn

mở cho các học giả và công chúng tham gia vào việc khám phá thuật hợp tác về Phật giáo.

Trùng với lễ ra mắt Nhóm Nghiên cứu Phật giáo NUS này, Khoa Nghệ thuật và Khoa học Xã hội NUS và công ty Nghệ sĩ lưu trú Temenggong - một công ty nghệ thuật phi lợi nhuận với mục đích truyền cảm hứng cho nghệ thuật, di sản và sự trân trọng văn hóa - đã đồng tổ chức lễ khai mạc cho một triển lãm mới về nghệ thuật Phật giáo cổ đại tại NUS, mang tên 'Nhiều Gương mặt của Đức Phật'.

Trong số các tác phẩm được trưng bày có một pho tượng Phật thời Gandhara có niên đại từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, các bức tranh thangka từ Tây Tạng, tiền Phật cổ và các hiện vật khác từ Trung Quốc, Indonesia, Miến Điện, Thái Lan và các nơi khác.

(NewsNow - August 12, 2024)



*Lễ ra mắt chính thức của Nhóm nghiên cứu Phật giáo NUS mới thành lập và lễ khai mạc triển lãm 'Nhiều khuôn mặt của Đức Phật'
Photos: NUS*

TÍCH LAN: Đoàn đại biểu Hiệp hội Phật giáo Hàn Quốc đến thăm Tích Lan

Gần đây một đoàn đại biểu gồm 37 thành viên của Hiệp hội Công chức Phật giáo Hàn Quốc đã đến Tích Lan để quảng bá lòng hiếu khách và trải nghiệm văn hóa của Tích Lan, tạo sự nhận thức về Du lịch Tích Lan cho những du khách cao cấp tại Hàn Quốc.

Đây chủ yếu là Chuyến Hành hương dành cho các thành viên của Hiệp hội này và gia đình của họ, diễn ra từ ngày 29-7 đến ngày 4-8-2024.

Phái đoàn đã đến thăm nhiều địa điểm liên quan đến Phật giáo trong thời gian lưu trú và kết thúc chuyến đi của họ tại Colombo.

Hiệp hội Công chức Phật giáo Hàn Quốc được thành lập vào năm 2000 với hơn 700 nhân viên chính phủ từ 47 tổ chức chính phủ.

Kể từ đó, hiệp hội đã tổ chức nhiều buổi lễ Phật Pháp, lưu trú tại chùa trong các cuộc hành hương quốc nội và hải ngoại. Sau đại dịch Covid-19, Hiệp hội đã khởi xướng các chuyến hành hương ra nước ngoài một lần nữa, và Tích Lan là một trong những chuyến đi như vậy.

Tích Lan đã thu hút hơn 5000 khách du lịch Hàn Quốc vào năm 2024 và sẽ quảng bá thị trường này bằng nhiều hoạt động khác để thu hút thêm nhiều du khách Hàn Quốc hơn.

(dailymirror.lk - August 10, 2024)



*Đoàn đại biểu Hiệp hội Phật giáo Hàn Quốc thăm Tích Lan
Photo: Daily Mirror*

SCOTLAND: Đại học Edinburgh ra mắt chương trình Thạc sĩ Khoa học toàn diện về Nghiên cứu Phật giáo

Đại học Edinburgh đã ra mắt chương trình Thạc sĩ Khoa học (MSc) về Nghiên cứu Phật giáo, cung cấp phương pháp tiếp cận đa ngành để nghiên cứu Phật giáo.

Chương trình mới này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết toàn diện về triết học Phật giáo, đạo đức, nghệ thuật, văn hóa vật chất, văn bản và cách diễn giải hiện đại về Phật giáo. Chương trình phản ánh cam kết của trường đại học này đối với nghiên cứu Phật giáo, dựa trên chuyên môn của các học giả trên nhiều ngành và trường phái khác nhau trong trường.

Chương trình mới được xây dựng để cung cấp cả tổng quan rộng và các lựa chọn học tập chuyên sâu. Các khóa học cốt lõi bao gồm "Hình dung về Nghiên cứu Phật giáo: Phương pháp và Chủ đề" và "Các phương pháp tiếp cận Nghiên cứu về Thần học và Tôn giáo", trong khi sinh viên cũng được yêu cầu hoàn thành luận văn dài 15,000 từ. Ngoài ra, sinh viên có thể lựa chọn từ nhiều khóa học tùy chọn.

Thạc sĩ Khoa học về Nghiên cứu Phật giáo tại Đại học Edinburgh là sự bổ sung đáng kể cho lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo, cung cấp cho sinh viên chương trình giảng dạy phong phú và đa dạng.



Đại học Edinburgh (Scotland)- Photo: universityliving.com

Chương trình hiện đang tiếp nhận đơn ghi danh, với thông tin chi tiết có thể được tìm thấy thông qua Công cụ Tìm kiếm Bằng Sau đại học của Đại học Edinburgh.

(Buddhistdoor Global - August 13, 2024)

ẤN ĐỘ: Tỳ kheo Sanghasena tổ chức trại y tế miễn phí tại Ladakh

Tỳ kheo Sanghasena, nhà lãnh đạo Phật giáo dẫn thân nổi tiếng, người sáng lập và là giám đốc tinh thần của Trung tâm Thiền quốc tế Mahabodhi (MIMC) phi lợi nhuận tại Ladakh, Ấn Độ, gần đây đã tổ chức một trại y tế miễn phí tại Bệnh viện từ thiện Mahabodhi Karuna của MIMC.

Trại y tế được tổ chức với sự hợp tác của Bệnh viện đa khoa Quân đội 153 GH vào ngày 14-7-2024.

MIMC cho biết: Trại y tế này cung cấp các buổi tư vấn và thuốc miễn phí, đáp ứng nhiều nhu cầu y tế khác nhau; các chuyên gia có mặt tại trại được tổ chức ở Bệnh viện từ thiện Mahabodhi Karuna ở Khu Devachan bao gồm các bác sĩ phụ trách nhiều khoa khác nhau.

Tỳ kheo Sanghasena đã có mặt trong suốt buổi khám để chào đón các bác sĩ, cũng như tiếp hàng trăm bệnh nhân đến để được chăm sóc y tế: "Chào mừng đến với Bệnh viện từ thiện Mahabodhi Karuna. Sức khỏe của bạn là tài sản của chúng tôi, tầm nhìn của bạn là sứ mệnh của chúng tôi, hạnh phúc của bạn là hạnh phúc của chúng tôi!"

(Buddhistdoor Global - August 9, 2024)



Tỳ kheo Sanghasena tại Bệnh viện từ thiện Mahabodhi Karuna ở Khu Devachan, Ladakh



Tỳ kheo Sanghasena tiếp đón bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện từ thiện Mahabodhi Karuna



TRỞ VỀ MỤC LỤC



Photos: MIMC

ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan trở thành tổ chức từ thiện toàn cầu hàng đầu

Hội Quỹ Từ Tế - do Sư bà Cheng Yen thành lập tại Hoa Liên, Đài Loan vào năm 1966 - đã phát triển thành một trong những tổ chức từ thiện lớn nhất thế giới, với hơn 10 triệu thành viên, chi nhánh tại 68 quốc gia và các dự án tại 136 quốc gia.

Theo báo cáo thường niên năm 2023 vừa được công bố, Hội Từ Tế đã xây dựng và trao tặng tổng cộng 22,743 ngôi nhà tại 18 quốc gia và 256 trường học tại 17 quốc gia. Hội này đã quyên góp 154,380 tấn gạo và 1.45 triệu chần mền cho người nghèo và nạn nhân thiên tai.

Vào năm 2023, quỹ đã nhận được 290 triệu USD tiền quyên góp và chi 258 triệu USD cho các dự án toàn cầu của mình - bao gồm 8 bệnh viện, kênh truyền hình Great Love TV phát sóng trên toàn thế giới, một ngân hàng tủy xương và một hiệp hội y khoa quốc tế vốn đã cung cấp 18,400 phòng khám miễn phí tại 58 quốc gia.

Bắt đầu từ các dự án từ thiện tại Đài Loan, Hội Từ Tế đã trở thành một phong trào toàn cầu, có thể gây quỹ hàng triệu đô la và huy động hàng ngàn tình nguyện viên để giúp đỡ các nạn nhân của thiên tai cách Đài Loan hàng ngàn km.

(ejinsight.com - August 14, 2024)



Bệnh viện Đa khoa Từ Tế, chi nhánh Đài Trung (Đài Loan)
Photo: ejinsight.com

KHI PHẬT TRẢI TÒA

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

So sánh cách mở đầu các bộ kinh Đại thừa khác như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Địa Tạng, thì cách mở đầu kinh Kim Cương thật đặc biệt. Thứ nhất, không có những hội chúng đông đảo siêu phàm như ở hội Hoa Nghiêm gồm đủ loại trời, rồng, quý thần tập hợp. Không có những điềm lạ như trời mưa hoa, đất rung chuyển, Phật phóng hào quang soi khắp bốn phương tám hướng trước khi nói pháp như ở hội Pháp Hoa. Lại nữa kinh này không phải như Kinh Địa Tạng được thuyết ở một nơi bí hiểm (với chúng ta) như cung trời Đao Lợi, nơi ngài lên thăm mẫu hậu Ma Gia phu nhân. Mở đầu kinh Kim Cương, ngược lại, đức Phật xuất hiện hoàn toàn bình dị như một CON NGƯỜI, một vị Tỷ kheo ôm bát vào thành Xá Vệ xin ăn, nghĩa là ngài xuất hiện giữa thành phố loài người, giữa chúng ta: cảm động và thân thiết biết bao, hình ảnh đơn giản và hùng hồn ấy.

Hình ảnh ấy nói lên sức mạnh tuyệt đối của tâm linh, không cần những nghi thức rầm rộ như kèn trống, cờ long, tùy tùng. Oai mà cần phải "làm oai" thì chưa phải là oai thật. Sức mạnh tâm linh của Phật không cần một hình thức biểu dương lực lượng nào cả, mà Ngài vẫn ngự trị trong lòng mọi người Phật tử ngót 25 thế kỷ và vẫn còn ngự trị. Sự sống bình dị của Ngài trở thành tấm gương sáng chói muôn đời: từ bỏ ngôi vua, lầu son gác tía, cắt đứt tình thân, ra đi làm một khất sĩ lang thang không nhà, hành đạo và chết giữa đất trời, dưới những gốc cây. Cả cuộc đời ngài là một bài thuyết pháp hùng hồn nhất không cần phải nói thêm gì nữa. Quả vậy, Ngài đã dạy: "Trong 49 năm thuyết pháp, Như Lai chưa từng nói một lời." Và ngay trong kinh Kim Cương cũng nói: "Như Lai không có nói gì cả." (Như Lai vô sở thuyết). Bởi vì Ngài đã nói bằng hành động, bằng sự sống của Ngài. Qua cuộc đời cao cả đó, chúng ta thấy rõ sự trống rỗng, nguy hiểm giả tạm của danh vọng (cả đến danh vọng tột bậc như ngôi vua), tài sản (dù là sở hữu cả một quốc gia), hạnh phúc (dù là vợ đẹp, trinh thuận và môn đăng hộ đối như công chúa Gia Du Đà La). Tất cả những thứ đó, qua thái độ từ bỏ dứt khoát của thái tử Siddhartha, trở thành rơm rác, thành sỏi không thấm hại, mặc dù Ngài không thốt lên một lời chê bai chỉ trích. Thái độ này rõ ràng có nghĩa những thứ ấy thực "không đáng nói tới." Lặng lẽ mà ra đi, còn thái độ nào cao cả hơn? Còn phê bình, chỉ trích, chê bai là còn có cái ấm ức của kẻ "muốn mà không được": muốn danh vọng hơn, muốn nhiều tài sản hơn, muốn nhiều hạnh phúc hơn. Đấng này, Thái tử không nói gì, không chê bai gì vì Ngài coi thường tất cả danh vọng, tất cả tài sản vật chất, tất cả sắc đẹp, hạnh phúc nhỏ mọn mà chúng sanh ôm ấp không rời.

Bỏ tất cả để ra đi, nhưng không thể nói là Ngài đã chán đời hay trốn đời. Nếu chán đời thì Ngài đã tự tử. Bằng sự ra đi, Ngài mở cho ta một con đường, một lối nhìn khác đối với cuộc đời: cuộc đời không phải chỉ có chùng ấy, nghĩa là danh lợi, tài sắc,

hạnh phúc gia đình, v.v... đúng hơn đó là những cái lồng sơn son, những dây xích mạ vàng để giam nhốt trời buộc chúng ta, khiến chúng ta không nhìn thấy được bầu trời cao rộng. Sự ra đi của Thái tử chính nói lên rằng có một sinh lộ cho ngộ bí mà chúng ta vẫn quanh quẩn không thoát được: tài, danh, tình ái. Chúng ta cứ tưởng rằng không mê được những thứ này thì chỉ còn nước tự sát, vì hiểu lầm cuộc đời chỉ có chùng ấy chuyện. Và ai thoát ly những thứ ấy để ẩn tu nơi thâm sơn cùng cốc thì thiên hạ cho là "trốn đời". Nhưng cuộc đời là chính con người thì làm sao trốn đời được khi ta vẫn còn sống? Đúng hơn, người ẩn sĩ mang cuộc đời lên rừng núi để có thể "thấy" rõ mặt thật của nó, như một nhà bác học rút vào phòng thí nghiệm để nghiên cứu kỹ hơn về cái mà ông muốn biết. Đức Phật của chúng ta cũng vậy. Ngài đã lên rừng, và sau nhiều năm tu hành, cuối cùng đắc quả, giác ngộ chân tướng của cuộc đời, thế giới và chúng sinh.



Trở lại hình ảnh Đức Phật xuất hiện giữa chúng ta trong đoạn mở đầu kinh Kim Cương: Ngài xuất hiện như một vị tỷ kheo ôm bát vào thành, xin ăn từng nhà, rồi trở về dùng ngộ, ăn xong rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi. Thật là giản dị mà hùng hồn xiết bao! Bài thuyết pháp không lời ấy, khiến cho Tôn giả Tu Bồ Đề phải sụp lạy, khi Phật chưa mở miệng nói lời nào. Bởi vì tôn giả đã lãnh hội được diệu chỉ trong bấy nhiêu hành vi tầm thường ấy: ôm bát xin ăn, trở về rửa chân, ngồi. Đây là sự giáo hóa bằng chính sự sống của Ngài cho chúng xuất gia và tại gia đời mạt pháp. Ta có thể tóm tắt ý nghĩa sự giáo hóa ấy như sau:

1. Hãy nhớ mình là Kẻ xin ăn: Tất cả đều nên nhớ như vậy, dù tại gia hay xuất gia, giàu hay nghèo. Bởi vì không có gì thực sự là của ta, do công sức của ta 100%, dù ta có lao tâm lao lực suốt ngày để sống, dù ta có khả năng tự tạo được mọi thứ cần dùng cho mình như Robinson Crusoe. Mọi người, vật trong thế giới tương quan với nhau

một cách mật thiết, không một ai có thể sống biệt lập hoàn toàn không nhờ cậy ai. Tất cả chúng ta đều xin lẫn nhau và đều là khất sĩ. Khi nhận thức rõ như vậy, ta sẽ giảm trừ được nhiều thói xấu. Thứ nhất là thói kiêu căng ngẫ mạn, cậy tiền, cậy tài, cậy thế lực. Thứ hai là vô ơn, khi tự hào: "Ta đây không cần ai, ta tự làm ăn để nuôi sống," con người sẽ quên rằng mình nhờ ơn rất nhiều, nhờ ơn tất cả mới sống được. Thứ ba là xa hoa phung phí: khi cậy mình có của tiền, con người dễ dàng phung phí của cải, đi vào đường đọa lạc. Thứ tư là tham cầu không chán: cậy mình có tiền thì tham ăn ngon mặc đẹp. Người xin ăn trái lại không thể chọn lựa, nên bớt được sự ăn tham.

2. Nhớ trở về: Đức Phật ngay sau khi khất thực vừa đủ, liền trở về tinh xá để độ ngộ nghỉ ngơi. Chúng ta, những người tại gia xuất gia đời mặt pháp cũng nên làm như Ngài, là phải biết đủ để quay về. Thông thường con người không biết đủ, khi đã chạy theo sự mưu sinh thì suốt cả ngày, cả đời không còn nhớ tới chuyện dừng nghỉ. Mãi mãi theo đuổi dục vọng leo thang, con người biến sự sống thành một cảnh quay cuồng thác loạn, không còn có thể gọi là sống, mà chỉ gọi là hiện hữu như một cái xác chưa chôn hay một cái thầy biết chạy. Sự sống mất hết thì vị, an lạc là do cuộc chạy đua này giữa cái thầy còn cục cựa không bao giờ ngồi lại nghỉ mệt một cái mà cứ lằng xằng suốt buổi, suốt đời. Hình ảnh đức Phật Khất sĩ thật bình dị an lạc xiết bao: xin vừa đủ bữa thì trở về ăn, ăn xong rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

3. Đạo ở ngay trong đời sống thường nhật, không phải là cái gì siêu phàm: ăn cơm, mặc áo, rửa chân v.v... những việc Phật làm ở đầu kinh Kim Cương đều là đạo. Đời không có gì đáng ưa hay đáng chán, chỉ có dục vọng tham lam kèm theo cuộc đời ấy mới đáng chán, đáng loại bỏ: cứ ăn uống làm việc ngủ nghỉ như thường, chỉ cốt đừng chạy theo dục vọng hay vọng tưởng là được. Nghĩa là hãy nhớ ngồi lại. Ngồi của Phật chính là ngồi thiền, cũng như tất cả động tác ăn mặc đi đứng nói im của Ngài đều là thiền định.

Mà chỗ ngồi của Phật là "Hết thầy Pháp đều không" như Kinh Pháp Hoa nói: "Như Lai tòa già, nhất thiết pháp không thị." Cho nên khi Phật đã ngồi xuống thì thật không còn gì để nói nữa: tất cả yếu chỉ của Kim Cương kinh đã được trình bày trong đoạn mở đầu. Đoạn mở đầu như vậy cũng có thể vừa là đoạn kết thúc. Những lời đối đáp của Phật và Tu Bồ Đề từ đó trở về sau đều để dành cho những kẻ chậm hiểu ưa dài dòng văn tự như chúng ta ngày nay, nên Xuyên thiên sư đã hạ bút: "Đất bằng nổi sóng" và Thạch Liêm hòa thượng trong Kim Cương trực sở đã bàn về điều này bằng câu lấy tích từ Tây Sương Ký:

*Tặng hồ Tiểu Ngọc nguyên vô sự
Chỉ yếu đặng lang bạn đắc thanh*

Ý nói Phật và Tu Bồ Đề đối qua đáp lại chỉ cốt để cho chúng sinh đời sau nghe, chứ giữa hai thầy trò Ngài không có chuyện gì để nói cả. Cũng như cô gái trong cổng kín tường cao cứ chốc chốc gọi con hầu "Tiểu Ngọc" là chỉ cốt để cho anh bồ ở ngoài nghe tiếng biết tin mà thôi, kỳ thực cô không có chuyện gì để nói với con hầu.

(Trích Đường Về, trích lục những thời pháp thoại của Ni Sư Trí Hải)



RONG CHƠI NHƯ NGÀY NÀO

*sư ngồi nhìn mây trắng
rừng chiều lá đỏ bay
gió lùa mi khẽ động
thu vàng rót trên vai.*

*dưới chân suối róc rách
sơn nữ lội qua dòng
ảnh nghiêng làn nước động
chìm vào cõi hư vô.*

*ráng hồng pha sắc lá
chiều xuống đọng chân mây
chim trời xa cánh mới
có không lạc đường bay?*

*sư chống gậy qua suối
soi mình dòng suối trong
hỏi bóng từ đâu đến?
vẫn im nước xuôi dòng!*

*về am ngồi tĩnh tọa
nghĩ năm xưa bụi hồng
đến đi nào có được
vô thường biến hiện không.*

*đến nay hạt bụi vẫn
rong chơi như ngày nào.*

thơ **PHỔ ĐỒNG**

TÂM

Tuệ Sỹ

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trước hết chúng ta phải hiểu Tâm là gì? Trong tiếng Hán, Tâm là trái tim. Từ cái nghĩa tâm là trái tim, rồi sau mới suy diễn ra tâm là tấm lòng, cho rằng tâm là tấm lòng suy nghĩ. Một bài thơ chữ Hán nói về tâm theo nghĩa này như sau:

三點如星像
橫鉤似月斜
披毛從此得
做佛也由他

*Tam điểm như tinh tượng,
Hoành câu tợ nguyệt tà.
Phi mao tòng thử đắc,
Tổ Phật dã do tha.*



Bài thơ này ví von cũng rất hay. Chữ 心 trong chữ Hán được mô tả có ba chấm như ba ngôi sao ("Tam điểm như tinh tượng"), còn móc câu nằm ngang như ánh trăng nghiêng ("Hoành câu tợ nguyệt tà"). "Phi mao tòng thử đắc, tổ Phật dã do tha": Mang lông đội sừng tức làm thân trâu ngựa... là do tâm này, mà Phật cũng từ nó.

Định nghĩa tâm xét theo tiếng Phạn thì có khác. Theo tiếng Phạn, tâm (citta) có nghĩa là tích tập. Định nghĩa này được thấy trong kinh Hoa Nghiêm, bản dịch chữ Hán của Bát Nhã (quyển 6): tích tập danh tâm 積集名心. Nó do gốc động từ là Ci (cinoti): tích chứa, tích lũy, tăng trưởng, và cũng có nghĩa là quán sát, tri nhận, cảm nhận. Đây là định nghĩa đặc biệt trong thuật ngữ Phật giáo, đặc biệt là Đại thừa. Nghĩa thông thường của nó, được nói là do gốc động từ cit hay cint (cintayati): tư duy, suy tưởng. Tâm là cái tư duy.

Nói tâm là cái tích tập: tích tập gì? Một cách tổng quát, đó là KINH NGHIỆM hay NHẬN THỨC được tích lũy. Vậy tâm là kinh nghiệm đời sống; tất cả những gì đã từng trải, bằng hành động và nhận thức, tích lũy lại thành tâm. Nếu diễn tả ra trong cuộc đời con người, từ khi bắt đầu biết suy nghĩ, biết hành động và có ghi nhớ, cho đến khi chết; tất cả những ghi nhớ trong óc não còn lại đó gọi là tâm. Chính những ghi nhớ đó tác thành một con người hoặc thiện hoặc ác tùy theo kinh nghiệm môi trường, hoàn cảnh. Vì thế ta nói tâm hướng dẫn đời sống con người.

Như vậy, tâm đó chính là NGHIỆP, là hành vi của con người, vì những năng lực tạo ra hành vi của con người không bao giờ mất.

Chúng ta không nói tới luật bảo tồn năng lượng, nhưng phải biết rằng không có cái gì mất đi trong hành động của chúng ta. Kinh nói: "Bất sinh bất diệt, bất tăng bất giảm." Thế giới này không sinh cũng không diệt, không có cái gì xuất hiện hoàn

toàn mới mẻ cũng không có cái gì biến mất đi hoàn toàn. Chúng sinh luân hồi vô thủy, chỉ là sự biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác, như gạo biến thành cơm, cơm biến thành những dưỡng chất trong dạ dày, tiêu hóa, rồi thải ra, thành da, máu, thịt... Khi chết da máu thịt này biến thành phân tro, phân tro này đem bón trở thành cây trái, rau cỏ..., trở lại làm thực phẩm cho người và vật, theo một quá trình sinh diệt, sống chết nữa.

Như vậy, chúng ta thấy rằng, thân này chết nhưng nó không mất mà trở thành những cái khác, biến thành phân tro, đất... Những cái này cũng không mất mà trở thành máu thịt của con người, tức là không có cái gì sinh và cũng không có cái gì hủy diệt mà chỉ có SỰ BIẾN THÁI.

Tâm cũng vậy, nó tích lũy. Những gì được làm, được nói năng, suy nghĩ, hoặc thiện, hoặc bất thiện, thay đều không mất; mà tự chúng là sự biến thái của tâm từ một trạng thái này sang trạng thái khác.

Nghiệp là nguồn năng lượng được tích chứa trong kho chứa gọi là tâm, phát hiện ra ngoài thành hành vi của thân, khẩu; hưởng thân, khẩu đến mục tiêu, theo hướng được định bởi lực đẩy ban đầu từ tâm. Kho chứa ấy không phải nằm im lìm bất động, vì nguồn năng lượng trong đó, mà Duy Thức gọi là chủng tử (hạt giống, tức hạt năng lượng; cũng gọi là tập khí hay công năng sai biệt, tức một loại công năng hay năng lượng có thể lực đặc biệt tác thành những hiện tượng sai biệt mà ta biết đó là thân, tâm, thế giới). Những hạt giống năng lượng này tồn tại trong trạng thái sinh và diệt trong từng sát-na, tạo thành hình ảnh như một dòng thác chảy liên tục. Kinh nói: "Nhất thiết chủng tử như bộc lưu."

Những hành vi của thân và khẩu chỉ là những vận động tự nhiên của thân và khẩu, do tác động hỗ tương giữa trong và ngoài, không mang giá trị đạo đức, không xác định thiện hay ác gì. Nhưng khi có NGUỒN LỰC TƯ TÂM điều khiển nó theo hướng thiện hay bất thiện, bấy giờ hành vi của thân hay khẩu bị nhuộm màu hoặc thiện, hoặc bất thiện, ta gọi là nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Hành vi ấy luân tập trở lại tâm, nghĩa là tác động trở lại tâm và biến đổi nó. Đó là sự tích lũy nghiệp.

Theo ý nghĩa này mà ta hiểu câu kinh sau đây: "Tam giới duy tâm," ba cõi duy chỉ là tâm. Ý nghĩa ấy cũng phù hợp với điều mà Phật nói trong các kinh điển Nguyên thủy: "Chúng sinh là kẻ thừa tự của nghiệp," tức hành vi của chính nó.

Nói cách khác, thế giới được hình thành tốt hay xấu, thay đều là sự biến thái của những gì, của tất cả hành vi, được tích lũy bởi tâm, chứa đựng trong tâm.

VEN. TUỆ SỸ (1945-2023)
[Đạo Sinh trích lục]

Phạm Công Thiện: Bậc trí giả trên đồi Trại Thủy

HT THÍCH PHƯỚC AN

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Phạm Công Thiện đến ở nghiên cứu và tu tập Thiền tại chùa Hải Đức vào đầu thập niên 60 của thế kỷ trước. Chùa Hải Đức trước 1975 là một trung tâm học Phật nổi tiếng của miền Trung. Chùa tọa lạc trên đồi Trại Thủy thành phố Nha Trang. Đúng như lời của Phạm Công Thiện trong một lá thư gửi cho nhà văn Tuấn Huy, và đồng thời cũng là một trong hai lá thư mở đầu cho tác phẩm Ý thức mới trong văn nghệ và triết học.

"Tôi đã từ bỏ sông Sài Gòn trở về biển. Tôi về đây sống biệt lập trên một đồi cao. Những đêm khuya nằm nghe gió đìu hiu và tiếng sóng vỗ xa, tôi bỗng nhớ lại những ngày vui của chúng mình ở Sài Gòn".

Nhưng vì sao Phạm Công Thiện từ bỏ Sài Gòn hoa lệ, về nằm nghe "gió đìu hiu" trên đồi Trại Thủy? Để tìm kiếm cái gì? Cũng trong lá thư gửi cho nhà văn Tuấn Huy, Phạm Công Thiện cho biết:

"Những tối sống lê thê ở Sài Gòn, chúng mình đã đi lang thang trên những phố buồn, để rồi cuối cùng, tu về những hộp đêm, gục đầu nghe tiếng hát bên ngoài, vì chúng mình đã mất hết tiếng hát bên trong".

Nhưng "tiếng hát bên trong" đó anh phải tìm ở nơi nào?

Trong hơn ba năm ở chùa Hải Đức (từ 1961 – giữa 1964), tôi thấy trên bàn viết của anh lúc nào cũng để tập bản thảo về Bồ Đề Đạt Ma. Bồ Đề Đạt Ma như tất cả chúng ta đều biết là đệ nhất tổ của Thiền tông Phật giáo Trung Hoa. Rời bỏ quê hương Ấn Độ đến Trung Quốc vào năm 520. Người đầu tiên mà Bồ Đề Đạt Ma gặp là vua Lương Võ Đế của Trung Quốc, một vị vua rất hâm mộ đạo Phật.

Cuộc đối thoại diễn ra sau đây giữa vua Lương Võ Đế và Bồ Đề Đạt Ma đúng như Phạm Công Thiện viết là "đã làm một cuộc cách mạng triết để":

– Trẫm từ lên ngôi đến nay, xây chùa, chép kinh, độ tăng không biết bao nhiêu mà kể, vậy có công đức gì không?

– Không có công đức gì cả.

– Tại sao?

– Bởi vì những việc làm của vua là "hữu lậu" chỉ có những quả nhỏ, như ảnh tùy hình, tuy có nhưng không thật.

– Vậy công đức chân thật là gì? Trí phải thanh tịnh hoàn toàn. Thế phải được trống không phẳng lặng, như vậy mới là công đức, và công đức này không thể lấy việc thế gian như xây chùa tháp, độ tăng mà cầu được.

Nhà vua lại hỏi:

– Nghĩa tột cùng của Thánh đế (chân lý tuyệt đối) là gì?

– Một khi đã thức tỉnh, thông suốt thì không có gì là thánh trong đó cả.

– Thế thì ai đứng trước mặt trẫm?

– Không biết (bất thức).

Và đây là đoạn mở đầu tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma của Phạm Công Thiện:

"Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) là con người đặc biệt trong lịch sử tôn giáo nhân loại. Người có một đời sống khác thường, mang một tâm hồn mãnh liệt hiên ngang, xem công hầu khanh tướng như cỏ rác, đi trên thị phi tầm thường, vượt ra ngoài những giới hạn của đời sống công lệ, phá hủy công thức đến tận gốc rễ và nung nấu trong lòng một niềm kiêu hãnh xót xa của một tâm hồn đau đớn trước sự đi xuống của con người".

Có đọc cuộc đối thoại giữa Bồ Đề Đạt Ma và vua Lương Võ Đế trên nhưng chúng ta mới thấy đúng là "phá hủy công thức đến tận gốc rễ".

Hầu hết các chùa ở Việt Nam đều thờ Bồ Đề Đạt Ma nơi bàn Tổ, mỗi

ngày đi công phu tôi đều phải quỳ lạy tổ sư. Nhưng tuổi thơ làm chú tiểu của tôi chỉ biết đó là vị tổ sư của Phật giáo Thiền tông Trung Quốc, đại khái chỉ có vậy thôi. Nhưng phải đợi đến khi đọc được tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma của Phạm Công Thiện, dù lúc đó chưa học hết cấp hai, nhưng tôi có thể hiểu lẽ mờ rãng, đó không phải là vị tổ sư Thiền tông thôi, mà còn là một tư tưởng gia vĩ đại của Phật giáo và cả nhân loại nữa.

Phạm Công Thiện còn so sánh Bồ Đề Đạt Ma với triết gia vĩ đại Nietzsche:

"Sự xuất hiện của Bồ Đề Đạt Ma trong tư tưởng Phật giáo, về tính cách quan trọng, có thể ví với sự xuất hiện của Nietzsche trong tư tưởng Tây phương. Bồ Đề Đạt Ma và Nietzsche đã làm một cuộc cách mạng toàn diện, thổi một luồng sinh khí vào tư tưởng đương thời, mở đầu cho một tiến trình sinh hoạt mới cho những thế hệ sau".

Vậy triết gia vĩ đại người Đức này đã thuyết giảng cái gì mà Phạm Công Thiện so sánh Bồ Đề Đạt Ma của Phật giáo. Trong phần cuối của tác phẩm "Ý thức mới" mà Phạm Công Thiện gọi là "ý thức tự quyết" bằng hình thức một lá thư gửi cho Nietzsche. Phạm Công Thiện mở đầu lá thư bằng những cơn gió mạnh dữ dội trong buổi trưa vắng



trên đồi Trai Thủy, như để chuẩn bị cho sự xuất hiện của tư tưởng cũng rất dữ dội của Nietzsche: "Buổi trưa hôm nay, gió thổi quá mạnh. Ngoài cửa sổ, cây cối rung chuyển ầm cả lên như những tiếng sóng biển dưới kia. Đồi lúc đứng trên đồi cao này trông xuống biển, tôi chợt thấy quang cảnh dưới kia cũng giống như vùng Portofino mà người đã từng sống trong những ngày cô đơn nhất của đời người".

Và trong một đoạn khác: "Hỡi Nietzsche, những dòng này được viết ra trong lúc ngoài kia gió đang hú lên từng trận kinh hồn, và lắng hồn vào sâu trong tiếng gió, tôi vụt nghe tiếng người thét lên lạnh lạnh: "Các người đang trở nên nhỏ bé, hỡi những con người nhỏ bé kia!"

Đứng trước sự đi xuống, sự nhỏ bé, sự thấp kém của con người, Nietzsche một triết gia Tây phương đau đớn phải thốt lên thành lời, còn Bồ Đề Đạt Ma một tư tưởng gia trầm lặng của Đông phương cũng thấy đau đớn, thất vọng sau cuộc gặp với vua Lương Võ Đế, nhưng phản ứng lại bằng cách lặng lẽ đến chùa Thiếu Lâm trên núi Tung Sơn, ngồi nhìn vào vách đá chín năm (cửu niên diện bích) và chờ đợi...

Nhưng thông điệp của Nietzsche là gì? Phạm Công Thiện viết trong lá thư gửi Nietzsche:

"Ta dạy đạo siêu nhân cho con người. Con người là một sinh vật phải được thắng, được vượt qua".

"Siêu nhân (superman) là tình thương không đối tượng, siêu nhân là vượt lên trên người, là vượt lên trên sự phân chia đối đãi giữa thiện và ác, vượt lên trên hành động có mục đích của con người, là siêu thoát ra ngoài ngã và vô ngã để bay thẳng đến Chân không (Sunyata) là tự do chấm dứt hoàn toàn tất cả vọng tưởng, những biến kế sở chấp (Vikalpa).

Và như vậy theo Phạm Công Thiện: "Siêu nhân của Nietzsche hoàn toàn giống một Bồ tát (Bodhisattva) của Phật giáo". Và Phạm Công Thiện viết tiếp:

"Và không ai lấy làm lạ khi Nietzsche hết sức ca tụng Phật giáo. Đang khi Nietzsche quyết liệt hạ bệ tất cả những thần tượng khác".

Khi còn sanh tiền, Phạm Công Thiện thường nói với tôi, rất tiếc là vị triết gia vĩ đại này sống ở thế kỷ XIX. Lúc đó kinh sách Phật giáo chưa được phổ biến tại Đức cũng như các quốc gia Tây phương. Phạm Công Thiện cho rằng nếu Nietzsche mà đọc được bộ Kinh Đại Bát Nhã (Prajña Paramita Sutra) của Phật giáo Đại thừa thì cái "triết lý bằng cây búa" của Nietzsche không chỉ chệch trái đất mà còn chệch tư được trái đất nữa.

Tôi nhớ trong một bài tùy bút Phạm Công Thiện có nói rằng, khi còn trẻ anh đã "đi theo tiếng thét ngất ngưỡng của Nietzsche" và say mê Phật giáo Thiền tông. Nhưng theo tôi Phạm Công Thiện còn đi xa hơn, không phải chỉ say mê Thiền tông Phật giáo qua sách vở thôi, mà còn trở thành một hành giả nữa.

Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma được Phạm Công Thiện viết trong những năm anh tu tập thiền tại thiền thất của chùa Hải Đức. Khi biến cố Phật giáo xảy ra vào năm 1963, thì công an của chế độ Đệ nhất Cộng hòa đã bắt ráp và lục soát chùa, thì họ đã tịch thu bản thảo. Khi họ trả lại thì theo anh, đã mất khoảng 40 trang, tức là những trang nói về tư tưởng của Bồ Đề Đạt Ma.

Thật là cảm động, khi đọc những lời chú thích nơi phần cuối của tập tiểu luận: "*Thiên khảo luận về Bồ Đề Đạt Ma này in lờ mờ nơi đây không ngoài mục*



dịch dùng làm tài liệu tham khảo cho những việc nghiên cứu về sau và đồng thời, cũng gọi là đánh dấu lại những ngày tôi viết thiên khảo luận này. Những ngày mà tâm hồn tôi đã chuyển sang một chân trời khác, những ngày mà tôi đã được may mắn chia sẻ số phận của những người cùng ở chân trời ấy".

Nhưng câu hỏi quan trọng là, sau khi đọc say mê Phật giáo Thiền tông và đã trở thành hành giả trên đồi Trai Thủy thì cuộc đời Phạm Công Thiện có gì thay đổi không? Hay vẫn còn "gục đầu nghe tiếng hát bên ngoài" trong tác phẩm Ý thức mới nơi chương Ý thức siêu thoát, khi viết về ý nghĩa Phật giáo Thiền tông qua vài suy luận triết học Heidegger, nơi trang 153, Phạm Công Thiện viết:

"Khi viết về đạo Phật Zen, tôi chỉ muốn ghi lại cái cảm giác rất chủ quan của riêng tôi, của một kẻ vui mừng run run khi tìm được lương thực tinh khiết cho tâm hồn bại hoại của mình. Đạo Phật Zen đã hé mở cho tôi thấy những chân trời mênh mông bát ngát; mỗi lần đi vào tinh thần Zen là mỗi lần tôi được đưa lên cao, mọi tuyệt vọng tan biến, thần kinh hết căng thẳng, hơi thở nhẹ nhàng khoan khoái; tôi cảm thấy sung sướng hạnh phúc lắm. Và những cay đắng nhọc nhằn của đời sống dường như vơi hẳn đi".

Trừ những năm Phạm Công Thiện sống ở nước ngoài, còn những năm anh ở trong nước thì tôi đều được ở gần anh. Những năm anh ở Sài Gòn là những năm anh ở trên đỉnh cao của cuộc đời, khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh nổi tiếng, được sinh viên xem như thần tượng, có nhiều tờ báo còn gọi anh là "hiện tượng Phạm Công Thiện" và quả thật anh xứng đáng để được tôn vinh như vậy.

Nhưng với riêng tôi, tôi chỉ muốn giữ lại cái hình ảnh của một thanh niên trí thức đã can đảm từ bỏ hết những đam mê quyến rũ của Sài Gòn để về nằm trên đồi cao của đồi Trai Thủy "nghe gió đầu hiu và tiếng sóng vô xa". Đúng như hai câu thơ mà anh đã làm trên đồi cao lộng gió này:

*"Trùng dương nằm đợi vô thường
Đồi cao bạt gió hai đường âm u."*

Nha Trang cuối năm 2023
TPA

Từ cú lục bát “QUAY VỀ”



CHÁNH NIỆM

Bước qua nắng quai, bão bùng...
Niềm tin vững chãi đoạn ngưng niệm tà
Quay về lay Bụt trong ta
Mênh mang ba cõi cũng là một thôi.

THIÊN

Nghe chuông vọng ở chùa thầy
Quay về tĩnh lặng thông tay tham thiên
Một mình ngồi giữa đảo điên
Nửa đêm leo lét ánh đèn soi tâm.

KÝ ỨC

Quay về với thuở tóc xanh
Giàn hoa gai góc, khoáng sân gạch màu
Tháng ngày âm đạm bể dâu
Nhớ căn bếp bụi vương sâu lạnh tro.

NGHĨ

Nghi đi nghe tiếng đàn tôi
Tranh giành lợi lạc cũng rồi theo mây
Nghi đi phiên khúc nhạc này
Gọi tâm lắng đọng mà quay về mình.

CHUÔNG

Ngồi nghe dĩ vãng vọng âm
Tiếng chuông thông thốt lời thầm nhỏ nhoi
Ngồi nghe chuông vọng qua đời
Lao đao vọng tưởng một hơi quay về.

VỀ

Khoan thai từng bước quay về
Về, tay vạch vén mây che trắng trời
Về, từng bước nhẹ thành thời
Về, con tim nhỏ khẽ lời yêu thương.

QUY Y

Quay về giây phút lắng yên
Tựa nương Tam bảo, thánh hiền từ bi
Một lòng một dạ quy y
Tội xưa sám hối, tâm nay an bình.

SEN

Sen lòng hé giữa bể dâu
Rap mình sám hối, cúi đầu ăn năn
Bước chân dè dặt dùng dằng
Quay về lối nẻo thiện lành ngát hương.

QUÊ

Đường về quê mẹ xa xăm
Một ngày thương nhớ, mười năm mong chờ
Tìm nhoi nhói bóng nhạt mờ
Bước chân bỏ nẻo giang hồ trở quay.

THÀNH THỜI

Về đây, tôi đã quay về
Ngàn sau ngàn trước lặng nghe tâm cười
Buông rời tìm phút thành thời
Mặc đời gió lộng, mặc người trá gian.

SÁM HỐI

Vươn vai gánh lấy nghiệp dày
Chân tung bụi oán, tay bày mâm cơm
Bụng làm dạ chịu bao cơn
Đập đầu sám hối, khum lưng quay về.

THOÁT

Nhẹ tênh từng bước quay về
Không gian tịch mịch, im nghe xa gần
Phập phồng tâm thức không không
Đỉnh cao muôn trượng bụi hồng rơi bay.

HỒI ĐẦU

Bước ra ánh sáng từng bừng
Lật trang sách mới rưng rưng nỗi niềm
Quay về tắm ánh Đạo thiêng
Từng ngày gột rửa thiện hiền sáng trong.

CHỨNG

Từ vô minh bỗng sáng lòe
Bất nhị giải thoát vỡ òa hai vai
Tận cùng hải giác thiên nhai
Nghe chuông vọng tiếng khoan thai quay về.

thơ **VĨNH HỮU TÂM KHÔNG**

GIÁO DỤC TỰ THÂN TÁC CHỨNG (KINH ĐỨC PHẬT)

Nguyễn Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đây là bản kinh mà đức Phật thuyết giảng về đời sống – tiền thân của Phật, dù ở đâu, quốc độ nào, hoàn cảnh môi trường nào đức Phật thấy đều sống trong chánh pháp; sống cho con người; sống cho chúng sanh, tất cả các loài. Sống vì lợi ích để hướng dẫn, sách tấn ai cũng được giác ngộ giải thoát, nếu ai có học, có tu, có tinh cần chuyên lo tích lũy công đức, có biết nghĩ rằng thân người không bền chắc, có đó rồi không. Cuộc sống là vô thường không hẹn một ai, không chờ một vật nào, vì có hình là có hoại. Do vậy mà đức Thế Tôn đã hiển bày tất cả những đức tính thiện lành, từ nơi tự thân của Phật để cho con người thấy, hay dù cho không thấy, nhằm mục đích làm lợi lạc, an lành, hạnh phúc cho chư thiên, loài người và tất cả.

Một cách tóm lược, qua bản Kinh Đức Phật, gồm có 19 phần giảng dạy, chúng ta hãy lần lượt học vào từng phần một, để thấy được con đường giáo dục tự thân, vô cùng quan trọng, nếu ai hành trì được như Phật thì phước lạc tối thắng:

Thứ nhất:

"Này các Thầy Tỳ Kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, Như Lai đời trước làm người kiên trì và không giao động đối với các thiện pháp; thiện hành về thân; thiện hành về miệng; thiện hành về ý; phân định bố thí; thủ hộ giới luật; tuân giữ các lễ bố tát; hiếu kính với Mẹ; hiếu kính với Cha; cúng dường Sa Môn; cúng dường Bà La Môn; tôn kính các bậc đàn anh trong gia đình và tất cả các vị trưởng thượng khác.

Thứ hai:

Này các Thầy Tỳ Kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người; sống vì hạnh phúc chúng sanh; trừ diệt mọi sợ hãi kinh hoàng; sẵn đặt sự che chở; hộ trì bảo vệ đúng pháp; bố thí cho các người tùy tùng.

Thứ ba:

Này các Thầy Tỳ Kheo, trong bất kỳ đời trước nào, hiện hữu nào, trú xứ nào, Như Lai đời trước làm người từ bỏ sát sanh, chế ngự sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý; có lòng từ; sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loại hữu tình.

Thứ tư:

... Như Lai đời trước làm người là vị bố thí các món ăn loại cứng, loại mềm, các loại nấm thơm, loại uống, cao lương mỹ vị.

Thứ năm:

Như Lai đời trước làm người được đầy đủ bốn nhiếp pháp – bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Thứ sáu:

Như Lai đời trước làm người, Như Lai là một vị nói lời liên hệ lợi ích cho chúng sanh; liên hệ đến Pháp; giải thích cho đại chúng; đem lại hạnh phúc an lạc cho chúng sanh; tán dương chánh hạnh.

Thứ bảy:

Như Lai đời trước làm người; Ngài siêng năng học hỏi nghề nghiệp; mọi kỹ thuật; oai nghi hay hành động: "Làm thế nào để tôi mau học được; làm thế nào để tôi mau biết; làm thế nào để tôi mau thu hoạch được; khỏi phải nhọc mệt lâu ngày."

Thứ tám:

Như Lai đời trước làm người không sân hận; hoàn toàn không ảo não; dù có bị nói nhiều cũng không tức tối; không

phẫn nộ; không hiềm khích; không mất bình tĩnh; không biểu lộ phẫn nộ; không sân hận phiền muộn. Trái lại Ngài bố thí các đồ che đấp; mang mặc mềm mại; và len mềm mại.

Thứ chín:

Như Lai đời trước làm người, Ngài làm cho sum họp lại những bà con bạn bè thân tín không gặp nhau lâu ngày; bị đau khổ lâu ngày; làm cho sum họp lại mẹ với con, con với mẹ; làm cho sum họp lại cha với con, con với cha; làm cho sum họp lại giữa anh em với nhau; làm cho sum họp lại giữa anh và chị, giữa chị và em; làm cho hòa hợp lại, sống vui vẻ với nhau.

Thứ mười:

Như Lai đời trước làm người, tha thiết với sự lợi ích của đại chúng; tha thiết với hạnh phúc; tha thiết với sự thoải mái; tha thiết với sự an ủi của đại chúng: "Làm thế nào cho chúng tăng trưởng lòng tin; tăng trưởng giới; tăng trưởng đa văn; tăng trưởng bố thí; tăng trưởng pháp; tăng trưởng trí tuệ; tăng trưởng tài vật và lúa gạo; tăng trưởng đất ruộng; tăng trưởng các loài hai chân và bốn chân;



tăng trưởng vợ con; tăng trưởng đầy tớ và lao công; tăng trưởng bà con; tăng trưởng bạn bè; tăng trưởng quyến thuộc.”

Thứ mười một:

Như Lai đời trước làm người quán sát và hiểu biết rõ ràng toàn thể đại chúng; biết mình; biết người; biết sự sai biệt giữa mọi người: “Người này xứng đáng như thế này; người kia xứng đáng như thế kia” và Ngài hành động tùy theo sự sai biệt giữa mọi người ấy.

Thứ mười hai:

Như Lai đời trước làm người, không làm điều gì hại các loài hữu tình, hoặc bằng tay, bằng đá, bằng gậy hay bằng dao.

Thứ mười ba:

Như Lai lúc xưa làm người có thói quen không ngó liếc, không ngó xiên, không ngó trộm; nhưng tâm chánh trực mở rộng, cao thượng, Ngài nhìn đại chúng với tâm từ bi.

Thứ mười bốn:

Như Lai lúc xưa làm người là người lãnh đạo đại chúng về các thiện pháp; là vị tiền phong đại chúng về thiện hành thuộc về thân khẩu ý; phân phát bố thí; thủ hộ giới luật; tham dự các lễ bố tát; hiếu kính cha mẹ; lễ kính sa môn; cung kính bậc trưởng thượng trong gia đình và về các thiện pháp khác.

Thứ mười lăm:

Như Lai lúc xưa làm người từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói lời chân thật; y chỉ chân thật; chắc chắn đáng tin cậy; không thất hứa một ai.

Thứ mười sáu:

Như Lai lúc xưa làm người, từ bỏ nói hai lưỡi; tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì chỗ này không đi nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì chỗ kia không đi nói với những người này để sanh ra chia rẽ ở những người kia. Ngài sống hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, vui thích trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, nói lời đưa đến hòa hợp.

Thứ mười bảy:

Như lai lúc xưa làm người, từ bỏ lời nói ý ngữ; tránh xa lời nói ý ngữ; nói đúng thời; nói những lời chân thật; nói những lời có ý nghĩa; nói những lời về chánh pháp; nói những lời về luật; nói những lời đáng được gìn giữ; những lời hợp thời, thuận ý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi.

Thứ mười tám:

Như Lai lúc xưa làm người; Ngài từ bỏ lời nói độc ác; nói những lời không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương; thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Ngài nói những lời như vậy.

Thứ mười chín:

Như Lai đời trước làm người, từ bỏ tà mạng, sống theo chánh mạng, tránh xa các sự gian lận bằng cân, tiền bạc đo lường, hối lộ, gian trá, lừa đảo; không làm tổn thương, sát hại, câu thúc, tước đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Tóm lược 19 điều trên, chúng ta thấy đời sống của đức Như Lai như một khối lưu ly, trong suốt, tinh ròng, sáng chói, không tí vết, vẩn đục. Đời sống của một bậc giác ngộ. Vì thương tưởng cho chư thiên và loài người, vì sự bình an hạnh phúc cho tất cả mà Như Lai đã thí thiết các hạnh



VỀ NƠI AN LẠC

*Âm ba tiếng chuông trầm vọng
Về thăm chùa cũ chiều nay
Câu kinh hòa theo nhịp mõ
Cửa thiên nhẹ thoảng hương bay*

*Người tìm về nơi thanh thoát
Bước chân an lạc thênh thang
Lòng xa trần đời nhiễu loạn
Từ bi thấp ánh đạo vàng*

*Tránh xa vũng lầy ái ó
Khoác lên mình tấm áo thiêng
Từ tâm thiện lành đạo hạnh
Vái Phật niệm phút bình yên*

*Lênh đênh dòng đời vô ngã
Về đây xa những bụi trần
Náu nương trong tâm Chánh pháp
Bên Phật vui bên huyền chân.*

thơ NHẬT QUANG

lành, trên giá trị tuyệt vời của Từ Bi, Trí Tuệ. Đức Như Lai đã sống vì và cho tất cả. Cái còn lại bây giờ là tự thân của mỗi người có chiêm nghiệm một cách sâu xa và thực hành theo lời dạy của đức Phật hay không mà thôi. Còn những gì đức Phật dạy thì rõ ràng như thế, chân thật như thế. Ước mong rằng mỗi người tự đặt mình trên con đường giáo dục này để làm hoàn thiện đời sống và tiến xa hơn nữa.

PHÁP MÔN LẠY PHẬT

HT Thích Thái Hòa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Một trong những pháp môn căn bản của người Phật tử là lạy Phật. Lạy Phật thành ra bản tánh tự nhiên của người Phật tử. Cứ chỉ ấy tạo thành nếp sống tâm linh của họ.



Năm 2008, có vị sư Thái Lan đến Tăng Kinh Các, chùa Phước Duyên Huế, thăm tôi và xin tôi chia sẻ pháp hành. Tôi không chia sẻ Thiền tập Vipassana, hay Thiền tập Tứ niệm xứ, vì tôi biết những pháp môn này là căn bản hành trì của Phật giáo Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan, Lào và Khờ Me, nên tôi chỉ chia sẻ pháp môn lạy Phật toàn thân mà tôi thường hành trì đến với vị sư này.

Tôi chia sẻ rằng: "Lạy Phật toàn thân là lạy Phật một cách trọn vẹn cả thân và tâm. Đối với thân thì trán, hai tay và hai chân đều rạp xuống sát đất. Nghĩa là khi ta lạy hai đầu gối sát đất, hai khuỷu tay sát đất và hai bàn tay ngửa ra duỗi thẳng quá trán, và đỉnh đầu của ta chạm xuống sát đất. Đối với tâm phải có nội dung của năm căn bản là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ. Tín là niềm tin kính đối với Tam bảo. Tấn là nỗ lực biểu hiện niềm tin kính đối với Tam bảo trở thành hiện thực trong khi lạy, cũng như trong đời sống. Niệm là duy trì sự tín kính Tam bảo có mặt một cách rõ ràng trong từng động tác lạy. Định là lạy Phật với thân tâm nhất như. Tuệ là quán chiếu nhân hạnh tu hành của Phật và quả vị viên thành của Ngài, để soi chiếu vào nhân và hạnh tu tập của ta trong khi lạy. Và tuệ là quán chiếu chư Phật trong ba đời và mười phương đang có mặt hiện tiền cho ta kính lạy, và mỗi lạy của ta đều chạm tới nhân địa và hạnh nguyện tu hành của các Ngài. Đồng thời mỗi lạy của ta, cũng chạm tới được tự tánh thanh tịnh nơi ta, khiến tự tánh ấy sáng lên nơi tâm ý của ta.

Lạy Phật sát đất với năm bộ phận của cơ thể và với tâm có năm nội dung như vậy, là để nhiếp phục tâm kiêu mạn nơi ta và tỏ lòng thành kính của ta

đối với công hạnh tu tập của chư Phật và tôn trọng Phật tính nơi ta.

Lạy Phật như vậy, ta có thể thực tập mỗi ngày và mỗi lần thực tập lạy Phật, những hạt giống chấp ngã, kiêu ngạo nơi ta sẽ tự rơi rụng. Ta sẽ đi tới được với mọi người và muôn loài bằng tâm tín kính của ta.

Tại sao lạy Phật mà tâm chấp ngã, kiêu ngạo nơi ta bị rơi rụng và ta có thể đi tới được với mọi người và có thể đi vào được biển cả giác ngộ? Vì tâm chấp ngã, khiến ta không đi tới được với mọi người; vì tâm kiêu ngạo, nên ta mất hết niềm tin đối với tất cả. Nên, lạy Phật là ta lấy lại niềm tin cho ta và khiến ta có khả năng sống vô ngại với mọi người. Một trong những đặc tính của biển là không dung tử thi, cũng vậy một trong những đặc điểm của biển cả giác ngộ là không dung tâm kiêu mạn và chấp ngã. Hễ còn tâm kiêu mạn và chấp ngã dưới bất cứ hình thức nào, thì ta cũng không thể vào được với biển cả giác ngộ. Nên, lạy Phật với tín tâm thanh tịnh, thì trước sau gì, những hạt giống kiêu mạn, chấp ngã nơi tâm ta cũng tự rơi rụng, khiến biển cả giác ngộ nơi tâm ta hiện ra cho ta.

Vì vậy, Phật thì không cần ta lạy, nhưng ta lạy Phật là để nuôi lớn niềm tin trong ta và niềm tin trong tất cả mọi người và muôn loài.

Khi ta lạy Phật có niềm tin, có chánh niệm tinh giác, có hạnh và nguyện, thì gối chân phải ta chạm xuống sát đất, tâm ta liền khởi lên nguyện rằng: "Nguyện cho hết thảy chúng sanh đều chạm vào được con đường giác ngộ". Khi gối chân trái chạm xuống sát đất, tâm ta liền khởi lên nguyện rằng: "Nguyện cho hết thảy chúng sanh an trú ở trong chánh đạo, không bị rơi vào tà kiến". Khi tay phải chạm xuống sát đất, tâm ta liền khởi lên nguyện rằng: "Nguyện cho chúng sanh đều được như Thế Tôn, ngồi vào tòa kim cương, đại địa chấn động, tướng tốt hiển bày, chứng nhập đại bồ đề". Khi tay trái chạm xuống sát đất, tâm ta liền khởi lên nguyện rằng: "Nguyện thành tựu Tứ nhiếp pháp, nhiếp phục hết thảy chúng sanh vào đạo bồ đề". Khi đỉnh đầu chạm xuống sát đất, tâm ta liền khởi lên nguyện rằng: "Nguyện cho hết thảy chúng sanh buông bỏ tâm kiêu mạn, thành tựu Vô kiến đỉnh tướng".

Sau khi chia sẻ với vị sư ấy xong, cả hai chúng tôi đều thực tập phương pháp lạy này và cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, hạnh phúc.

Nếu ta không có duyên thực tập thiền quán, thì khi ngồi yên lặng chỉ vài phút là ta đã không làm nổi, chứ nói gì đến vài giờ. Nếu ta không có duyên lạy Phật, thì dù lạy một lạy đã khó, chứ nói gì lạy Phật mỗi ngày khiến phiền não rụng rời. Nếu ta không có duyên với ăn chay, thì ăn một bữa đã khó thực hành, chứ nói gì ăn chay thảng sáu ngày, mười ngày, hay ăn chay trường. Nhưng khi ta đã có đủ duyên với pháp môn nào, thì việc ta hành trì pháp

môn ấy rất dễ dàng đối với ta.

Lạy cha mẹ Tổ tiên huyết thống hay lạy Tổ tiên tâm linh, mà ta chưa có đủ khả năng để lạy, thì làm sao ta có thể lạy được một lạy đối với người ghét mình, đối với người khinh mình?

Kinh Pháp Hoa đã ghi lại sự kính lễ của Bồ tát Thường bất khinh đối với những kẻ khinh mình và những kẻ ghét mình. Ghét mình và khinh mình là chuyện của những người tâm đầy cao ngạo, tâm đầy tăng thượng mạn và thù hận, nhưng Bồ tát Thường bất khinh, thì không thù hận với ai, không kiêu ngạo với ai và cũng không hề tăng thượng mạn với bất cứ pháp môn nào do mình hành trì, ngay cả pháp môn mà Bồ tát đang thực hành là kính lạy những người chống đối mình.

Nhờ thực hành pháp môn kính lễ chư Phật, mà Bồ tát Phổ hiền năng sở đều rộng không, khiến Bồ tát đi vào được biển cả giác ngộ của chư Phật; và nhờ kính lễ những người chống đối, phi báng mình với tâm rộng lượng, năng sở tiêu dung, mà Bồ tát Thường bất khinh chứng nhập biển hoa sen thanh khiết vô nhiễm.

Vì vậy, pháp môn lễ Phật là pháp môn vừa căn bản, vừa sâu thẳm vi diệu, nên nếu là con Phật thì chúng ta không thể không thực hành mỗi ngày, để cho cái lạy của ta từ cạn tới sâu, từ thô đến tế, từ hẹp tới rộng, từ hữu hạn đến vô cùng và từ trắc lượng đến chỗ bất khả tư nghì...

(trích *Gió Đùa Reo Nắng Mới*)



Hạ tàn

hạ tàn nhạt giấc đăm mê
lặng nghe thi sử vọng về tiếng trư
lần theo mớ chữ du thừa
mấy sông nước đục cho vừa lá trôi
lao xao vùng đất lở bồi
thốt ra mấy tiếng miệng môi ngõ ngang
ảo mờ thành quách tan hoang
khói sương giăng phủ lỗ làng trần ai
hạ tàn bụi bám chân hài
bước đi lối nhỏ miệt mài cỏ xanh
quanh đi quẩn lại độc hành
âm vang chuông vọng rót lành vào tim
miền xưa đôi núi im lìm
men theo suối nhỏ chạy tìm tâm linh
nghe câu kinh kệ giật mình
lắc đầu tỉnh dậy thành linh mưa sa
hạ tàn gõ tiếng âm ba
nghe đâu một góc ta bà thốt lên
thôi thì vọng ngữ một bên
bên kia là tiếng lênh đênh mây trời
thơ bay theo gió gọi mời
cuộc đi cuộc đến mấy lời dành riêng
ngôi yên dưới góc muôn thiền
lặng nghe tâm định một miền chân như

thy an

(tặng Uyên Nguyên)

DANH, TƯỚNG, VỌNG TƯỚNG PHÂN BIỆT, CHÁNH TRÍ, NHƯ NHƯ

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỚNG PHẬT HỌC

Trong bài này sẽ nói về năm pháp: danh, tướng, phân biệt, chánh trí, như như, từ Kinh Nhập Lăng Già (Đại chánh tân tu Đại tạng kinh, quyển 16 số 672, in 2009).

"Bấy giờ đại Bồ tát Đại Huệ lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Xin nói cho con các tướng sai biệt của năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã. Con cùng các đại Bồ tát khéo biết chúng rồi, tiêm (dẫn) tu các địa, đầy đủ các pháp Phật, cho đến quả vị tự chứng của Như Lai.

Phật dạy: Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông. Đại Huệ! Năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã là: danh, tướng, phân biệt, chánh trí, như như.

Nếu người tu hành quán sát pháp này thì nhập vào cảnh giới tự chứng của Như Lai, xa lìa các kiến thường đoạn, hữu vô... đặc tam muội hiện pháp lạc rất sâu. Đại Huệ! Người phạm phu không biết năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã, nơi tâm hiện thấy có ngoại vật mà khởi phân biệt. Thánh nhân thì không như thế".

Sanh tử khổ đau mà người phạm phu đang kinh nghiệm là do "nơi tâm hiện thấy có ngoại vật mà khởi phân biệt". Thấy có ngoại vật là có sự phân chia thành đối tượng ngăn cách với chủ thể. Từ đó mà khởi ra vô vàn phân biệt để tạo thành một thực tại phân mảnh, đây là cuộc đời sanh tử.

Trong khi đó, thực tại thì không có sự phân cách giữa chủ thể và đối tượng. Điều này kinh nói là "hai vô ngã", chủ thể không có ngã và đối tượng không có ngã. Nghĩa là không có chủ thể và đối tượng.

Tám thức là năm thức giác quan, ý thức, thức mặt na tức là thức chấp ngã, và thức thứ tám là a lại da, tức tạng thức. Do hoạt động phân biệt của tám thức này mà thấy có ra sanh tử.

Vì không biết sự hoạt động của tâm là "duy tâm ảnh hiện", nên có sự phân cách giữa ta và người, ta với thiên nhiên, ta với thế giới. Kinh Lăng Già nói:

*Thân, tài sản, nhà cửa
Đều duy tâm ảnh hiện*

*Phàm phu không thể biết
Khởi thấy có, thấy không.
Cảnh giới chỉ là tâm
Lìa tâm không thể đắc.*



Để biết hoạt động của tâm, phải biết năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã. Những cái này sẽ được kinh giảng giải tiếp sau.

"Đại Huệ bạch Phật: Do sao không biết mà khởi phân biệt?

Phật dạy: Phàm phu không biết danh là giả lập, tâm theo đó lưu động, thấy thấy thấy tướng, vọng tưởng tôi và cái của tôi, dính nhiễm với sắc, che chướng thánh trí, khởi tham, sân, si.

Tạo tác các nghiệp như tắm nhà kén, vọng tưởng tự trời, sa vào các nẻo của biển lớn sanh tử, như bánh xe kéo nước, tuần hoàn không dứt. Không biết các pháp như huyền, như ảo ảnh, như trăng trong nước, do tự tâm hiện, do phân

biệt hư vọng mà khởi, lìa chủ thể nắm giữ và đối tượng được nắm giữ cùng sanh trụ diệt, cho rằng từ Tự tại thiên, thời gian, vi trần, vi thân tối cao mà sanh, theo danh tướng mà trôi lăn".

Do không biết danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như, nên khởi phân biệt. Đi vào tâm phân biệt là đi vào mê mờ, tạo ra sanh tử. Cho nên cần phải biết cái gì và cơ chế nào tạo ra sanh tử hư vọng.

Danh là tên, để chỉ sự vật, đặc tính và sự hoạt động của sự vật. Danh là giả lập, tạm thời, để chỉ sự vật. Cùng với ý thức phát triển của con người, danh cũng phát triển theo, từ cụ thể bước sang lãnh vực trừu tượng: có và không, hiện hữu và không hiện hữu, hữu hạn và vô hạn...

Tướng là hình tướng, màu sắc, hình dạng, đặc tính, tạo thành cái được gọi là sự vật. Tướng hay sự vật là những cái hợp tạo, do những nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duyên) hợp thành, nên không có bản chất, dễ dàng biến đổi, không thường còn. Điều này từ thường dùng trong đạo Phật là duyên khởi, duyên sanh.

Danh và tướng chỉ là những sự thật quy ước, tương đối (thể đế), là những phương tiện để sống

cuộc sống trong thế giới vật chất. Nhưng bằng sự bám nắm, nắm giữ của mình, con người dần dần cho đó là những sự thật tuyệt đối, tối hậu (chân đế). Danh thay thế cho sự vật, và tướng là những sự vật cứng đặc, không thay đổi, có bản chất thường còn.

Đưa vào quán sát, danh tướng là không có thực thể, do những nhân duyên tạm thời hòa hợp mà thành, không có bản chất, không có tự tánh, vô tự tánh, “do phân biệt hư vọng mà khởi, lìa chủ thể nắm giữ và đối tượng được nắm giữ.”

Suy nghĩ của con người có được là dựa vào danh tướng. Không có danh tướng thì không thể có suy nghĩ. Và danh tướng đã hạn hẹp, phân biệt, chia cắt cho nên suy nghĩ cũng hạn hẹp, phân biệt, chia cắt. Khi đã lọt vào quyền lực của danh tướng thì một câu nói, nói về một điều không thật, cũng có thể làm người ta giận dữ, đưa đến tranh cãi, chiến đấu, chiến tranh. Thế giới trở thành phân mảnh, chia cắt là do hoạt động của ý thức phân mảnh, chia cắt.

Danh tướng tạo ra sự phân biệt trong tâm. “Tâm theo danh tướng mà lưu động, thấy thấy thấy tướng, vọng tướng ra cái tôi và cái của tôi... khởi tham, sân, si”, như thế là sự chuyển động của thức phân biệt, tạo thành thế giới phân mảnh, chia cắt, xung đột nhau.

Ý thức phân biệt chuyển động mãi như thế, “theo danh tướng mà trôi lăn”, thế giới sanh tử do vậy chẳng bao giờ dứt.

Cho nên để chấm dứt, cắt đứt “dòng tâm theo đó lưu động”, cái tạo ra sanh tử tương tục, “các vọng tướng tự trôi như tấm nhà kén, như bánh xe kéo nước, tuần hoàn không dứt”, thì phải biết rằng chạy theo danh tướng là chạy theo sanh tử khổ đau. Biết thực chất của danh tướng là không có bản chất, không có tự tánh, “như huyễn, như ảo ảnh, như trăng trong nước, do tự tâm hiện”, là con đường thoát ra khỏi mê lầm do mình tự tạo.

“Đại Huệ! Trong đó tướng là do thức con mắt thấy, gọi đó là sắc. Do thức tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà có thì gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Những cái như vậy ta gọi là tướng.”

Phân biệt là lập ra các danh để biểu thị các tướng, nghĩa là voi, ngựa, xe, đi bộ, nam, nữ... các danh để biểu thị tướng của chúng. Sự như vậy quyết định cho là không thể khác, đó gọi là phân biệt”.

Cái do thức của các giác quan kinh nghiệm, gọi là tướng. Tướng do thức của các giác quan kinh nghiệm thì bị giới hạn, vì các giác quan thì giới hạn. Hơn nữa, thức và tướng đều không có bản chất, do hợp tạo, giả hợp, duyên sanh nên không có tự tánh.

Trên các tướng bề ngoài khác biệt ấy (nhưng bên trong thì không khác biệt vì không có bản chất) mà lập ra các danh cố định để biểu thị chúng thì gọi là phân biệt. Trong bản dịch đầu tiên kinh này của ngài Cầu Na Bạt Đà La dịch chữ “phân biệt” này là “vọng tướng”. Cả hai chữ đều cùng một ý nghĩa.

Phân biệt là phân biệt trên danh tướng vốn không có bản chất nên phân biệt là hư vọng, là vọng tướng. Và thức hoạt động trên danh tướng hư vọng, nên thức là vọng tướng.

Thế giới con người đang kinh nghiệm là thế giới của danh tướng do thức dệt thành, nên thế giới ấy là vọng tướng hư vọng.



“Chánh trí là quán thấy danh tướng hổ tương làm khách, thức tâm không khởi, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng sa vào chỗ ngoại đạo, Nhị thừa, đó gọi là chánh trí.”

Đại Huệ! Đại Bồ tát dùng chánh trí ấy quán sát danh tướng, chẳng phải hữu chẳng phải vô, xa lìa ác kiến nhị biên tăng giảm. Danh tướng và thức vốn xưa nay không khởi, ta gọi pháp ấy là Như Như”.

Khi quán thấy danh tướng vốn không có bản chất, hổ tương với nhau làm khách thể, khách thể đối tượng này “như huyễn, như ảo ảnh, như trăng trong nước, do tự tâm hiện, do phân biệt hư vọng mà khởi” thì thức tâm không khởi. Thức tâm không khởi tức là chủ thể không khởi. Không có chủ thể và đối tượng (“hai vô ngã”), đây là chánh trí.

Chánh trí là quán thấy không có danh tướng đối tượng, và không có chủ thể thức tâm.

Khi sự quán thấy này của chánh trí thành tựu, thì danh tướng đối tượng và thức chủ thể “vốn xưa nay không khởi, gọi là Như Như”. Danh tướng đối tượng và thức chủ thể vốn xưa nay không khởi, nghĩa là hai thứ do phân biệt ấy xưa nay chưa từng có. Đây là Như Như hay Chân Như.

“Đại Huệ! Đại Bồ tát trụ như như rồi, được ‘vô chiếu hiện cảnh’, lên Hoan Hỷ địa, lìa các nẻo xấu ngoại đạo, vào pháp xuất thế, thuần thực pháp tướng, biết tất cả pháp giống như huyễn..., chứng pháp hạnh của tự thánh trí, lìa kiến đoán định, như vậy lần lượt cho đến Pháp vân địa.”

Đến Pháp vân địa rồi, khai mở đầy đủ các lực tam muội tư tại thân thông mà thành Phật. Thành Như Lai rồi thì vì chúng sanh, hiện thân khắp cả như trăng trong nước, tùy theo ưa muốn của chúng sanh mà thuyết pháp. Thân ấy thanh tịnh, lìa tâm, ý, thức, mang giáp thế nguyên rộng lớn, thành tựu đầy đủ mười nguyên vô tận. Đó gọi là những kết quả có được của đại Bồ tát nhập vào Như Như”.

Khi nhờ chánh trí, Bồ tát nhập vào và trụ Như Như hay Chân Như. Vị ấy vào sơ địa Hoan Hỷ địa, địa đầu tiên của mười địa Pháp thân Chân Như.

“Vô chiếu hiện cảnh” là không có cảnh được chiếu hiện đối lập với tâm.

Thuần thực với pháp tướng, với thật tướng Như Như như vậy, biết tất cả pháp giống như huyền như mộng, vì ấy tu bằng chánh trí quán chiếu cái giả là thức biến hiện cảnh danh tướng và cái thật là Như Như. Thấy Như Như thì trụ Như Như, gọi là trụ vào địa. Như thế cái thấy danh tướng càng ngày càng biến mất và cái thấy Như Như chiếm chỗ cho đến lúc hoàn toàn. Cái thấy hư vọng danh tướng càng biến mất thì thế giới sanh tử hư vọng càng biến mất, thế giới thanh tịnh Như Như càng hiện ra. Lần lượt vượt qua các địa, cho đến địa thứ Mười Pháp vân địa. Vượt lên Pháp vân địa là thành Phật. Đây là kết quả của việc nhập vào và an trụ Pháp thân Như Như.

"Thị hiện khắp cả như trăng trong nước, thuyết pháp cho chúng sanh". Từ Bồ tát Sơ địa lên đến quả vị Phật, không những tu trí huệ thấy các pháp là như huyền, mà đi cùng trí huệ là đại bi và nguyện hạnh cứu giúp chúng sanh. Thành Phật là đầy đủ trí huệ, đại bi và hạnh nguyện.

Trái với niềm tin sai lầm của một số người cho rằng "giải thoát" là yên nghỉ, không làm gì cả. Càng lên các địa cao thì hoạt động cứu giúp chúng sanh càng sâu rộng, cho đến thành Phật thì hoạt động khắp cả, "thị hiện khắp cả như trăng trong nước, thuyết pháp cho chúng sanh".

"Bấy giờ đại Bồ tát Đại Huệ lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ba tự tánh đều vào trong năm pháp, hay mỗi cái có tướng riêng của nó?"

Phật dạy: Đại Huệ! Ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã, đều vào trong năm pháp. Trong đó, danh và tướng là tánh vọng kể, vì y vào tánh duyên khởi và phân biệt tâm và tâm sở, đồng thời khởi lên với danh tướng. Tánh duyên khởi là như mặt trời với ánh sáng. Chánh trí như như thì chẳng thể hoại, đó là tánh viên thành thật.

Đại Huệ! Khi sanh bám nắm với những cái do tự tâm hiện, có tám thứ thức phân biệt khởi lên. Các tướng sai biệt ấy đều không thật, chỉ là tánh vọng kể. Nếu có thể lìa bỏ hai thứ ngã chấp thì trí hai vô ngã tức thời sanh trưởng.

Đại Huệ! Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Như Lai, các địa thứ lớp của tự chứng thánh trí, tất cả Phật pháp đều gồm trong năm pháp này".

Ba tự tánh là tánh vọng kể, tánh duyên khởi và tánh viên thành thật.

Nói ngắn gọn, tánh vọng kể (vọng: hư vọng, kể: tính toán, phân biệt) là bám vào danh tướng và phân biệt mà không biết chúng là hư vọng, như huyền, như mộng. Tánh duyên khởi là tin rằng các pháp là do duyên khởi, có thật, mà không biết rằng, "danh tướng và thức vốn xưa nay không khởi, gọi là Như Như". Tánh viên thành thật chính là Như Như.

Càng lên các địa cao hơn thì tánh vọng kể biến mất, tánh duyên khởi trở thành tánh viên thành thật. Toàn bộ vũ trụ trở thành thật tướng Như Như.

Con đường Nhị thừa, Bồ tát cho đến Như Lai, các địa thứ lớp, cho đến tất cả các pháp môn của Phật pháp đều gồm trong năm pháp này. Đây là kết luận, năm pháp bao trùm tất cả Phật pháp nghĩa là bao trùm tất cả mọi tông phái. Các tông phái có thể khác nhau ở điểm xuất phát vì nhấn mạnh vào vài điểm khác nhau, nhưng tất cả phải đồng quy về Chánh trí và Như Như.

"Lại nữa, Đại Huệ! Trong năm pháp là tướng, danh, phân biệt, như như, chánh trí, thì tướng là

thấy hình trạng của sắc, thanh... mỗi mỗi khác nhau. Dưa vào các tướng kia mà lập ra danh như cái bình, cái đó là như vậy, không khác, đó gọi là danh. Đặt ra các danh để biểu thị các tướng tâm và tâm sở, đó gọi là phân biệt. Danh kia tướng kia rất ráo không có gì, chỉ là vọng tâm đắp đổi phân biệt. Quán sát như vậy cho đến cái biết diệt mất, đó gọi là như như.

Đại Huệ! Tướng như như là chân thật quyết định, căn bản rốt ráo, tự tánh có thể đặc. Ta cùng chư Phật tùy thuận chứng nhập như thật tướng ấy mà khai thị diễn nói. Nếu có thể tùy thuận hiểu ngộ, lìa đoạn, lìa thường, chẳng sanh phân biệt, nhập vào tự chúng, ra khỏi cảnh giới ngoại đạo và Nhị thừa đó gọi là chánh trí.

Đại Huệ! Năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã, tất cả Phật pháp đều gồm hết trong ấy. Đại Huệ! Trong những pháp ấy ông nên dùng tự trí thiện xảo mà thông đạt và khuyến khích người khác thông đạt. Thông đạt rồi thì tâm quyết định không chuyển theo người khác".

Đoạn kinh này tóm tắt lại về năm pháp. Trong đó hai lần nhắc đến "tùy thuận": chư Phật thì "tùy thuận chứng ngộ", các hành giả thì "tùy thuận hiểu ngộ".

Tùy thuận là thiên định, thiên quán và hạnh để tương ứng với chánh trí. Thiên định, thiên quán và hạnh, đó là "dùng tự trí thiện xảo mà thông đạt và khuyến khích người khác thông đạt". Thông đạt là thấu hiểu, nhập vào "như thật tướng, tướng như như", đây là trí huệ. "Khuyến khích người khác thông đạt" là đại bi. Con đường Bồ tát luôn luôn bao gồm trí huệ và đại bi.

"Bấy giờ, Thế Tôn lại nói bài kệ:

*Năm pháp, ba tự tánh
Cùng với tám thứ thức
Hai loại pháp vô ngã
Gồm khắp hết Đại thừa.
Danh tướng và phân biệt
Gồm trong hai tự tánh
Chánh trí và như như
Tức là viên thành tánh".*



CHÓ VÀ CÂY

Chó kia ngủ dưới gốc cây
Chợt đâu gió thổi gãy ngay một cành
Rơi trên lưng chó thình lình
Khiến cho chó bị hoảng kinh thất thần
Chạy qua chỗ trống ở gần
Nằm dài nghỉ mệt tấm thân biếng lười
Mắt thời vẫn nhắm lại thôi
Không cần biết đến cành rơi lưng mình
Chẳng cần ngó cây rung rinh
Nơi đây nơi nghỉ thoả tình dài lâu,
Đến chiều chó mới góc đầu
Và rồi mở mắt nhìn mau bốn bề
Thấy xa xa gió thổi về
Hàng cây, nhánh lá tức thì nhẹ rung
Như chào mừng trên không trung
Chó bèn tự nhủ: “Cây mong ta về
Cành đang vẫy gọi trên kia.”
Thế là chó chẳng còn chi ngần ngại
Nhắm qua phía gốc cây xưa
Chạy về nằm lại coi như bình thường.

*

*Người tu học quyết một đường
Quyết theo Phật pháp, đạo vàng chuyên tâm
Nếu thay đổi là lỡ lầm,
Khi thầy quả trách phải cần lắng nghe
Không nên tự ý bỏ đi
Để rồi gặp khó khăn thì quay lui,
Ăn năn trở lại đúng rồi
Nhưng mà đi lại ngược xuôi bao lần
Uổng thời gian, mệt xác thân
Cực kỳ sai trái, vô ngần đáng thương.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)
(Trích dẫn trong
“SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES”
do Tetcheng Liao dịch).



The Fox Was Hit By A Snap To Twig

Once a fox who stood under a tree was hit by a twig fallen on his back. He then closed his eyes for he did not like to see the tree. Soon after, he went to an open space. He would not return even when night fell.

Later, however, when he saw the branches and the leaves of a big tree wavering up and down in the wind, he said to himself, "The tree must be calling me." He then went back under the tree where he had got hit earlier.

So is a stupid disciple.

In his attempt of becoming a monk, he has chances to approach a tutor from who he runs away at his first slight rebuke. Afterwards, he gets into a lot of trouble when he meets friends who have adverse influence over him. Only then does he begin to think of returning to his tutor. It is indeed stupid of him to go and come like that.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM

704 East "E" Street, Ontario, CA91764 – U.S.A | Tel. & Fax: (909) 986-2433

QUYẾT ĐỊNH CỦA TĂNG TRƯỞNG **Hội Đồng Giáo Phẩm**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Chiếu Quy Chế của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ được tu chính và thông qua bởi Đại hội khoáng đại IV nhiệm kỳ V được tổ chức tại Tu viện Đại Bi, Thành phố Garden Grove, Tiểu bang California, Hoa Kỳ, từ ngày 14 tới 15 tháng 06 năm 2024;

- Chiếu Quyết Nghị của Đại hội khoáng đại IV nhiệm kỳ V được tổ chức tại Tu viện Đại Bi, Thành phố Garden Grove, Tiểu bang California, Hoa Kỳ, từ ngày 14 tới 15 tháng 06 năm 2024;

- Chiếu Thư Đề Trình Danh sách Thành viên Hội đồng Điều hành nhiệm kỳ V (2024 - 2028) của Tổng Thư ký Hội Đồng Điều Hành ngày 13 tháng 04 năm 2024,

- Chiếu nhu cầu Phật sự, nay:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Chuẩn y thành phần nhân sự mới nhiệm kỳ V từ năm 2024 đến năm 2028 của Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ như sau:

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM:

- Hòa thượng Thích Tín Nghĩa (Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, TX),
- Hòa thượng Thích Phước Thuận (Chùa Trí Phước, CA),
- Hòa thượng Thích Nguyên An (Chùa Cổ Lâm, WA),
- Hòa thượng Thích Nguyên Trí (Chùa Bát Nhã, CA)
- Hòa thượng Thích Minh Mẫn (Tổ Đình Huệ Quang, CA),
- Hòa thượng Thích Nguyên Siêu (Chùa Phật Đà, CA),
- Hòa thượng Thích Thông Hải (Chùa Bảo Quang, CA),
- Hòa thượng Thích Nhật Quang (CA),
- Hòa thượng Thích Minh Tuyên (Tổ đình MĐQ, CA)
- Hòa thượng Thích Minh Hồi (Như Lai Thiên Tự, CA),
- Hòa thượng Thích Thiện Long (Chùa Phật Tổ, CA),
- Hòa thượng Thích Minh Dung (Tu Viện Sơn Tùng, CA),
- Hòa thượng Thích Nhựt Huệ (Chùa Duyên Giác, CA),
- Hòa thượng Thích Đồng Trí (TV. Viên Chiếu, CA)
- Hòa thượng Thích Định Quang (Thiền Viện Phước Huệ Quang, GA),

- Hòa thượng Thích Tâm Tường (CA),
- Hòa thượng Thích Tâm Bình (Chùa Linh Sơn Pháp Bảo, CA),
- Hòa thượng Thích Tuệ Uy (Tu Viện Liên Hoa Sanh, CA),
- Hòa thượng Thích Hải Chánh (Chùa Linh Mục Hải Ngoại, GA),
- Hòa thượng Thích Ấn Long (Portland, OR).

- **Tăng Trưởng Hội Đồng Giáo Phẩm:** Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa,
- **Chánh Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm:** Hòa Thượng Thích Minh Dung.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH:

- 1. Chủ Tịch:** Hòa thượng Thích Nguyên Siêu (Chùa Phật Đà, CA),
- 2. Phó Chủ Tịch Nội Vụ:** Hòa thượng Thích Thánh Minh (Chùa Liên Hoa, CA),
- 3. Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ:** Thượng tọa Thích Nhuận Bình (Chùa Lâm Tỳ Ni, MA),
- 4. Tổng Thư Ký:** Thượng tọa Thích Thiện Long (Chùa Thiên Trúc, CA),
- 5. Phụ Tá Tổng Thư Ký:** Đại đức Thích Long Trí (Chùa Thiên Trúc, CA),
- 6. Tổng Thủ Quỹ:** Ni sư Thích Diệu Tánh (Thiền Tịnh Đạo Tràng, CA),
- 7. Phụ Tá Đặc Biệt Chủ Tịch HĐĐH và Cố Vấn Pháp Lý:** Cư Sĩ Quảng Phước - Huỳnh Tấn Lê (CA),

8.- Tổng Vụ Tăng Sự:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Pháp Uyển (Chùa Ba La Mật, FL),
- Thượng tọa Thích Pháp Trí (Chùa Tiên Quang, CA),
- Thượng tọa Thích Hương Niệm (Chùa Linh Quang, CA),
- Thượng tọa Thích Quang Châu (Tu Viện Viên Giác, FL).

9.- Tổng Vụ Hoằng Pháp:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Hạnh Tuệ (Tu Viện Pháp Vương, CA),
- Thượng tọa Thích Hạnh Đức (Chùa Tây Phương, MN),
- Thượng tọa Thích Trừng Sỹ (Chùa Pháp Nhãn, TX),
- Thượng tọa Thích Hạnh Kiên (Chùa Phật Ân, MN),
- Thượng tọa Thích Đức Trí (Chùa Bát Nhã, CA).

10.- Tổng Vụ Văn Hóa:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Chúc Hiền (Chùa An Lạc - Ventura, CA),
- Thượng tọa Thích Trúc Thái Bảo (Thiền Viện Chánh Pháp, OK),
- Thượng tọa Thích Minh Phước (Chùa Việt Nam, TX),
- Ni sư Thích Nữ Giới Định (Chùa Bát Nhã, CA).

11.- Tổng Vụ Giáo Dục:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Chúc Đại (Chùa Giác Sơn, MD),
- Thượng tọa Thích Minh Hạnh (Chùa Quang Minh, IL),
- Thượng tọa Thích Đạo Tình (Thiền Viện Trúc Lâm Bảo Chí, GA),
- Đại đức Thích Đức Khánh (Chùa Lâm Tỳ Ni, MA),
- Sư cô Thích Nữ Hạnh Từ (Chùa Long Sơn, CA).

12.- Tổng Vụ Cư Sĩ:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Đồng Lưu (Tu Viện Quan Âm, FL),
- Thượng tọa Thích Quảng Từ (Chùa Cổ Lâm, WA),
- Thượng tọa Thích Thường Tịnh (Chùa Phật Tổ, CA).

13.- Tổng Vụ Thanh Niên:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Giới Minh (Chùa Phước Minh, LA),
- Thượng tọa Thích Nguyên Minh (Chùa Từ Bi, CA),
- Thượng tọa Thích Hạnh Lý (Chùa Từ Ân, KY),
- Thượng tọa Thích Tâm Hy (Chùa Tường Vân, MA),
- Đại đức Thích Minh Hải (Tu Viện Hương Vân, WA).

14.- Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội:

- Tổng Vụ Trưởng: Ni sư Thích Nữ Nguyên Thiện (Tu Viện Huyền Không, Bắc CA),
- Ni sư Thích Nữ Linh Minh (Thiền Viện Chánh Pháp, OK).

15.- Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh:

- Tổng Vụ Trưởng: Ni sư Thích Nữ Hạnh Như (Tu Viện Quan Âm, Nam CA),
- Ni sư Thích Nữ Huệ Thảo (Chùa Ưu Đàm, NV).

16.- Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Hải Nghiêm (Chùa Từ Bi, Texas),
- Thượng tọa Thích Quảng Văn (Tu Viện Vô Biên Hạnh, GA).

17.- Tổng Vụ Truyền Thông:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Giác Giới (Chùa Phật Bảo, PA),
- Thượng tọa Thích Quảng Văn (Santa Ana, Nam CA),
- Sư cô Thích Nữ Hạnh Từ (Chùa Long Sơn, Nam CA),
- Cư Sĩ Thanh Huy (Santa Ana, Nam CA).

18.- Tổng Vụ Nghi Lễ:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Tâm Lương (Chùa Trúc Lâm, CA & AZ),
- Thượng tọa Thích Tín Hòa (Chùa Tường Vân, Nam CA),
- Thượng tọa Thích Nguyên Minh (Chùa Từ Bi, Nam CA),
- Thượng tọa Thích Đạo Nghiệp (Chùa Viên Thành, Nam CA),
- Thượng tọa Thích Quang Minh (Chùa Linh Bửu, AZ),
- Đại đức Thích Nhật Thiện (Chùa Khải Tường, Utah),
- Đại đức Thích Nhật Thiện (Chùa Pháp Vân, TX).

19.- Tổng Vụ Pháp Chế:

- Tổng Vụ Trưởng: Cư Sĩ Quảng Tu - Hoàng Văn Chương (Santa Ana, Nam CA),

- Thượng tọa Thích Minh Trọng (Chùa Niệm Phật, MN).

20.- Tổng Vụ Kiến Thiết:

- Tổng Vụ Trưởng: Thượng tọa Thích Huệ Minh (Santa Ana, Nam CA),
- Thượng tọa Thích Pháp Tánh (Chùa Khánh Hy, Nam CA),
- Thượng tọa Thích Nguyên Tâm (Chùa Pháp Hoa, LA),
- Thượng tọa Thích Thông Từ (Chùa Vạn Phật, MN).

21.- Nguyệt San Chánh Pháp:

- Chủ Nhiệm: Hòa thượng Thích Nguyên Siêu (Chùa Phật Đà, Nam CA),
- Chủ Bút: Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào (Santa Ana, Nam CA).

22.- Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Tại Hoa Kỳ:

- Trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Hoa Kỳ: Huỳnh trưởng Quang Ngộ - Đào Duy Hữu (San Jose, Bắc CA),
- Huỳnh trưởng Nguyên Từ - Nguyễn Quốc Hưng (Santa Ana, Nam CA)
- Huỳnh trưởng Huệ Cảnh—Hồ Đăng Dũng (San Jose, Bắc CA)

23.- Ban Tham Vấn:

- Cư sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải,
- Cư sĩ Thiện Giáo Đoàn Ngọc Đa.

24.- Chánh Đại Diện Điều Hành Phật Sự – Tiểu Bang

- (Bắc) California -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Thiện Long (Chùa Thiền Trúc, CA)
Đại đức Thích Nguyên Thiện (Chùa Vạn Phước A Di Đà, CA)
Sư cô Thích Nữ Nhật Hiếu (Chùa Duyên Giác, CA)
- (Nam) California -
Chánh Đại Diện: Hòa thượng Thích Thông Hải (Chùa Bảo Quang, CA)
- (Dallas) Texas -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Hải Nghiêm (Chùa Từ Bi, TX)
- Georgia -
Chánh Đại Diện: Hòa thượng Thích Hải Chánh (Chùa Linh Mục, GA)
- Florida -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Quang Châu (Tu Viện Viên Giác, FL)
- Pennsylvania -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Hạnh Hải (Chùa Pháp Bảo, PA)
- Missouri -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Hải Đàm (Chùa Quan Âm, MO)
- Minnesota -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Thông Từ (Chùa Vạn Phật, MN)
- Louisiana -
Chánh Đại Diện: Hòa thượng Thích Nguyên Tâm (Chùa Pháp Hoa, LA)
- Oklahoma -
Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Trúc Thái Bảo (Thiền Viện Chánh Pháp, OK)
- Washington State -



Chánh Đại Diện: Thượng tọa Thích Quảng Từ (Chùa Cổ Lâm, WA)

25.- Tổng Vụ Ni Bộ:

Chứng Minh Ni Bộ:

- Sư Bà Thích Nữ Nguyên Thanh (Chùa An Lạc, Bắc CA)

- Sư Bà Thích Nữ Như Tịnh (Tu Viện Đại Bi, Nam CA)

Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ: Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu (Chùa Quang Minh, CO)

Tổng Vụ Phó Ni Bộ:

- Ni Trưởng Thích Nữ Minh Phước (Nam CA)

- Ni Trưởng Thích Nữ Nguyên Bốn (Nam Chùa Kiêu Đàm, CA)

- Ni sư Thích Nữ Tiến Liên (Tịnh xá Ngọc Hòa, Bắc CA)

- Ni sư Thích Nữ Như Quang (Chùa Phước Quang, Nam CA)

Phó Điều Hành Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Nguyên Thiện (Tu Viện Huyền Không, Bắc CA)

Thư Ký Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Huệ Thảo (Chùa Ưu Đàm, NV)

Phó Thư Ký Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Trung Châu (Tu Viện Đại Bi, Nam CA)

Trưởng Thủ Quỹ Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Linh Minh (Thiền Viện Chánh Pháp, OK)

Phó Thủ Quỹ Ni Bộ: Sư cô Thích Nữ Quảng Ngộ (Chùa Cổ Lâm, WA)

*.- Tiểu Ban Giáo Dục Ni Bộ:

- Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu (Chùa Quang Minh, CO)

- Ni sư Thích Nữ Tiến Liên (Tịnh xá Ngọc Hòa, Bắc CA)

- Ni sư Thích Nữ Nguyên Thiện (Tu Viện Huyền Không, Bắc CA)

*.- Tiểu Ban Cố vấn tài chánh cho Ni Bộ: Ni sư Thích Diệu Tánh (Thiền Tịnh Đạo Tràng, CA)

*.- Trưởng Tiểu Ban Tài Chánh Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Thông Phương (Chùa Cổ Lâm, WA)

*.- Trưởng Tiểu ban Từ Thiện Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Huệ Nghiêm (Chùa Hải Ấn, GA)

*.- Phó Từ Thiện Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Nguyên Giác (Nam CA)

*.- Trưởng Tiểu Ban Tăng Sự Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Tuệ Từ (Chùa Khánh Hỷ, Nam CA)

*.- Trưởng Tiểu Ban Văn Hóa Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Giới Định (Chùa Bát Nhã, Nam CA)

*.- Trưởng Tiểu Ban Trần Thiết Ni Bộ: Ni sư Thích Nữ Nguyên Giác (Chùa Bát Nhã, Nam CA)

*.- Phó Ban Trần Thiết Ni Bộ: Sư cô Thích Nữ Nhật

Hiếu (Chùa Duyên Giác, Bắc CA)

Sư cô Thích Nữ Nhật Thoại (Bắc CA)

*.- Ban Hoàng Pháp Ni Bộ:

Trưởng: Ni sư Thích Nữ Như Quang (Chùa Phước Quang, Nam CA)

Phó: Ni sư Thích Nữ Thông Thành (Nam CA)

Thành Viên Ni Bộ:

- Ni sư Thích Nữ Tịnh Phước (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Nguyên Diệu (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Minh Nhựt (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Phượng Liên,

- Ni sư Thích Nữ Như Thuận (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ An Trí (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Như Bảo (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Minh Thường (Dallas, TX),

- Ni sư Thích Nữ Hạnh Như (Tu Viện Quan Âm, Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Ngô Tâm (CA),

- Ni sư Thích Nữ Thông Phương (Chùa Cổ Lâm, WA),

- Ni sư Thích Nữ Pháp Hỷ (CA),

- Ni sư Thích Nữ Phước Quang (Nam CA),

- Ni sư Thích Nữ Trung Thiện (Nam CA),

- Sư cô Thích Nữ Hỷ An (Nam CA),

- Sư cô Thích Nữ Diệu Thiện (Nam CA),

- Sư cô Thích Nữ Diệu Ngọc (Nam CA),

- Sư cô Thích Nữ Hạnh Minh (TX),

- Sư cô Thích Nữ Quảng Ngộ (WA),

- Sư cô Thích Nữ Hạnh Từ (Chùa Long Sơn, Nam CA).

2/ Chủ tịch Hội đồng Điều hành, các Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành, Văn phòng Thường trực Hội Đồng Điều Hành, các Tổng vụ, các Vụ, các Ban trực thuộc Hội đồng Điều hành chiếu Quyết Định thi hành nhiệm vụ;

3/ Quyết Định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phật Lịch 2568,
California, ngày 15 tháng 06 năm 2024,

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Tăng Trưởng,
(ấn ký)

Sa môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:

- Hội Đồng Giáo Phẩm (thẩm tương)
- Hội Đồng Điều Hành (tri tương và phổ biến)
- Lưu.

BỒ-TÁT ĐẠO

Thích Nhuận Châu dịch

TỰ TƯỜNG PHẬT HỌC



LND: Theo khuynh hướng giới nghiên cứu đương thời, bài viết này đề cập đến Bồ-tát theo quan điểm “Phật giáo thời kỳ đầu” (Mainstream Buddhism). Cho thấy Bồ-tát đạo, điểm đặc sắc của Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna), vốn đã có điểm xuất phát ngay từ Đức Phật, được ghi chép trong những văn bản sớm nhất. Trong qua trình truyền bá, khi đặt mục tiêu cứu độ và lợi lạc cho số đông, giáo lý đạo Phật luôn luôn có những điểm dung thông, nhưng vẫn không mất đi tinh túy ban đầu, đó là giải thoát. Xin giới thiệu bài viết của Paul Williams Giáo sư khoa International Affairs, George Washington University. Trong *Encyclopedia of Religion, Second Edition* (2005), Lindsay Jones chủ biên.

Chú thích và các tiểu đề là của người dịch. **THÍCH NHUẬN CHÂU**

1. Khái quát

Theo đạo Phật, Bồ-tát (s: *bodhisattva*; p: *bodhisatta*) là người đang trên con đường đạt tới trạng thái của bậc chứng ngộ. Cụ thể hơn, thuật ngữ này thường dùng cho những người đang trên con đường trở thành một bậc giác ngộ viên mãn. Đó là “Con đường của Bồ-tát”, tiếng Phạn gọi là *bodhisattvamārga* (e: *bodhisattva-path*; bồ-tát đạo), *bodhisattvayāna* (e: *bodhisattva-vehicle*; bồ-tát thừa), hay *bodhisattvacaryā* (e: *bodhisattva-conduct*; bồ-tát hạnh). Đó là con đường mà vị ấy đi từ sơ phát bồ-đề tâm cho đến khi đạt “đạo quả”, thường là Phật quả viên mãn.

2. Thuật ngữ

Không có gì khó hiểu trong ý nghĩa của chữ *bodhi* (bồ-đề). Thuật ngữ bắt nguồn từ căn *budh-*, hệ ngôn ngữ Indo-Aryan, từ đó phái sinh từ *buddha*, có nghĩa “sự thức tỉnh” (wakening) hay “giác ngộ” (enlightenment). Vấn đề chính là ở *sattva*. Trong tiếng Phạn, từ này có nghĩa là “chúng sinh” ([sentient] being), “bản chất” (essence) hoặc còn có nghĩa là “lòng can đảm” (courage). Thế nên, Bồ-tát là “bậc giác ngộ”, “người có bản chất giác ngộ” hoặc là “người có can đảm giác ngộ”. Đó là cách mà thuật ngữ này thường xuyên được đề cập đến trong các nguồn tiếng Phạn của Phật giáo.

Vậy thuật ngữ trên có liên quan như thế nào đến người chưa đạt được mục tiêu giác ngộ. K. R. Norman [1] (1990–1996, trang 87) gợi ý rằng Bồ-tát có thể là từ phái sinh, như một phần của quá trình Phạn hóa các cách diễn đạt Trung Ấn-Aryan (Middle Indo-Aryan) (chẳng hạn như tiếng Pāli). Vì thế, *bodhisatta* trong hệ ngôn ngữ Trung Ấn-Aryan đã được Phạn hoá là *bodhisattva*. Tuy nhiên, có những lựa chọn thay thế khác, cách thay thế này

phù hợp hơn với những giải thích được đưa ra về từ nguyên *bodhisatta* trong các luận giải Pāli. Tiếng Phạn của từ *bodhisatta* có thể là *bodhisakta* (e: directed toward enlightenment; hướng tới giác ngộ), hoặc có thể là *bodhisakta* (e: capable of enlightenment; có khả năng giác ngộ). Hiển nhiên những từ phái sinh này cho ý nghĩa rõ hơn.

Từ rất sớm, Phật giáo phân kỳ thành một số truyền thống, được xác định bởi Luật tạng, từ giới luật xuất gia của từng bộ phái. Chẳng hạn như Thượng toạ bộ (Theravāda), Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda) Đại chúng bộ (Mahāsāṃghika), Pháp tạng bộ (Dharmaguptaka). Khi xem xét Luật tạng được cho là có thẩm quyền đối với từng bộ phái này, người ta tìm thấy các văn bản đề cập đến Bồ-tát đạo và sự phát triển tiệm tiến từ quan điểm “bộ phái” phổ biến hoặc được ưa chuộng. Tuy nhiên, chi tiết của những quan điểm đó có thể không đồng nhất.

Theo Phật giáo phát triển, đề cập đến 3 loại giác ngộ. Đó là giác ngộ của hàng Thanh văn (Śrāvaka; e; hearers), người vị nghe lời dạy của Đức Phật, đạt đến niết-bàn (*nirvāna*), chứng quả a-la-hán (*arhat*; p: *arahant*), chấm dứt tất cả các thứ khổ. Còn có sự giác ngộ của một nhóm “Độc giác”, còn gọi là Duyên giác (P: *paccekabuddhas*). Thứ ba là sự giác ngộ viên mãn tối thượng của một vị Phật. Sự giác ngộ của một vị Phật khác nhau như thế nào là điểm còn tranh luận, nhưng không ai phủ nhận rằng ở một số khía cạnh quan trọng, điều đó có sự khác biệt. Vì bồ-đề có nghĩa là “giác ngộ”. Ba loại giác ngộ đã được xác định, nên thuật ngữ Bồ-tát (*bodhisattva*) do đó cũng được công nhận là có áp dụng cho ai đang hành trì trên mỗi “thừa” (*yāna*) này.

Mặc dù Bồ-tát thường được sử dụng một cách thông thường chỉ cho người hành trì theo con đường thứ ba trong số những giáo lý này để đạt tới Phật quả viên mãn. Trong đó các văn bản muốn làm rõ quan điểm này, thuật ngữ *bodhisattva* được liên kết với *mahāsattva* (đại chúng sinh, đại hữu tình). Vị Phật tương lai là một Bồ-tát ma-ha-tát (*bodhisattva mahāsattva*).

Một ý nghĩa của điều này là nếu cách Norman sử dụng các từ nguyên tiếng Pāli là đúng thì *mahā* (lớn, vĩ đại) trong *mahāsattva* có thể bao hàm “một người hướng tới sự vĩ đại” hoặc “một người có khả năng vĩ đại”. Nếu vậy thì “vĩ đại” chính là Phật quả. Không rõ việc sử dụng thuật ngữ *bodhisattva mahāsattva* này xuất hiện từ trước như thế nào, mặc dù được tìm thấy trong kinh điển Đại thừa (Mahāyāna) khá sớm. Cho phép giả thuyết rằng *Mahā* trong *Mahāyāna* cũng nên được xem là đề cập đến “vĩ đại”, tức là Phật tính (so sánh *mahābodhiyāna* trong luận giải Hạnh tạng [*Caryāpiṭaka*] của Hộ Pháp [Dhammapāla] vào thế

kỷ thứ VI). Do đó, *Mahāyāna* về mặt từ nguyên có thể là “Cỗ xe [dẫn đến] sự Ví đại,” tức Phật quả.

Con đường của Bồ-tát theo nghĩa này là trong tâm lý thuyết và thực hành của Đại thừa (*Mahāyāna*). Đối với Đại thừa, tất cả những ai có thể lấy Phật quả làm mục tiêu của mình, thì người ấy cũng như chính là Phật. Bởi vì không có truyền thống Phật giáo nào cho rằng giác ngộ như một vị A-la-hán hay một vị Độc giác là nổi bật như trở thành một vị Phật. Đại thừa (*Mahāyāna*) có thể tương phản với Tiểu thừa (*Hīnayāna*) theo định nghĩa là thấp kém. Dịch *hīna* là “nhỏ” hay “nhỏ hơn” sẽ không chính xác.

Người ta biết rất ít về việc các trường phái giáo lý Đại thừa (*Mahāyāna*) đã phát triển và truyền bá cụ thể như thế nào ở Ấn Độ. Sẽ tốt hơn nếu suy nghĩ (ít nhất là ở giai đoạn này) về các thảo luận khác nhau trong các luận bản Đại thừa (*Mahāyāna*) đa dạng, một số trong đó dần dần ảnh hưởng lẫn nhau. Vì thế ta không nên mong đợi tìm thấy một Bồ-tát đạo duy nhất, ngay cả trong Đại thừa. Trong phạm vi mà các văn bản ảnh hưởng lẫn nhau, có thể có những ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực. Trường hợp đó xảy ra ở Ấn Độ đến mức nào và như thế nào vẫn là một chủ đề đang được nghiên cứu. Ví dụ, bên ngoài Ấn Độ, ở Tây Tạng, khi các trường phái tổng hợp của Phật giáo phát triển, cố gắng du nhập tất cả tài liệu Phật giáo này và đặc biệt là Đại thừa, các nguồn tài liệu đã được hài hòa và nhào nặn để hình thành Bồ-tát đạo của trường phái đó, cuối cùng ít nhiều được tất cả các thành viên trong trường phái chấp nhận. Bài viết này trước tiên sẽ mô tả cách nhìn nhận Bồ-tát và Bồ-tát đạo trong Phật giáo Phật giáo thời kỳ đầu, sẽ tập trung vào tài liệu được bảo tồn bằng tiếng Pāli gắn liền với truyền thống Thượng tọa bộ (*Theravāda*). Cho đến nay, nguồn quan trọng nhất nằm trong *Tiểu bộ kinh* (*Khuddaka Nikāya*). Đó là *Phật sử* (*Buddhavaṃsa*; e: Chronicle of buddhas) của Buddhadatta, *Hạnh tạng* (*Caryāpitaka*; e: Basket of conduct) của Dharmapāla, và Nhân duyên truyện (*Nidānakathā*; e: Story of the origins) được cho là của Phật Âm (*Buddhaghōṣa*), cùng với những chú giải liên quan của họ (thể kỷ thứ V -VI TtI).

Những thảo luận về công hạnh của Bồ-tát được đặt trong mô tả công hạnh đích thực của Bồ-tát Cồ-đàm (*Gautama*; p: Gotama), tức Đức Phật Thích-ca Mâu-ni “của chúng ta”. Tác phẩm *Phật sử* (*Buddhavaṃsa*) kể lại rằng Cồ-đàm đã xấu kết một bước đi kỳ diệu bằng ngọc trên bầu trời.

(54) Nếu Ta muốn thì hôm Ta có thể đốt cháy những phiền não của mình. (55) Có ích gì Ta (còn) chưa biết chứng ngộ pháp ở đây? Đạt đến toàn trí, Ta sẽ thành Phật ở thế giới cùng với chư thiên. (56) Việc Ta vượt qua một mình có ích gì, là người nhận thức được sức mạnh của mình? Đạt đến toàn giác, Ta sẽ khiến thế giới cùng chư thiên vượt qua. (57) Nhờ công đức này của Ta đối với bậc tối thượng trong loài người, Ta sẽ đạt đến trí tuệ toàn giác,

khiến nhiều người vượt qua. (Horner [2], trang 3, 1975, trang 14)

Phật sử (*Buddhavaṃsa*) giải thích rằng vào thời điểm may mắn này, nhiều yếu tố khác nhau đã kết hợp với nhau thông qua nghiệp (*karma*) để khiến những nguyên vọng thực tế đạt đến Phật quả trở thành hiện thực:

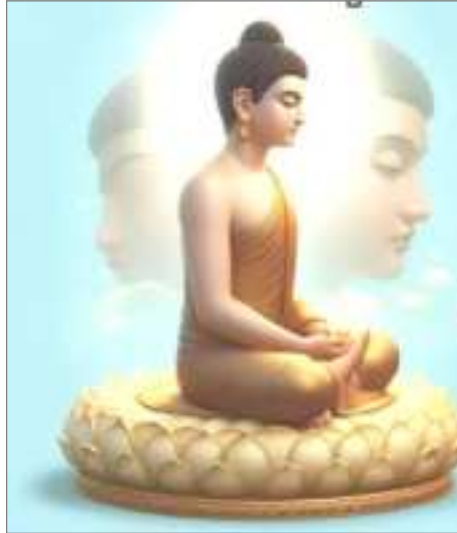
(59) Sự hiện hữu của con người, đạt được giới tính [nam], nguyên nhân [khả năng trở thành a-la-hán], nhìn thấy bậc Thầy [một vị Phật], xuất gia [như một người xuất gia], đạt được những phẩm chất đặc biệt [chứng đắc tâm linh] thành tựu, và tạo lập công đức [hy sinh mạng sống mình cho chư Phật], và sức mạnh ý chí. (Horner, trang 3, 1975, trang 15; luận giải của Buddhadatta, 1978, trang 133-134)

Đức Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṃkara*) thọ ký cho Thiện Huệ (*Sumedha*) thực sự sẽ trở thành Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong nhiều kiếp sau. Và lời thọ ký của một vị Phật, Thiện Huệ (*Sumedha*) suy ngẫm, không

thể nhằm lẫn được. Những người khác lúc bấy giờ nghe được điều này đều vui mừng. Nếu họ không đạt được giác ngộ dưới thời Đức Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṃkara*), họ có thể đạt được giác ngộ trong tương lai với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Những điểm sau đây đáng chú ý. Câu chuyện về lời phát nguyện của Thiện Huệ (*Sumedha*) với Đức Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṃkara*) nhằm mục đích (a) tạo ra sự tôn kính đối với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và (b) khuyến khích những tín đồ hiện tại đã không đạt được giác ngộ trước sự hiện diện của Ngài với khả năng giác ngộ trong tương lai với vị Phật tiếp theo. Đây sẽ là Đức Phật Di-lặc (*Maitreya*; p: Metteyya), đã được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ ký.

Ngoài ra, Bồ-tát còn phát những lời nguyện vững chắc. Phát nguyện của Bồ-tát diễn ra trước sự chứng minh của vị Phật trước đó, người có khả năng thọ ký sự thành thành tựu của lời nguyện trong tương lai. Các luận giải nói rõ rằng phát nguyện trước sự hiện diện của một biểu tượng thay thế, như xá-lợi của Đức Phật là chưa đủ. Như vậy vào lúc này Bồ-tát đã đạt đến giai đoạn không thể thối thất. Nhưng điều gì đã dẫn đến điều này? Các tác phẩm bằng tiếng Pāli về sau thậm chí còn mô tả những giai đoạn sớm hơn, khi Bồ-tát lần đầu tiên có ý tưởng trở thành một vị Phật. Chẳng hạn, khái niệm về các giai đoạn trước đó đã được chính thức hóa trong một nguồn tư liệu của Phật giáo thời kỳ đầu quan trọng khác, *Đại sự* (*Mahāvastu*; e: The great topic) của Đại chúng bộ (*Mahāsāṃghika*). Đầu tiên, đó là giai đoạn “tự nhiên”, khi Bồ-tát tương lai sống một cuộc đời đạo đức bình thường trước khi ấp ủ ước nguyện trở thành một vị Phật. Sau đó là “quyết tâm” khi lần đầu tiên nguyện được hình thành, rồi đến việc “sống kế hợp” với lời nguyện đó. Cuối cùng, Bồ-tát được tuyên bố là “không thối chuyển” (*Đại sự*; *Mahāvastu*, 1949-1956, tập 1,



trang 1 n. 2, 39–46). *Đại sự* (Mahāvastu) cũng đề cập đến mười “giai đoạn” (địa; *bhūmi*) liên tiếp trong sự nghiệp tiến tới Phật quả của Bồ-tát [xem Đại thừa (Mahāyāna) phần dưới].

Thiện Huệ (Sumedha) phát nguyện vì quan tâm giúp đỡ người khác cũng như cho chính mình, nhưng cũng có lẽ vì nhận thức được rằng, trong những hoàn cảnh đã xảy ra, danh tiếng và vinh quang cao nhất đều phù hợp với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Có thể nói đó là nhiệm vụ của ngài. Nếu Thiện Huệ (Sumedha) không phát nguyện hành Bồ-tát đạo vào thời điểm đó, ngài sẽ đánh mất một nhân duyên quý báu, điều quan trọng là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sẽ không còn tồn tại.

Trong tất cả các nguồn tư liệu, đặc biệt là *Hạnh tạng* (*Caryāpitaka*) và luận giải, sau đó mô tả nhiều lần tái sinh của Thiện Huệ (Sumedha) với lời nguyện và quả vị cuối cùng là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Trong thời gian này có thêm hai mươi ba vị Phật nữa. Bồ-tát tái lập những lời nguyện của mình đối với mỗi vị trong số đó, nhưng cũng phát triển những phẩm chất cần thiết để trở thành một vị Phật. Những điều này được liệt kê thành mười và được gọi là “ba-la-mật-đa” (*pāramitā*; p: *pāramī*; e: *perfections*).

Trong các nguồn tư liệu Pāli, đó là bố thí (*dāna*), trì giới (*sīla*), xuất gia (*nekkhamma*), trí tuệ (*pañña*), tinh tấn (*virīya*), nhẫn nại (*khanti*), chân thật (*sacca*), quyết định (*adhithāna*), tâm từ (*mettā*), và tâm xả (*upekkhā*) [3]. Dharmapāla rút gọn thành sáu: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Có ý kiến cho rằng điều này cho thấy ảnh hưởng của Đại thừa (Mahāyāna), nhưng sơ đồ về ba-la-mật-đa này cũng được tìm thấy trong các nguồn tư liệu Phật giáo thời kỳ đầu như *A-ti-đạt-ma Câu-xá luận* (*Aphidharmakośa*). Tất cả những ba-la-mật-đa này mỗi hành giả Phật giáo phải đạt được. Chính mức độ hoàn hảo là điều xác định một vị Phật.

Với phát nguyện tái sinh của Thiện Huệ (Sumedha), trong đó ngài phát triển các ba-la-mật-đa, được kể lại những câu chuyện thú vị về đức hạnh anh hùng. Ví dụ, Bồ-tát tái sinh thành hoàng tử Tu-đại-noa (Vessantara). Trong kiếp sống đó, ngài đặc biệt thực hành bố thí ba-la-mật, cho đi tất cả khi được yêu cầu, kể cả vợ con. Trong một số kiếp, Bồ-tát là loài vật, giống như vị vua khỉ đức hạnh. Vì vậy, những câu chuyện ngụ ngôn phổ biến với mục đích đạo đức đã được đồng hóa vào phương pháp sư phạm của Phật giáo. Những “câu chuyện tiền thân” này là những câu chuyện Bản sinh (*Jātaka*). Trên khắp thế giới Phật giáo, đó là những câu chuyện thực sự nói về Bồ-tát đạo. Điều quan trọng là toàn bộ câu chuyện này hoàn toàn mang tính mô tả, trong bối cảnh ngưỡng mộ sự thành công và lòng tốt tuyệt đối của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (hàm ý rằng những công hạnh tương tự đã dẫn đến các vị Phật trong quá khứ và sẽ dẫn đến các vị Phật tương lai). Không ai phủ nhận rằng mỗi quan tâm của những người theo Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là đạt đến giải thoát khỏi mọi đau khổ, tức niết-bàn. Không có dấu hiệu nào cho thấy hiện thời, bất cứ người nào cũng cần phát nguyện thực hành Bồ-tát đạo. Quả thực họ không thể, bởi vì một vị Phật không còn ở đây để xác nhận lời phát nguyện nữa. Đức Phật tiếp theo, Đức Phật Di-lặc (Maitreya; p: *Metteyya*), đã được thọ ký và “đang trong quá trình”.

Tuy nhiên, có điều không ổn trong câu chuyện của Thiện Huệ (Sumedha). Rõ ràng Thiện Huệ (Sumedha) có thể đã trở thành một vị A-la-hán giác ngộ ngay lúc đó. Vậy tại sao ngài lại phát nguyện hành Bồ-tát đạo? Gợi ý là các yếu tố kết hợp với nhau có thể bị bỏ qua (bây giờ sẽ không còn Đức Phật Thích-ca Mâu-ni) và rằng Sumedha đã tìm kiếm sự thành tựu lớn hơn, có lẽ chính xác là vì ý thức trách nhiệm. Ngài cũng ngạc nhiên trước sự trang nghiêm tuyệt đối của Đức Phật Nhiên Đăng (*Dīpaṃkara*), và ngài muốn cứu nhiều người hơn là chỉ chính mình. Điều nổi bật nhất là có một cảm giác biến mình về mặt đạo đức, theo thuật ngữ Phật giáo, tử bi là nổi bật nhất. Động lực giải thoát luận của Phật giáo thời kỳ đầu, giống như thần học Ấn Độ đương đại khác, là hướng tới tự do thông qua hiểu biết (Williams và Tribe, 2000, trang 17–18). Tuy nhiên, với câu chuyện của Thiện Huệ (Sumedha), nổi lên một gợi ý rằng, thực ra, theo một cách nào đó, trở thành một vị Phật thì tốt hơn, và điều này không phải vì lý do tri thức mà vì đức hạnh. Thiện Huệ (Sumedha) mong muốn giúp đỡ người khác theo cách mà bản thân mình bị bỏ lại phía sau.

Có điều gì tốt hơn là tự do tinh thần ngay lập tức. Hầu hết mọi ba-la-mật-đa đều là vấn đề phẩm chất đạo đức, đức hạnh. Những câu chuyện Bản sinh (*Jātaka*) là chuyện kể về đức tính anh hùng. Sự giải thoát của một vị Phật phải cao hơn đáng kể so với sự giải thoát của A-la-hán về mặt đạo đức. Và những phương thức trong trường hợp này phải liên quan đến lòng vị tha, vì không có gì mang lại lợi ích cho bản thân hơn là trở thành một vị A-la-hán. Nếu đúng như vậy thì có lẽ ai cũng nên cố gắng hướng tới Phật quả, tức là phát nguyện hành Bồ-tát đạo.

Đại thừa (*Mahāyāna*) vượt xa mô tả về Bồ-tát đạo như nói về những kiếp trước của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhằm tạo ra sự tôn kính đối với Đức Phật và niềm hy vọng vào tương lai, theo như một toa thuốc. Bởi vì những ai chắc chắn có thể phát Bồ-tát nguyện, thì Phật quả tốt hơn nhiều so với việc trở thành A-la-hán. Trong bối cảnh Đại thừa này, thật vô nghĩa cũng như một số lập luận cũ nói về việc Bồ-tát trì hoãn sự giác ngộ. Ở đây Bồ-tát từ bỏ mục tiêu trở thành A-la-hán để đạt được quả vị Phật cao hơn càng nhanh càng tốt.

(còn tiếp một kỳ)

Chú thích:

[1] Xem Thư mục tham khảo

[2] Xem Thư mục tham khảo.

[3] Mười ba-la-mật (*Dasa-pāramī*) theo *Kinh Pháp hoa*, có sáu: 1. Bố thí ba-la-mật-đa (*dāna-pāramitā*), 2. Giới ba-la-mật-đa (*sīla-pāramitā*), 3. Nhẫn ba-la-mật-đa (*ksānti-pāramitā*), 4. Tinh tấn ba-la-mật-đa (*virya-pāramitā*), Thiền định ba-la-mật-đa (*dhyaṇa-pāramitā*), 6. Trí huệ ba-la-mật-đa (*prajñā-pāramitā*). *Thập địa kinh* (十地經, *daśabhūmikasūtra*) nêu thêm bốn: 7. Phương tiện ba-la-mật-đa (*upāya-pāramitā*), 8. Nguyện ba-la-mật-đa (*praṇidhāna-pāramitā*), 9. Lực ba-la-mật-đa (*bala-pāramitā*), 10. Trí ba-la-mật-đa (*jñāna-pāramitā*).

THU TỊCH LỮ HOÀI

Lương phong độ thu hải,
Xuy ngã hương tứ phi.
Liên sơn khứ vô tế,
Lưu thủy hà thời quy?
Mục cực phù vân sắc,
Tâm đoạn minh nguyệt huy.
Phương thảo yết nhu diễm,
Bạch lộ thời hàn y.
Mộng trường Ngân Hán lạc,
Giác bãi thiên tinh hy.
Hàm bi tưởng cự quốc,
Khấp hạ thủy năng huy.

LÝ BẠCH

秋夕旅懷

涼風度秋海，
吹我鄉思飛。
連山去無際，
流水何時歸。
目極浮雲色，
心斷明月暉。
芳草歌柔豔，
白露催寒衣。
夢長銀漢落，
覺罷天星稀。
含悲想舊國，
泣下誰能揮。

Lý Bạch
(李白; Li Bai)

ĐÊM THU NHỚ NHÀ

*Gió thu qua biển lạnh,
Mang theo nỗi nhớ nhà.
Núi chạy dài bất tận,
Nước trôi hoài phương xa?
Mắt mờ trông mây bạc,
Ruột đau ngóng trăng tà.
Cỏ thơm cành thối mướt,
Áo chùng sương trắng pha.
Mộng về miền Ngân Hán,
Tinh rồi tinh tú sa,
Ôm sầu thương cố quốc,
Ai lau giận lệ nhòa!*

PHÁP HOAN dịch

* Pháp Hoan dịch từ nguyên tác tiếng Hoa của nhà thơ người Trung Hoa đời nhà Đường Lý Bạch (李白; Li Bai; 701-762).
* Artwork by Chinese artist.
* Ủng hộ tác giả: <https://phaphoan.ca/contact/>
* Đọc những bài thơ khác của Lý Bạch tại đây: <https://phaphoan.com/category/tho-hoa-ngu/ly-bach-李白/>



PHÁT TÂM THÀNH PHẬT

Đạo Sinh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Tình trạng hỗn loạn của thế giới tự cổ chí kim, ngoài các tác nhân thuộc về tự nhiên, còn có yếu tố con người. Con người góp phần vào sự hỗn loạn này qua ba loại hoạt động được Phật giáo gọi tên là NGHIỆP (karma, action); trong đó, loại hoạt động thuộc về nội tâm có tên là Ý nghiệp, và 2 loại hoạt động ngoại biểu là Ngữ và Thân nghiệp. Ý nghiệp chỉ cho quá trình sinh khởi của một ý muốn, một ý chí trong tâm của một con người. Khi một ý chí có nội hàm không tương ứng với Phật Pháp-tức không phù hợp với quy luật tự nhiên, không phù hợp với trật tự vận hành tự nhiên của mọi tồn tại trên thế giới-thì ý chí đó là tác nhân đầu tiên của sự hỗn loạn. Khi một ý chí như thế được khai triển qua ngôn ngữ để trở thành cái con người gọi là học thuyết, chủ nghĩa, hệ tư tưởng, chủ trương, v.v..., và được thực hiện qua các hành vi cụ thể, thì chúng trở thành các hoạt động mang tính phá hủy, chứ không phải xây dựng như thường được lầm tưởng. Ở đây có thể đặt ra câu hỏi "Nguyên nhân hình thành loại ý chí như thế là gì?" hoặc nói một cách dễ hiểu hơn "Tại sao con người lại để cho tình trạng hỗn loạn này xảy ra không dứt như thế?"

Những câu hỏi trên, không phải bây giờ mới được đặt ra, mà từ xa xưa con người đã không ngừng nêu lên và đã tự trả lời. Ở đây chúng ta tạm thời đưa ra hai khuynh hướng nổi bật nhất trong lịch sử văn hóa Trung Hoa:

- Khuynh hướng tách rời khỏi tình trạng hỗn loạn nói trên bằng nỗ lực "chấm dứt những tạo tác đi ngược lại các quy luật tự nhiên". Điển hình là Lão tử và học thuyết Vô Vi của ngài.
- Khuynh hướng thể nhập vào chính tình trạng hỗn loạn đó và nỗ lực thay đổi bằng cách "thiết lập các định chế xã hội". Điển hình là Khổng tử và đa dạng các chủ trương riêng cho từng lãnh vực trong đời sống nói chung của ngài.

Trong giới hạn của nhan đề cũng như khuôn khổ một buổi mạn đàm như thế này, chỉ xin đi sâu vào một khuynh hướng thứ ba, phát xuất từ nền văn minh Ấn-độ: Đó là đức Phật Thích-ca và giáo pháp của ngài.

Đức Phật không chủ trương tách rời khỏi sự hỗn loạn của thế giới, mà cũng không chủ trương khắc phục sự hỗn loạn đó bằng các định chế do con người tạo ra. Tại sao như thế? Vì ngài xuất hiện trong thế giới này chỉ với một mục đích duy nhất: "Chỉ ra và giúp mọi người có được sự hiểu biết của bậc giác ngộ" (khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến). Hiểu biết của bậc giác ngộ là hiểu biết xuyên suốt mọi hiện tượng, không chỉ qua tên gọi và hình tướng, mà còn nhìn thấy tận cùng thể tánh tồn tại của chúng; không chỉ nhìn thấy tự thể các tồn tại mà còn nhìn thấy sự vận hành của mỗi một tồn tại trong tương quan không thể tách rời nhau của chúng. Với một cái nhìn như thế thì cái mà người đời gọi là "khu rừng" thật sự chẳng chỉ cho một khu rừng nào cả, mà đó chỉ là một lượng cây cối cùng tồn tại trong một không gian và thời gian nào đó. Và cũng thật sự chẳng có cái gì được gọi là "cây cối" cả, mà đó chỉ là sự tập hợp của một số cá thể có tên là rễ, thân, cành, hoa, lá, v.v..., trong cùng một không gian và thời gian nào đó.

Đức Phật gọi nguyên lý tồn tại và vận hành như thế của mọi hiện tượng trên thế gian là Duyên Khởi (conditioned arising; interdependent origination), đồng thời nhấn mạnh rằng "dù ngài có xuất hiện hay không thì thế gian vẫn tồn tại và vận hành như thế." Với khẳng định này, ngay cả Phật giáo và những gì thuộc về nó cũng không thoát khỏi nguyên lý này. Cái thường được gọi là "Tăng-già nguyên thủy" chỉ là một cái tên, một tập hợp các ký tự, một chuỗi âm tiết tồn tại trong kinh sách hoặc trong những ngôn từ có liên quan đến Phật giáo. Tồn tại có thật trong quá khứ chỉ là tự thân đức Phật và các học trò của ngài. Với một thực trạng như vậy thì chúng ta sẽ nghĩ về, sẽ nhìn thấy, sẽ nói về "Tăng-già" đó như thế nào cho khỏi bị rơi vào vọng ngữ hay tà kiến. Đó là một "cộng đồng giác ngộ"? Không có. Ít ra cũng còn lại một thành viên của cộng đồng đó chưa đạt được giác ngộ của một A-la-hán khi Phật còn tại thế. Nếu thế thì đó là một "cộng đồng chưa giác ngộ"? Không có. Đức Phật và các vị A-la-hán đã là các bậc giác ngộ. Thế thì đó là một "cộng đồng vừa giác ngộ vừa không giác ngộ"? Tà kiến. Làm gì có cái gọi là thực hữu mà có đến 2 thể tánh; v.v...

Với tín tâm bất hoại đối với đức Phật và Phật pháp, khi nhận thức được nguyên lý này, người Phật tử chân chính có thể biết mình phải làm gì. Một khu rừng xanh tốt chỉ có thể có khi được tạo thành bởi các cây xanh tốt. Một cây xanh tốt phải được tạo thành bởi rễ, bởi thân, bởi cành, v.v..., tươi tốt. Thế giới con người hỗn loạn vì được tạo thành bởi những con người hỗn loạn. Con người hỗn



loạn vì cấu trúc thân-tâm hỗn loạn. Chúng ta không thể có một bầu khí quyển trong lành nếu hàng ngày cứ tiếp tục thở vào đó những hơi thở sặc mùi "tham lam, ngu dốt". Chúng ta không thể có một cộng đồng thân thiết nếu mỗi người nhìn nhau như kẻ thù, v.v... Vậy thì chỉ thiết lập các định chế mà không thay đổi cấu trúc thân-tâm của từng thành viên cấu thành định chế đó thì Quả của sự thiết lập đó là cái gì.

Một trong những yếu tố đầu tiên giúp hình thành đời sống thân-tâm của một Phật tử là "phát Bồ-đề tâm". Yếu tố này sẽ chi phối trọn vẹn con đường tu tập của một Phật tử từ đầu tới cuối. Tại sao thế? Vì Phật tử phát tâm đạt được sự hiểu biết của một bậc giác ngộ, không chỉ để lợi lạc cho riêng mình, mà còn để có thể làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Như vậy khởi điểm của một Phật tử trong cuộc hành trình dài nhằm thay đổi thể giới sẽ bắt đầu bằng "châm dứt tất cả các hành nghiệp bất thiện, đồng thời thực hiện mọi hành nghiệp tích cực của thân tâm". Nếu cái gọi là "chính trị" được thể gian định nghĩa là ý thức và hành động của mỗi con người trong nỗ lực mang lại sự an lạc, trật tự, thanh bình, v.v..., cho cuộc sống cộng đồng thì rõ ràng mọi công phu tu tập của một người Phật tử chính là sự tổng hợp các ý thức và hành động chính trị không ngừng nghỉ. Ngược lại, nếu chỉ được hiểu là sự tranh giành quyền lực trong vô minh giữa các định chế xã hội khác nhau thì một Phật tử chân chính không bao giờ có thể làm. Bởi vì họ được dạy rằng đó là những hành nghiệp không giúp phát triển và thăng hoa những phẩm tính cao quý của xã hội loài người.

(trích Câu chuyện Thầy Trò)



CHỈ PHÙ VÂN

*Có thân ắt phải khổ vì thân
Đã trót sanh ra giữa cõi trần
Những tướng thong dong miền tục lụy
Ai ngờ đắm đuối bể trầm luân
Vừa lên trăng hỡi sao tà nguyệt
Mới gặp người đây đã có nhân
Có phải cuộc đời là giấc mộng
Trăm năm ngoảnh lại chỉ phù vân.*

CHIỀU CHIỀU

*Chiều chiều nhìn mấy ngọn cây
Hỏi cây bao lá lìa xa nhánh gầy
Chiều chiều nhìn bóng chim bay
Hỏi chim bao cánh khuất ngoài khoảng không*

*Chiều chiều nhìn biển mênh mông
Hỏi bao phen biển đục trong lở bồi*

*Chiều chiều nhìn áng mây trôi
Hỏi mây sao vội đến đi, đổi đời*

*Chiều chiều nghe tiếng ru hời
Ôi chao thương quá bao người tả tơi*

*Sau cùng nhìn lại thế gian
Hỏi sao vạn vật mơ màng sắc-không.*

thơ **DIỆU VIÊN**



TẾT TRUNG THU

Ngày hội của Thiếu Nhi

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT

do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

I.- Ý nghĩa sự tích chú Cuội cung trăng và chị Hằng Nga:

Là ngày vô cùng ý nghĩa với bất cứ người nào sinh ra và lớn lên trên đất nước Việt Nam. Đây là một ngày Tết gắn liền với tuổi thơ của biết bao thế hệ tạo ra rất nhiều những kỷ ức đẹp đẽ. Đó là vào ngày Tết Trung Thu được ngồi quây quần bên gia đình, với bình trà ngon và đĩa bánh ngọt và được nghe mẹ, nghe bà kể về câu chuyện chú Cuội và chị Hằng là kỷ ức mà chúng ta lại bồi hồi xao xuyến; nhưng lại rất thú vị. Vì được hỏi tường về tuổi thơ.

II.- Câu chuyện chú Cuội chị Hằng nguồn gốc Tết Trung Thu:

Chuyện kể rằng, ngày xưa trên Cung đình (Trời), có một nàng tiên nữ tên là Hằng Nga, xinh đẹp tuyệt vời và rất yêu trẻ con. Một hôm nọ, nhân ngày Rằm tháng Tám, Ngọc Hoàng ra lệnh tổ chức cuộc thi "Làm bánh ngày Rằm" tức là (bánh Trung Thu). Nếu ai làm được bánh ngon, đẹp và lạ mắt sẽ được trọng thưởng.

Hằng Nga tham dự cuộc thi; và cố gắng tìm ra công thức để làm ra được loại bánh ngon nhất; nhưng không biết cách nào để làm ra loại bánh ngon nhất. Nàng chợt nghĩ... Thôi thì ta hãy xuống trần gian thăm hỏi, may ra có ai giúp mình không.

Và một ngày nọ, Hằng Nga đã quyết định "hạ giới", may mắn thay nàng gặp được chú Cuội - một anh chàng không thật thà.

Hằng Nga thoảng giọng nhẹ nhàng hỏi:

"Chàng ơi, liệu có công thức nào để làm ra một loại bánh ngon và lạ nhất trên đời này không?"

Chú Cuội chỉ nghe thoảng câu hỏi của Hằng Nga nhưng chàng không trả lời và im lặng một lúc thật lâu. Rồi sau đó mặt dù không biết câu trả lời nhưng chú Cuội vì muốn được tiếp tục nói chuyện với Hằng Nga.

Chú Cuội đã vội vàng trả lời:

"Nàng ơi, nàng cứ đem hết nguyên liệu làm bánh mà trộn thật đều lại rồi đem nướng lên. Để một lúc sau rồi lấy ra thì nàng sẽ có món bánh thật tuyệt vời nhất trên thế gian này."

Hằng Nga mừng rỡ vì chàng Cuội đã chỉ cho nàng bí quyết đó. Nàng lấy lòng biết ơn và bắt đầu cùng chàng Cuội làm những chiếc bánh để có thể mang đi dự thi. Trải qua một thời gian làm ra những chiếc bánh ngon nhất, nàng Hằng Nga cũng đã đến lúc phải mang trở về cho kịp dự thi lễ hội. Nhưng chú Cuội lưu luyến không muốn rời xa Hằng Nga nên đã một tay nắm lấy nàng Hằng Nga và tay kia giữ vào cây đa nhưng sức mạnh kì lạ đã kéo cả chàng cùng cây đa đầu làng lên tận cung trăng.

Giờ đây ngồi trên cây đa ở cung trăng, chú Cuội có thể nhìn xuống trần gian thấy bọn trẻ đang

chơi đùa, đôi lúc nhớ nhà, nhớ em, Cuội chỉ biết ngồi khóc và buồn bã.

Về đến thiên đình, thật bất ngờ món bánh của Hằng Nga lại ngon nhất và đặc biệt nhất. Những chiếc bánh của Hằng Nga đã giành giải nhất và lấy tên là "bánh Trung thu", nàng đã ước mỗi năm cứ Rằm tháng Tám, nàng cùng chú Cuội được xuống trần gian chơi cùng các em nhỏ. Từ đó, Ngọc Hoàng đặt tên cho Rằm tháng Tám là "Tết Trung thu" - dịp Tết vui chơi của các em nhỏ.

Kể từ đó hằng năm vào Rằm tháng Tám là Hằng Nga và chú Cuội lại được gặp nhau rồi cùng xuống trần gian mang những chiếc bánh đến cho các em nhỏ để quây quần bên nhau cùng ăn với gia đình các bé.

III.- Tết Trung Thu theo phong tục cổ truyền của người Việt:

Đối với văn hóa truyền thống dân tộc Việt, ngày Tết Trung Thu còn được gọi là Tết Trông Trăng, Tết Nhi Đồng, hay Tết Đoàn Viên.

Theo phong tục cổ truyền, cứ đến Rằm tháng Tám là gia đình sum họp quây quần bên nhau cùng tất cả các thành viên sắm sanh bánh Trung Thu chay, hoa quả, trà để dâng cúng tổ tiên vào buổi tối (15 tháng 8 Âm lịch) khi trăng Rằm mới lên cao. Sau đó cùng thưởng thức tách trà xanh ấm áp với ăn món bánh truyền thống mang tên "Bánh Trung Thu" ngọt ngào, nhân đầy mọi người bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến người nhận, giúp mối quan hệ gắn bó ngày càng ấm áp bền lâu... Đây chính là câu chuyện được dân gian kể lại về sự tích Tết Trung Thu cho đến bây giờ.



Và là câu chuyện mà cha ông ta đã tưởng tượng ra để dạy các bé về tình cảm gia đình, lòng thương người. Vì vậy mà dịp lễ Trung thu cũng là dịp để mọi người đi làm ăn xa về nhà đoàn viên, cùng nhau chuẩn bị mâm cỗ cúng giữa sân rồi cùng nhau ngắm trăng và phá cỗ. Đây cũng là dịp có nhiều các hoạt động như múa lân, rước đèn ông sao được các bé rất thích thú.

IV.- Tết Trung Thu đôi với văn hóa Phật giáo và Tổ chức Gia Đình Phật Tử:

Tết Trung thu tổ chức trong chùa là dịp lành để thanh thiếu niên vui chơi trong không khí đậm đà bản sắc dân tộc của lễ hội cổ truyền quê hương.

Trong khoảng khắc ấm áp này sum họp với nhau; những cư sĩ cũng như đoàn viên Gia Đình Phật tử cùng quây quần trong Chánh điện, thay vì để nghe buổi pháp đàm như thường lệ, thì hôm nay (đêm Rằm Trung Thu), đặc biệt lại có thêm chén trà an lạc, chiếc bánh nhân chay, mà ở đó thầy trò lắng nghe những chia sẻ về cảm nhận cuộc sống, trải nghiệm Phật pháp, để từ đó thầy trò và huynh đệ tiếp tục rèn luyện hiểu và thương.

Mặc dầu đang sống trong một xã hội hiện đại, văn minh; nhưng Phật giáo Việt Nam ở Hoa Kỳ (nói riêng) và ở Hải ngoại (nói chung); và Tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam ở bản xứ; đang góp phần bảo tồn những nét văn hóa phong tục đặc thù của mình trong các Lễ hội cổ truyền của dân tộc. Thật đáng quý, nếu giữa chốn đô thị phồn hoa, vẫn còn có những tấm lòng luôn nghĩ đến những ngày lễ cổ truyền của Dân tộc Việt ta, như Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu theo đúng ý nghĩa truyền thống của nó.

Cho nên Tết Trung Thu còn là một nét đặc thù của văn hoá Việt (nói chung) và văn hóa Phật giáo (nói riêng), trong đó có Tổ chức Gia Đình Phật Tử, là một tổ chức Giáo Dục trẻ của Phật Giáo.

Qua đó, tôi còn nhớ, hơn mười năm trước đây Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức đã tổ chức Lễ Hội Trung Thu tại Garden Grove Park, Nam California cho các em đoàn sinh Phật Tử cùng nhau thi đua tài năng trẻ: nào là Múa Lân, Hát, Đồ vui để học, Lồng đèn đẹp, v.v... Sau đó được ăn bánh Trung Thu và rước đèn ông sao, đèn lồng đi khắp đi chung quanh Park.

Đặc biệt, trong đêm trăng Rằm, các em được rước đèn Trung Thu bằng những bước chân thiền hành dưới sự hướng dẫn của quý Thầy, và các Huynh Trưởng. Điều này mang lại sự tinh tại, điềm đạm, thư thái cho mỗi bước đi của tuổi trẻ, không chỉ trong một lần chơi Trung Thu, mà còn tạo duyên cho những bước chân đi đến những chận trời xán lạn và quay về nương tựa Tam Bảo, để sống một cuộc đời an vui, lành mạnh hơn.

Bởi Phật pháp như trăng Rằm mùa thu rạng ngời, dịu dàng tỏa sáng đến muôn nơi, thấp sáng mọi tâm hồn không phân biệt một ai. Phật pháp là ánh sáng thương yêu vô giá, giúp cho con người biết suy nghiệm lối sống cao đẹp giữa con người và

con người, trước những biến động vô thường. Như câu chuyện con Thỏ ngọc trên cung Trăng vì tình thương đồng loại của mình đang chịu cảnh đói rét, đã tự nhảy vào đồng lửa quay chín, để cho những con khác có miếng ăn đỡ đói.

Thật là thú vị khi mà trong đêm Trung Thu, ánh trăng trong sáng trên cao hòa quyện cùng ánh đèn nền ngũ sắc, tạo nên đêm Trung Thu lung linh, huyền diệu, những kỷ niệm đó không những đã đi vào miền hoài niệm của những Lam viên mà còn có nhiều người Việt tham dự. Ôi, không còn gì thi vị hơn!

Vậy nên Tết Trung Thu là dịp để cộng đồng dành trọn sự ưu ái, khích lệ sự tham dự đối với những trẻ thơ. Vì Tết Trung thu là Tết Thiếu Nhi. Đó là giấc mơ đẹp làm nên từ dư âm của những nụ cười giòn tan vì hạnh phúc của trẻ thơ trong đêm trăng Rằm, khi các em được vui chơi trong đủ đầy, một cách vô ưu.

Đây cũng là dịp có nhiều hoạt động như múa lân, rước đèn ông sao, đèn lồng, bánh Trung Thu là món quà vô giá của tuổi thơ, được các em rất thích thú được tham dự niềm vui của ngày Tết Trung Thu. Vì vậy nên Tết Trung Thu đã thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội.

Niềm vui và nụ cười là những thứ lan tỏa nhanh nhất, không chỉ có người nhận vui mừng, mà người

cho cũng hoan hỷ và biết ơn người nhận, vì nhờ có những người đón nhận những chia sẻ từ mình thì mình mới được tăng trưởng phúc đức và tình thương yêu với đồng bào.

Cuộc đời con người dường như chỉ có thể hạnh phúc khi họ biết mở lòng yêu thương, bao dung, buông xả, và chia sẻ với đồng loại, bởi vậy Đức Phật có dạy rằng "an ủi lớn nhất đời người là bố thí".

V.- Lời Kết:

Thấu hiểu và yêu thương dường như là hai nửa vàng trắng hợp nhất làm nên đêm Trung Thu rạng ngời hạnh phúc cho trẻ em nói riêng, và cho mỗi người nói chung, để mỗi đêm trăng Rằm mùa thu trở thành kỉ niệm đẹp đẽ của thời thơ ấu cho mỗi người. Rồi mai này trưởng thành, người bước vào cuộc sống để kiếm kế sinh nhai, dù cuộc đời có những lúc khiến người mệt mỏi, thì mỗi độ trăng tròn, những kí ức tuổi thơ vẫn là vòng tay bao dung êm ả cho họ trở về an trú trong bình yên nội tại.

Tết Trung Thu còn khơi gợi khám phá cái mới, khám phá vũ trụ của các bé thiếu nhi.

Sự tích chú Cuội cung trăng và Hằng Nga là câu chuyện cổ tích phổ biến nhất trong kho tàng văn học Việt Nam; là hình ảnh đẹp, ly kỳ, còn mang nhiều ý nghĩa mà trẻ con rất thích thú, giúp các bé hiểu hơn về hình ảnh mặt trăng, từ đó thôi thúc các em thiếu nhi khám phá cái mới của thế giới xung quanh mình, tìm hiểu sự rộng lớn, bao la, vĩ đại của trái đất và vũ trụ.

Nam California, September – 2024
Trung Thu – Giáp Thìn
Tâm-Tường - Lê-đình-Cát



BA LOẠI BỆNH CỦA NGƯỜI TU

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bệnh đau là chuyện tất yếu của con người. Trừ những người có phúc đức về sức khỏe sâu dày, còn lại hầu hết đều trải qua bệnh tật. Đau bệnh của con người có hai phần thân và tâm, có khi bao gồm cả hai nên gọi là thân đau tâm khổ. Khi tuổi đời tăng thêm thì đau bệnh sẽ nhiều lên theo quy luật sinh già bệnh chết.

Theo y học cổ đại xứ Ấn, những bệnh lớn về thân thường thuộc về ba nhóm phong, đàm, lãnh và bấy giờ thường dùng tỳ, mật và dầu để chữa trị. Bệnh lớn về tâm thì có tham dục, sân hận và si mê. Y học hiện đại có nhiều phương thuốc đặc hiệu để chữa trị các bệnh về phong, đàm, lãnh. Còn đối với tâm bệnh tham, sân, si thì từ xưa cho đến nay chỉ có một phương, đó là quán bất tịnh để trị bệnh tham dục, quán tử bi để đối trị sân hận, quán trí tuệ nhân duyên để đối trị si mê.

"Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba bệnh lớn. Những gì là ba? Phong là bệnh lớn; đàm là bệnh lớn; lãnh là bệnh lớn. Các Tỳ-kheo, đó gọi là ba bệnh lớn. Lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba? Nếu bệnh phong, tỳ là thuốc hay, và tỳ dùng làm thức ăn. Nếu bệnh đàm, mật làm thuốc hay, và mật dùng làm thức ăn. Nếu bệnh lãnh, dầu là thuốc hay, và dầu dùng làm thức ăn. Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này.

- Cũng vậy, Tỳ-kheo cũng có ba loại bệnh lớn. Những gì là ba? Đó là tham dục, sân nhuế, ngu si. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba loại bệnh lớn này. Song, ba loại bệnh lớn này, lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba? Nếu lúc tham dục khởi, thường trị bằng bất tịnh, và tư duy bất tịnh đạo. Nếu bệnh lớn là sân nhuế, thường trị bằng từ tâm, và tư duy từ tâm đạo. Nếu bệnh lớn là ngu si, thường trị bằng trí huệ, và duyên khởi đạo. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này. Cho nên Tỳ-kheo phải cầu phương tiện tìm ba loại thuốc này.

- Nay các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành".

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm Tam bảo, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr. 370)

Tham lam, sân hận, si mê là gốc của mọi loại tâm bệnh nên còn gọi là căn bản phiền não. Làm người thì ai cũng có đầy đủ ba món tâm bệnh này. Tùy theo nghiệp duyên quá khứ mà mỗi người có tâm bệnh nặng nhẹ khác nhau. Đối với người tu cần đặc biệt quan tâm chữa trị ba nhóm bệnh này. Đức Phật đã cho thuốc, thuốc ấy cũng không khó tìm, quan trọng là chúng ta có uống thuốc đúng liệu trình hay không mà thôi.



Theo lời dạy của Thế Tôn, để trị tâm bệnh cần quán chiếu về bất tịnh để bớt tham và dần đến ly tham. Thực tập thiền quán rải tâm từ, mở rộng tâm lòng, nuôi lớn yêu thương sẽ làm cho sân hận được tưới mát, dần đến dập tắt. Phát huy tuệ giác về duyên khởi (duyên sinh) để thoát ly chấp ngã và các hình thức tà kiến, si mê.

Nếu ai hiện đời chữa lành ba món tâm bệnh, nhổ sạch gốc rễ tham sân si thì thành tựu giải thoát. Người nào làm cho tâm bệnh được giảm thiểu thì có phần an ổn, tái sinh vào đời sau sẽ nhẹ nhàng hơn.

Còn người nào không chuyển hóa được tham sân si, thậm chí làm cho sâu dày hơn thì hiện đời chịu nhiều khổ đau, đời sau càng thêm đau khổ.

LẮNG ĐỘNG TIẾNG CHUÔNG CHÙA

*Từ một nơi xa lắm
Vọng âm tiếng chuông chùa
Không gian chùng tĩnh lặng
Lá rụng về mùa xưa.*

*Lung linh và trầm mặc
Tan loãng vào hư không
Giữ tâm hồn thanh tịnh
Giữa dòng đời đục trong.*

*Phải đời là huyền mộng
Chưa dứt một hồi kinh
Hạnh duyên từ kiếp trước
Tâm bồ đề khởi sinh.*

*Hồ sen hoa chợt nở
Thơm tỏa khắp cửa thiền
Hành hương về xứ Phật
Cảnh vật hóa thiêng liêng.*

*Ẩn mình vào mây trắng
Cánh hạc đã phiêu bồng
Mênh mông trong trời đất
Muộn phiền gột sạch không*

*Có tiếng chim gọi bạn
Trên mái ngói rêu phong
Chuông chùa trong sương sớm
Thấy lòng mình thông dong.*

BÌNH YÊN MỘT KHOẢNG TRỜI XANH

*Con đường chánh pháp mở ra
Tìm trong an lạc lòng ta yên bình
Xin đừng đánh mất niềm tin
Bao dung độ lượng giữ mình thiện lương.*

*Nâng niu phiền lá ven đường
Ban mai đánh thức giọt sương dịu mềm
Ngày theo vệt nắng vừa lên
Tình người vẫy gọi ưu phiền sạch trong.*

*Bao nông nổi chốn bụi hồng
Con thuyền bào ánh ngược dòng bến mê
Tìm đâu một cõi đi về
Lối xưa thạch thảo bốn bề mưa sa.*

*Ngày mai ai cũng sẽ già
Bên bờ tĩnh thức trở hoa nồng nàn
Chờ chi hương sắc phai tàn
Mới buông gánh nặng hồng trần đa đoan.*

*Bình yên một khoảng trời xanh
Xin em giữ lấy tâm lành ngày sau
Người gieo hạt giống nhiệm mầu
Trái tim thánh thiện nguyện cầu thương yêu.*

thơ NGUYỄN AN BÌNH



ĐỨC PHẬT NÓI GÌ VỀ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP TRỊ QUỐC?

Huỳnh Kim Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bầu không khí chính trị trên thế giới hiện nay đang nóng bỏng vì khuynh hướng độc tài, cực đoan, chia rẽ, hận thù và cuồng vọng không thua kém gì bầu khí quyền của địa cầu đang nóng dần lên do khí thải nhà kính gây ra.

Cả hai đều do con người tạo ra và đều là thảm họa cho nhân loại! Nhưng thảm họa này không phải là điều không thể giải quyết được, bởi lẽ những gì do con người gây ra cũng đều có thể do con người ngăn chặn và hóa giải được. Cụ thể là hàng chục năm qua, Liên Hiệp Quốc đã nỗ lực kêu gọi, bằng các nghị quyết, các quốc gia cố gắng thực hiện các biện pháp giảm khí thải nhà kính, với các chính sách cắt giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch, gia tăng sản lượng xe chạy bằng điện năng, v.v... Dù kết quả chưa đạt được mức yêu cầu, nhưng cũng đã gây được ý thức và thể hiện quyết tâm của cộng đồng thế giới trong việc giải quyết thảm họa của khí thải nhà kính.

Trong lãnh vực chính trị thì phức tạp hơn nhiều, bởi vì khuynh hướng độc tài, cực đoan, hận thù và cuồng vọng bắt nguồn từ tâm thức của con người, hay nói theo nhà Phật, chúng là những phiền não cầu sinh, tức là chúng nằm ngay trong tâm, trong bản chất của con người, nên chúng sinh ra cùng lúc với con người có mặt trên trần gian này. Vì vậy, muốn diệt trừ chúng thì phải chuyển hóa tâm thức một cách tận gốc rễ. Nhưng muốn con người từ bỏ tham, sân, si thì không dễ dàng chút nào cả!

Đức Phật là bậc Thầy dẫn đầu trong việc dạy phương pháp diệt trừ tham, sân, si để giải thoát khổ đau. Lúc sinh tiền, Đức Phật cũng có nhiều vị đệ tử tại gia là những vị vua trị vì các quốc gia ở tiểu lục địa Ấn Độ như Vua Tân-bà-sa-la (Bimbisāra) của nước Ma-kiệt-đà (Magadha), Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) của nước Kiêu-tát-la (Kosala), và Vua A-xà-thế (Ajātasatru), con của Vua Tân-bà-sa-la, của nước Ma-kiệt-đà. Những vị vua này đến với Đức Phật, ngoài việc tìm cầu phương pháp tu tập để diệt khổ, còn để lắng nghe Ngài dạy về pháp trị quốc an dân.

Vậy Đức Phật nói gì về chính trị và pháp trị quốc?

Đức Phật nói gì về chính trị?

Hơn ai hết, Đức Phật là nhà cách mạng xã hội triệt để, nếu có thể gọi như vậy, khi Ngài phá bỏ truyền thống kỳ thị giai cấp khắc nghiệt của xã hội Ấn Độ vốn chia làm 4 giai cấp từ cao xuống thấp như sau: Một, giai cấp Tăng Lữ Bà-la-môn (Brahmin) nắm quyền tối cao về tâm linh và tế tự, lấy Kinh Vệ-đà làm Thánh thư mặc khải; hai, giai cấp chính trị Sát-đế-lợi (Kshatriya) nắm quyền

điều hành đất nước; ba, giai cấp kinh doanh lao động Phê-xá (Vaisya) nắm quyền kinh tế trong tay; và thấp nhất là giai cấp Thủ-đà-la (Sudra) không có quyền hành gì trong xã hội và được đối xử như những người nô lệ. Trong Tăng đoàn của Đức Phật bao gồm đầy đủ tất cả mọi người từ 4 giai cấp trên và sống bình đẳng trong Chánh pháp. Cuộc cách mạng xã hội này của Đức Phật đã ảnh hưởng sâu rộng môi trường chính trị tại Ấn Độ vào thời đại của Ngài. Đó là thông điệp rất sớm trong lịch sử nhân loại về sự tôn trọng phẩm giá của con người, mà ngày nay chúng ta gọi là tôn trọng nhân quyền.

Trong Kinh Tạp A-hàm(1) kể rằng, một hôm Vua Ba-tư-nặc đến thăm Đức Phật với quần áo đầy bụi bặm và thân thể mệt mỏi, căng thẳng. Được Đức Phật hỏi vì sao thì ông trả lời là việc triều chính quá bận rộn và cực nhọc. Nhân đó, Đức Phật nêu ra một sự kiện rất nguy cấp để hỏi Vua Ba-tư-nặc với tư cách là một ông vua quán đảnh, tương đương với Chuyển Luân Vương, làm sao giải quyết. Sự kiện mà Đức Phật nêu ra là như thế này: Ở cả bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc cùng một lúc đều có bốn ngọn núi đá lớn đến nỗi trên đưng trời, dưới giáp mặt đất đang đi tới và bất cứ nơi nào bốn ngọn núi này đi qua đều dẫm nát cỏ cây và giết hết mọi sinh vật!

Khi được Đức Phật hỏi như vậy, Vua Ba-tư-nặc đáp rằng không có ai và không có cách nào để thoát khỏi đại nạn ấy ngoại trừ tin vào Phật Pháp và tu tập các thiện pháp.

Rồi thì Đức Phật đã nói với Vua Ba-tư-nặc về sự tối quan trọng để tin vào Phật Pháp và tu tập các thiện pháp để giải thoát khỏi sanh, già, bệnh và chết, mà được ví như bốn ngọn núi ở trên.

Đức Phật nói: *"Đúng vậy Đại vương! Đúng vậy Đại vương! Hòn núi của sự già nua có thể hủy hoại sắc đẹp tròn đầy của tuổi tráng niên. Hòn núi bệnh tật có thể hủy hoại tất cả sự khỏe mạnh tráng kiện. Hòn núi chết chóc có thể hủy hoại tất cả thọ mạng. Hòn núi suy hao có thể hủy hoại tất cả sự vinh hoa phú quý, vợ con chết mất, quyền thuộc phân ly, tiền tài mất mát. Đại vương! Có bốn hòn núi từ bốn phương như vậy nghiền nát thế gian, đuổi theo con người. Thật đúng như lời Bê hạ nói, chỉ có tu hành Chánh pháp, ngoài Phật pháp ra không còn cách nào khác."*

Quyền lực của một ông vua quán đảnh nằm trong tay sinh mệnh của hàng triệu thân dân trên lãnh thổ rộng lớn bao la cũng không thể chế phục và thoát khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh và chết! Chỉ có con đường tu tập Phật Pháp thì mới thoát khổ hoàn toàn.

Đó là lý do tại sao Thái Tử Tất-đạt-đa

(Siddhartha) đã không kế vị vương triều Shakya của Vua Tịnh Phạn để trị vì giang sơn và an bang thế thế, mà đã từ bỏ tất cả vinh hoa phú quý của thế gian để xuất gia tìm đạo giải thoát trong rừng già Hy-mã-lạp Sơn. Vì vậy, sau khi chứng đắc đạo quả giác ngộ và giải thoát hoàn toàn dưới cội Bồ-đề, Đức Phật đã đi khắp vùng châu thổ Sông Hằng để thuyết pháp độ sinh trong 45 năm cho đến ngày Ngài nhập Niết-bàn lúc 80 tuổi. Toàn bộ Giáo Pháp của Đức Phật tập trung vào phương pháp tu tập để khai mở tuệ giác viên mãn và giải thoát rốt ráo mọi khổ đau. Giáo Pháp ấy không là lý thuyết suông mà là thực tiễn, là hiệu quả tức thì ngay trong hiện tại, ngay trong đời này nếu tinh tấn tu tập như lời Đức Phật dạy.

Vì vậy Đức Phật khuyên chư đệ tử xuất gia của Ngài là đừng mất thì giờ bàn luận về quốc sự. Trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, bản dịch Việt của Thích Đức Thắng do Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích (2), Đức Phật dạy các Thầy Tỷ-kheo:

"Cho nên, Tỷ kheo, chớ móng tâm luận bàn quốc sự. Vì không do sự luận bàn này mà có thể đạt đến Niết-bàn diệt tận; cũng không phải là pháp chánh hành của sa-môn. Nếu bàn luận những sự việc ấy, đó không phải là chánh nghiệp. Các người nên học mười đề tài bàn luận. Những gì là mười? Tỷ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn."

Nhà chính trị nếu biết đem Chánh pháp để trị quốc thì có thể mang lại sự thịnh vượng cho quốc gia và hạnh phúc cho dân chúng, nhưng không thể nào nhổ sạch tận gốc rễ khổ đau cho mọi người để đạt đến sự an lạc viên mãn. Gốc rễ của khổ đau là vô minh và các phiền não tham, sân, si vốn nằm trong tâm thức chúng sinh. Cho nên, muốn nhổ sạch cội rễ khổ đau thì phải tu tập giới, định và tuệ. Cũng trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, Đức Phật dạy Vua Ba-tư-nặc cai trị đúng pháp.

"Đại vương, cai trị đúng pháp thì tự cứu giúp được tự thân, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc, chăm lo quốc sự. Cho nên, Đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chớ đừng phi pháp. Mạng người rất ngắn; sống trên đời chỉ trong thoáng chốc mà thôi. Sanh từ lâu dài, nhiều điều đáng sợ. Khi cái chết đến, bấy giờ mới kêu khóc; gân cốt lìa tạc, thân thể đông cứng; bấy giờ không ai có thể cứu được; không phải có cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thuộc hạ, quốc thổ nhân dân, mà có thể cứu được. Gặp tai họa này, ai có thể chịu thay cho? Duy chỉ có sự bố thí, trì giới, nói năng thường từ hòa không làm thương tổn ý người, tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện."

Chánh Pháp được nói ở đây, theo Giáo Sư Khoa Học Chính Trị tại Đại Học Georgia State University William J. Long, trong bài viết "Buddha on Politics, Economics, and Statecraft" [Đức Phật Đối Với Chính Trị, Kinh Tế, và Nghệ Thuật Lãnh Đạo Đất Nước] (3), là Giáo pháp của Đức Phật mà tiêu biểu là giáo lý duyên khởi, rằng tất cả các pháp đều do duyên mà sinh, không một pháp nào tự sinh hay không nhờ vào các duyên khác để hiện hữu. Tất cả mọi duyên đều bình đẳng và đều cần thiết như nhau. Từ giáo lý duyên khởi này, các nhà lãnh đạo quốc gia có thể ứng dụng vào phương thức trị quốc bằng chính sách bình đẳng và tôn trọng phẩm giá của mỗi cá nhân trong quốc độ của mình. Do đó, chế độ chính trị không nên sử dụng bạo lực để đối phó với người dân mà phải đối xử công bằng và tôn trọng phẩm giá làm người cho mọi công dân. Từ bi, bao dung và bất hại, hay bất bạo động là cách trị quốc phù hợp với Chánh Pháp.



Vua Trần Nhân Tông, người đã đưa Chánh Pháp của Đức Phật vào việc trị quốc vào thời nhà Trần (1226-1400) ở Đại Việt

(Photo: www.en.wikipedia.org)

Trong Kinh Tiểu Duyên (Aggaññasutta) của Trường A-hàm (Dīrgha-āgama), theo bản dịch Việt của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Đức Phật khi nói về nguồn gốc thể chế chính trị xuất hiện đầu tiên trong thời buổi hoang sơ của lịch sử loài người đã đề cập đến chức vị lãnh đạo được dân chúng bầu lên để giải quyết các vấn đề tranh chấp trong cộng đồng được gọi là mahāsammato, là vua hay nhà lãnh đạo được dân chúng bầu lên. Đây có thể nói là cơ chế chính trị dân chủ đầu tiên trên thế gian này. Chế độ này đã được áp dụng phổ biến tại các vương quốc ở Ấn Độ trước và vào thời Phật, như tại nước Shakya, Koliyas, Moriyas, Mallakas, và Licchavikas, v.v...

Thể thức sinh hoạt dân chủ này cho đến nay vẫn còn tồn tại trong cộng đồng Tăng-già có từ thời Đức Phật, qua hình thức tác pháp Yết-ma (Karma) để lấy quyết định đồng thuận trong những công tác Phật sự lớn nhỏ trong Thiền môn như bố-tát, thọ giới, giải quyết tranh sự trong Tăng, v.v...

Đức Phật dạy pháp trị quốc

Như được nói ở trên, đối với hàng đệ tử xuất gia thì Đức Phật không cho bàn luận hay tham dự vào việc chính trị vì sẽ cản trở con đường tu tập để giải thoát khổ đau, nhưng đối với hàng Phật tử tại gia thì Đức Phật không ngăn cấm họ tham chính để góp phần xây dựng xã hội. Tuy nhiên, để hướng dẫn những đệ tử tại gia làm sao có thể trị quốc cho đúng Chánh pháp hầu mang lại lợi lạc cho mình và người, Đức Phật đã nhiều lần dạy pháp trị quốc.

Trong Kinh Bốn Sinh (Jataka), Đức Phật nói đến mười pháp mà một vị vua cần có để làm một minh quân trị quốc. Mười pháp này gọi là Thập Vương Pháp (Dasa Raja Dharma) (4). Mười vương pháp này như sau:

Dāna: Bố thí cho người nghèo. Đây là bổn phận của nhà vua biết chăm sóc phúc lợi cho người cần đến và bố thí cho họ thức ăn, quần áo và những thứ nhu yếu khác.

Sīla: Đạo đức. Nhà vua làm gương mẫu đạo đức cho người dân noi theo.

Pariccāga: Vị tha, không ích kỷ, rộng lượng. Nhà vua nên đặt quyền lợi của quốc gia dân tộc lên trên cá nhân, và ghi công và tưởng thưởng cho những người tận tâm phục vụ đất nước.

Ajjava: Chính trực. Nhà vua phải ngay thẳng và không bao giờ sử dụng thủ đoạn gian trá để đạt mục đích.

Maddava: Dịu dàng. Tính dịu dàng sẽ làm cho nhà vua quân bình lại với đức tính cứng rắn dễ gây bất hòa.

Tapa: Tự chế. Nhà vua phải biết tự kiềm chế giác quan của mình đừng để bị sa lầy trong dục lạc.

Akkodha: Không hận thù. Nhà vua phải thoát ra khỏi mọi thù hận.

Avihimsa: Bất hại, hay bất bạo động. Nhà vua không tham dự vào những vụ làm tổn thương hay giết chóc, mà phải luôn thực hành bất bạo động.

Khanti: Kham nhẫn. Nhà vua phải thực hành sự kham nhẫn, trầm tĩnh trong mọi trường hợp.

Avirodhana: Không chống đối. Nhà vua biết tôn trọng ý kiến của người khác, không có thành kiến, và tạo sự hòa thuận.

Xét về mặt giá trị thực dụng và hữu ích lớn lao, các nhà lãnh đạo quốc gia hiện nay có thể và nên áp dụng Mười vương pháp này trong pháp trị quốc của mình. Chỉ riêng điểm thứ 10 về việc tôn trọng ý kiến của người khác thì đã thấy hàm tàng tinh thần dân chủ đúng nghĩa mà ngày nay nhân loại đang nỗ lực đấu tranh để có được.

Trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, Phẩm Kết Cấm, Kinh số 7 (5), Đức Phật đã dạy mười pháp mà nếu một vị quốc vương thực hành được thì sẽ tồn tại lâu dài. Đoạn Kinh ấy như sau:

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì sẽ được tồn tại lâu dài ở đời. Những gì là mười?”

“Quốc vương không tham đắm tài vật, không nổi thịnh nộ, cũng không vì chuyện nhỏ mà sinh tâm thù oán. Đó là pháp thứ nhất khiến được tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương hằng nghe lời can gián của quần thần, không nghịch lời của họ. Đó là thành tựu pháp thứ hai thì được tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương thường ưa huệ thí, cùng chung vui với dân. Đó pháp thứ ba khiến cho tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương trưng thu tài vật hợp pháp chứ không phải phi pháp. Đó là pháp thứ tư khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương kia không tham đắm sắc người khác, hằng tự thủ hộ với vợ của mình. Đó là thành tựu pháp thứ năm khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không uống rượu, tâm không hoang loạn. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không cười giỡn, mà hàng phục kẻ thù bên ngoài. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương y theo pháp mà trị hóa, không bao giờ bẻ cong. Đó là thành tựu pháp thứ tám, tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương cùng với quần thần hòa thuận, không có tranh chấp. Đó là thành tựu pháp thứ chín, tồn tại lâu dài,

“Lại nữa, quốc vương không có bệnh hoạn, khí lực cường thịnh. Đó là pháp thứ mười, khiến tồn tại lâu dài.

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp này sẽ được tồn tại lâu dài, không có gì lo ngại.”

Trong Kinh Trường A-hàm, Kinh Du Hành (6), kể rằng một hôm Vua A-xà-thế (Ajātasattu) của nước Ma-kiệt-đà (Magadha) vì muốn đánh chiếm nước Bạt-kỳ (Vajji) nhưng nhà vua cũng muốn biết suy nghĩ của Đức Phật về việc này ra sao nên đã sai đại thần Vũ-xá (Vassakāra) đến tham vấn Đức Phật về ý định xâm chiếm nước Bạt-kỳ. Thay vì trả lời thẳng với Vũ-xá, Đức Phật quay sang tôn giả A-nan đang làm thị giả đứng hầu quạt bên cạnh hỏi và nói về 7 yếu tố để làm cho nước Bạt-kỳ hưng thịnh mà không nước nào có thể xâm chiếm được. Bảy yếu tố đó như sau:

Người dân thường nhóm họp để bàn những việc chân chánh.

Dân và vua hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau.

Người dân thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, không trái lễ độ.

Người dân hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng.

Người dân thường tôn trọng tông miếu, kính nể quỳ thần.

Người dân giữ gìn khuê môn trinh chính, thanh khiết, không bậy bạ, ngay cả lúc nói năng vui đùa cũng không tà vạy.

Người dân tôn kính Sa-môn và người trì giới, và thân cận hỗ trợ.

Khi nghe 7 yếu tố trên, đại thần Vũ-xá bạch với Đức Phật rằng dù người dân Bạt-kỳ chỉ thực hiện đúng một yếu tố thôi thì A-xà-thế cũng không thể nào đánh chiếm được, huống chi họ đã thực hiện được hết 7 yếu tố đó. Khi Vũ-xá về tâu lại thì A-xà-thế về những gì Đức Phật dạy thì A-xà-thế tức khắc bãi bỏ ý định xâm chiếm Bạt-kỳ.

Có thể có người sẽ hỏi rằng liệu pháp trị quốc mà Đức Phật đã dạy ở trên có quá lý tưởng và khó thực hiện được chăng? Hay, một cách hỏi khác là, trong lịch sử hơn hai mươi lăm thế kỷ truyền bá của đạo Phật trên thế giới đã có vị vua hay nhà lãnh đạo quốc gia nào áp dụng những pháp trị quốc được Đức Phật dạy một cách thành công chưa?

Câu trả lời nhanh là: Có. Nhưng để chứng minh bằng những thí dụ điển hình về câu trả lời “có” đó thì xin nêu ra một vài trường hợp lịch sử như sau.

Trị quốc bằng Chánh pháp

Vua A-dục (304-232 trước Tây lịch) là vị hoàng đế thứ ba của triều đại Mauryan của nước Ma-kiệt-đà (Magadha) tại Ấn Độ. Ông trị vì từ năm 268 đến năm 232 trước Tây lịch. Vương quốc Ma-kiệt-đà mà Vua A-dục trị vì bao gồm phần lớn tiểu lục địa Ấn Độ, theo địa dư ngày nay là phía tây giáp Afghanistan, phía đông giáp Bangladesh, với thủ đô là Hoa Thị Thành (Pataliputra). Ông là vị vua ủng hộ Phật Giáo mạnh mẽ. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc giúp truyền bá Phật Pháp đi khắp Châu Á thời bấy giờ. Cụ thể là ông đã phái Tỳ-kheo Mahinda (con trai của ông) và Tỳ-kheo-ni Sanghamitta (con gái của ông) sang Đảo Tích Lan (Sri Lanka) để truyền bá Phật Pháp, theo Richard Gombrich.(7)

Cũng theo Richard Gombrich, Vua A-dục theo tinh thần Đạo Phật đã bãi bỏ tội tử hình, theo Sắc Chỉ số 4 được khắc trên trụ đá. Ông cho trồng cây đa và cây xoài, xây nhà nghỉ và đào giếng nước cách nhau nửa dặm dọc theo các con đường để cho



Đức Phật nói chính trị không giải quyết tận gốc khổ đau mà chỉ có Chánh Pháp mới làm được
(Photo: Hình do AI tạo ra lấy từ www.pixabay.com)

người qua đường có thể nghỉ mát và uống nước, theo Sắc Chỉ số 7 được khắc trên trụ đá. Ông hạn chế việc giết thú vật trong nhà bếp của hoàng tộc, theo Sắc Chỉ số 1 được khắc vào đá. Ông cho xây các cơ sở y tế để phục vụ cho con người và thú vật, theo Sắc Chỉ số 2 trên đá. Ông khuyến khích con cái vâng lời cha mẹ, đối xử tử tế với các tu sĩ và nhà tu khổ hạnh và tiết kiệm chi tiêu, theo Sắc Chỉ số 3 trên đá. Ông giao nhiệm vụ cho các quan chức để phục vụ phúc lợi và hạnh phúc cho người nghèo và người già, theo Sắc Chỉ số 5 trên đá. Ông hỗ trợ phúc lợi cho tất cả chúng sinh để trả nợ của ông đối với muôn loài và phục vụ vì hạnh phúc của họ trong đời này và đời sau, theo Sắc Chỉ số 6 trên đá.

Vua Lương Võ Đế (Emperor Wu of Liang - 464 -549) là người sáng lập triều đại nhà Lương thời Nam-Bắc Triều (420-589 Tây lịch) ở Trung Hoa. Ông trị vì nhà Lương từ năm 502 đến năm 549 Tây lịch. Thời gian ông trị vì là giai đoạn thịnh vượng nhất của nhà Lương ở Nam Triều, theo www.en.wikipedia.org. Ông đã 4 lần vào chùa Đồng Thái Tự (同泰寺) xuất gia (năm 527, 529, 546 và 547 Tây lịch) để sống những ngày tĩnh tâm trong chốn Thiền môn. Mỗi sáng ông đều đến chùa lễ Phật và giảng Phật Pháp cho mọi người. Ông ăn chay trường và còn thực hiện việc cúng chay cho các vị tiên đế của hoàng thất. Từ năm 502 đến 519 ông ăn chay ngày một bữa và không ăn sau giờ Ngọ.

Theo tinh thần Phật Giáo, ông ngăn cấm việc cúng tế bằng cách giết động vật và chống lại việc tử hình. Ông là vị hoàng đế hiếu thảo, yêu thương, khiêm cung, thanh đạm, trí thức và có tài văn chương. Ông làm việc rất siêng năng, thức dậy khoảng 3, 4 giờ sáng để duyệt xét và giải quyết các vấn đề của quốc gia. Ông sống rất tiết kiệm, không bao giờ xài cái gì phung phí. Ông không thích rượu và âm nhạc. Ông đối xử với những người hầu hạ như đối với khách trọng vọng, không xem thường họ. Ông đối xử rất khoan dung với các quan lại.

Thánh Đức Thái Tử (Shōtoku Taishi - 574-622) là con trai thứ hai của Dạng Minh Thiên Hoàng (Yōmei-tennō - 517-587) của Nhật Bản (8). Thánh Đức Thái Tử học Phật với Thiền Sư Huệ Từ, cao

Tăng đến từ Cao Ly để truyền bá Phật Pháp tại Nhật. Ông là một Phật tử nhiệt thành và là nhà luận giải 3 bộ Kinh Phật, gồm Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy-ma-cật, và Kinh Thắng Man. Trong ba bộ luận giải này thì bộ Pháp Hoa Nghĩa Số được viết xong vào năm 615 và là văn bản tiếng Nhật đầu tiên, do vậy ông cũng được xem như là tác giả Nhật Bản đầu tiên trong lịch sử Nhật, theo Kazuo Kasahara (9). Ông đã lãnh đạo dự án quốc gia khổng lồ hỗ trợ Phật Giáo và xây dựng ngôi Tứ Thiên Vương Tự (Shitennō-ji) tại Osaka, Nhật Bản.

Nhờ thẩm nhuần giáo pháp của Đức Phật ông đã thành công trong việc thiết lập chính quyền trung ương trong thời gian tại vị. Trong vai trò quan nhiếp chính, vào năm 603 Tây lịch, ông đã thành lập Hệ Thống Quan Chế 12 Cấp để xây dựng bộ máy hành chính vững mạnh cho Nhật Bản. Năm sau, 604, Thánh Đức Thái Tử ban hành Thập Thất Chương Ước Pháp (17 Chương Ước Pháp) là Hiến Pháp đầu tiên của nước Nhật. Trong 17 Chương Ước Pháp này có chương nói về việc chống chế độ độc tài và cổ vũ dân chủ và nhân quyền.

Vua Trần Nhân Tông (1258-1308), tên húy là Trần Khâm, là vị vua thứ ba của triều đại nhà Trần (1226-1400) của nước Đại Việt. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, sau đó lên làm Thái Thượng Hoàng. Vua Trần Nhân Tông đã từng lãnh đạo quân Đại Việt đánh bại 2 cuộc xâm lược của quân đội Mông-Nguyên vào năm 1285 và 1287. Vào năm 1294, Vua Trần Nhân Tông xuất gia học đạo và tôn Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung làm Thầy. Chính Tuệ Trung Thượng Sĩ là người truyền tâm ấn cho Trần Nhân Tông, theo Giáo Sư Lê Mạnh Thát (10). Ngài tự gọi mình là Hương Vân Đại Đầu Đà và vào núi Yên Tử tu hành 12 hạnh đầu đà. Ngài là vị khai tổ của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Ngài mở các hội bố thí tiền bạc cho người nghèo trong xã hội. Ngài cũng đã vân du khắp làng xóm để giảng dạy mọi người từ bỏ mê tín và khuyến họ thực hành 10 điều thiện. Mười điều thiện gồm, không tham, không sân, không si, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời thù ghét, không nói lưỡi hai chiều, và

không nói lời ác độc. Vua Trần Nhân Tông cho rằng đây là pháp trị quốc hữu hiệu nhất mà một vị minh quân hay nhà lãnh đạo nên thực hiện để xây dựng con người và xã hội lương thiện và thịnh vượng. Theo Giáo Sư Lê Mạnh Thát thực hành 10 điều thiện là “pháp luật quốc gia,” là “chính sách quốc gia,” mà đã được nói đến trong cuốn kinh Phật xưa nhất tại Việt Nam là *Kinh Lục Độ Tập*. Vào năm 1304, Ngài cũng đã truyền giới Bồ Tát tại gia cho vua quan nhà Trần dưới thời Trần Anh Tông. Ngài còn là nhà thơ, nhà văn và nhà tư tưởng lớn của Phật Giáo và Dân Tộc Việt Nam. Trong các tác phẩm của Vua Trần Nhân Tông có bài phú *Cư Trần Lạc Đạo* rất phổ biến và còn lưu truyền đến ngày nay.

Nói tóm lại, đối với Đức Phật, chính trị không giải quyết tận gốc khổ đau của con người và chúng sinh. Vì vậy, Ngài đã dạy những vị đệ tử xuất gia trong Tăng đoàn của Ngài không nên can dự vào chính trị mà phải tập trung vào nỗ lực tu tập để chứng đắc quả vị giải thoát. Đối với hàng đệ tử tại gia, Đức Phật không ngăn cấm họ tham chính mà chỉ dạy họ nếu muốn xây dựng xã hội bằng con đường chính trị thì phải lấy Chánh Pháp để trị quốc mới làm cho đất nước thanh bình và dân chúng hạnh phúc.

(1) Biệt Dịch Kinh Tập A-hàm, Quyển I, Kinh 70, Núi Đá – Thích Nguyên Hiền dịch, Thích Tuệ Sỹ hiệu chỉnh và chú thích, Đại Tạng Kinh Việt Nam, Thanh Văn Tạng, Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN.

(2) Kinh Tăng Nhất A-hàm, bản dịch Việt của Thích Đức Thắng do Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích, Đại Tạng Kinh Việt Nam, Thanh Văn Tạng, Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN.

(3) William J. Long, Buddha on Politics, Economics, and Statecraft, <https://link.springer.com>.

(4) David Dale Holmes, The Buddhist Ideals of Good Governance, <https://www2.buddhistdoor.net>.

(5) Tăng Nhất A-hàm, Thích Đức Thắng dịch, Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích, Đại Tạng Kinh Việt Nam, Thanh Văn Tạng, Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN.

(6) Kinh Trường A-hàm, Kinh Du Hành, Tuệ Sỹ dịch và hiệu chú, Đại Tạng Kinh Việt Nam, Thanh Văn Tạng, Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN.

(7) Richard Gombrich, Asoka: The Great Upāsaka được in trong “King Asoka and Buddhism: Historical and Literary Studies,” xuất bản năm 1994.

(8) Richard Ponsoyby-Fane, The Imperial House of Japan, 1959.

(9) Kazuo Kasahara, A History of Japanese religion, Tokyo: Kosei, 2007.

(10) Tiền Sĩ Lê Mạnh Thát, Trần Nhân Tông Con Người Và Tác Phẩm, Chương VI Thượng Hoàng Trần Nhân Tông Xuất Gia, www.thuvienhoasen.org.



NHU HẠT SƯƠNG MAI

*Trong như hạt ngọc sương mai
Long lanh sắc biếc trên đài sen thom
Chuông chùa lắng đọng chiều hôm
Thanh âm nhẹ thoảng sóng vờn khơi xa.*

*Nhẹ lòng kinh kệ Pháp Hoa
Chén trà buổi sớm chan hòa niềm thương
Tự mình thấp đuốc soi đường
Chờ chi đêm tối chán chường thở than.*

*Ngày vui nào cũng phải tàn
Trăm năm hạnh ngộ thời gian được gì
Sợi dây mê đắm tình si
Tâm bình nào muốn so bì cùng ai.*

*Có qua bề khổ đêm dài
Sáng nghe chim hót bên tai điệu dàng
Thực hư giữa chốn hồng trần
An nhiên dưới cội hoa vàng thiện lương.*

*Bão giông giữa cõi đời thường
Khát khao hạnh phúc dặm đường chông gai
Trong veo từng giọt sương mai
Trôi về bến giác áng mây trong lành.*

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH

THIÊN TUỆ: THÂN HÀNH NIỆM

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Thân là thân thể của con người. Niệm là ghi nhận, quan sát. Xứ là lĩnh vực, là đề mục để hành giả quan sát tu tập. Thân ở đây là một trong bốn lĩnh vực: Thân, Thọ, Tâm, Pháp trong bài kinh Niệm Xứ (Satipatthana sutta) do đức Phật thuyết giảng cho cư sĩ và tu sĩ học Phật, được ghi lại trong Kinh Trung Bộ phẩm số 10, Kinh Trường Bộ phẩm số 22 và tán mạn trong các bộ kinh Nikaya khác.

Học Phật chúng ta biết rằng nếu Bát Chánh Đạo là một bản đồ ghi chú cần thiết cho lộ trình đưa đến Tâm giải thoát, thì Tứ Niệm Xứ tức Thiên Tuệ, chính là bức tranh mô tả cụ thể về quá trình thực hiện lộ trình tu tập đưa đến giác ngộ giải thoát rất rõ.

Để bắt tay thực hiện từng bước trên lộ trình giác ngộ thì hành giả cần phải nắm vững một số vấn đề mà trong pháp thoại đức Phật đã dạy. Đầu tiên là một số khái niệm như: Tứ Niệm Xứ, Nhiệt tâm, Minh sát, Chánh niệm, Tỉnh giác, hành giả cần phải liễu nghĩa thì mới có thể khám phá được sự thật trên chính thân tâm mình như thế nào.

- **Niệm (Sati):** Còn gọi là Chánh niệm. Niệm có nhiều nghĩa, nhưng "**Niệm**" ở đây có nghĩa là **quan sát** thấy rõ hoạt động của đối tượng đang quán. Từ Hán Việt gọi là "**minh sát**". **Minh** là sáng sủa, rõ ràng, **sát** là quan sát. Quan sát đối tượng một cách rõ ràng không mê mờ, tức là phải quan sát cụ thể, biết rõ ràng tướng tận đối tượng, nhưng không có bóng dáng của tham, sân, si, tức bản ngã chen vào mới là "**Chánh niệm**", mới là "**Minh sát**".

- **Tỉnh giác:** Giác là biết. Tỉnh là tinh táo không mê mờ, Tỉnh giác là biết đầy đủ trong sáng, không tà kiến, điên đảo, không chấp ngã, chấp pháp. Là trạng thái tâm tinh táo, sáng suốt, không mê, không uể oải, buồn ngủ hoặc trạo cử lảng xăng. Tâm lảng xăng không thể nào có chánh niệm nơi đối tượng được. Cho nên có chánh niệm nơi đối tượng đồng nghĩa với có tỉnh giác. Vì thế chúng ta thường thấy hai nhóm từ này đi chung với nhau gọi là "**Chánh niệm tỉnh giác**".

- **Nhiệt tâm:** Nhiệt tâm được hiểu là tinh tấn. Tinh tấn ở đây là sự chuyên cần đều đặn, là kiên tâm bền chí, chú không phải nỗ lực tu mau để đạt mục đích càng sớm càng tốt. Muốn thành tựu pháp môn Thiên Tuệ này, hành giả phải luôn hâm nóng lòng nhiệt huyết, phải giữ lửa tu tập đều đặn mật không lười biếng, mà lúc nào cũng chú tâm soi sáng bốn đề mục tu tập của mình. Vì có nhiệt tâm mới có nghị lực vượt qua mọi trở ngại trên đường tu.

II. QUÁN THÂN

Quán thân thể gồm có các đề mục: 1) Quán hơi thở vào, ra. 2) Tứ đại oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi. 3) Tiểu oai nghi: Các động tác hoạt động của thân. 4) Quán 32 thể trước của thân thể. 5) Quán thân tứ đại: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. 6) Quán tử thi: Chín hoặc mười giai đoạn tan rã của tử thi.

1) ĐỀ MỤC "NIỆM HƠI THỞ"

- **Một:** Hơi thở vào, hơi thở ra như thế nào thì nhận biết như thế ấy.

- **Hai:** Thở vào dài hay ngắn, biết rõ. Thở ra dài hay ngắn, biết rõ.

- **Ba:** Cảm giác toàn thân hơi thở ra, vô; nhận diện được toàn thân hơi thở diễn biến ra, vô... như thế nào, biết như thế ấy.

Cảm giác toàn thân hơi thở vô, nghĩa là khi hơi thở bắt đầu từ cửa mũi, vào cổ họng, xuống lồng ngực và xuống tới bụng (đạn điền). Đó là hơi thở bắt đầu vô và đang vô.

Cảm giác toàn thân hơi thở ra, nhận diện được diễn tiến toàn bộ hơi thở ra. Nghĩa là nhận diện hơi thở bắt đầu từ đạn điền, ngược lên

lồng ngực, lên cổ họng, qua hai lỗ mũi và ra ngoài. Chấm dứt một chu kỳ hơi thở vào hơi thở ra.

- **Bốn:** Tọa thiền một lúc, thì sự an tịnh tự nhiên đến, hành giả cảm thấy hơi thở nhẹ nhàng, thân tâm dễ chịu. Cảm giác an tịnh toàn thân hơi thở vào, hành giả rõ biết. Cảm giác an tịnh toàn thân hơi thở ra, hành giả rõ biết.

Đây là bốn bước "**minh sát**" về hơi thở vào, hơi thở ra.

2) ĐỀ MỤC QUÁN "BỐN OAI NGHI"

Kinh Niệm Xứ ghi: "**...Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đi, tuệ tri: 'Tôi đi', hay đứng, tuệ tri: 'Tôi đứng'; hay ngồi, tuệ tri: 'Tôi ngồi'; hay nằm, tuệ tri: 'Tôi nằm'. Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân như thế ấy**". (hết trích)

Có nghĩa chính xác là khi đi biết đang đi, đứng biết đang đứng, ngồi biết đang ngồi, nằm biết đang nằm. Ở chỗ này cần lưu ý "**đi, đứng, nằm, ngồi**" chỉ là diễn tiến của thân hành, nên chúng ta cần hiểu: Cái thân hay là sắc đang đi, hoặc đang đứng, hay đang ngồi, hoặc đang nằm. Không có "**tôi đi đứng nằm ngồi**" trong đó. Vì có "**tôi**" là có bản ngã! Chữ "**tôi**" được sử dụng trong bài kinh, chỉ nhằm biểu đạt hình mẫu một người đang thực hiện đi hay đứng mà thôi!

3) ĐỀ MỤC "CÁC HÀNH HOẠT CỦA THÂN"

Kinh ghi: "**Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc**



minh đang làm; khi mang áo Tăng già lê, mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm”. (hết trích)

Tất cả hành động diễn ra trên thân, liền biết rõ. Thí dụ: Ngó tới, ngó lui, mặc áo, mang bát, mang y đều biết rõ. Thậm chí đại tiện, tiểu tiện cũng biết rõ. Hành vi lớn nhỏ đều biết từng chi tiết, từng diễn tiến của nó ngay trong thực tại. Nó diễn biến như thế nào thì thấy y như thế đó!

4) BA MƯỜI HAI THỂ TRƯỚC CỦA THÂN

Kinh ghi: *“Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho tới đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này: ‘Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mồ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu và nã trong đầu’.”* (hết trích)

Ngày nay, với y học phát triển, con số cơ quan nội tạng còn có thể nhiều hơn nữa; nhưng 32 thể trước là con số cơ bản về các thành phần bất tịnh của cơ thể của con người do các nhà cơ thể học Ấn Độ thời đức Phật đã phân loại.

Quán tưởng những thứ bất tịnh trên và trong cơ thể con người, để biết rằng, thân thể này vốn được xây dựng trên nền tảng tánh sinh diệt, và có bản chất bất tịnh, hôi hám, khó nhìn, khó chịu đựng. Từ đó, nhận ra câu nói của cổ nhân *“lớp da của thân này chỉ là cái bọc đựng xương và những chất bất tịnh”*. Nhờ nhận ra như thế hành giả sẽ buông bỏ những đam mê sắc dục, khát ái trên con đường tu tập giải thoát.

5) ĐỀ MỤC QUÁN “THÂN TỨ ĐẠI”

Kinh ghi: *“Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: ‘Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại’.”* (hết trích)

Tứ đại là bốn yếu tố lớn kết hợp tạo nên các hình thể vật chất khác nhau trong vũ trụ gọi là Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại. Kinh dạy thân thể con người cũng kết hợp bởi Đất, Nước, Gió (Phong), Lửa nên được xem như là tiểu vũ trụ.

- Đất ở đây không phải là “đất” cụ thể, mà là tính chất của đất. Tính chất của đất là cứng (xương, răng), mềm, giãn nở (thịt cơ bắp, da). Tính chất của nước là kết dính và ẩm ướt (máu, nước mắt, nước tiểu, mồ hôi...). Tính chất của hỏa là nhiệt độ lạnh nóng. Tính chất của phong là xô dịch, di động.

6) ĐỀ MỤC “MƯỜI TƯỚNG TRẠNG CỦA TỬ THI”

Kinh ghi: *“Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo, như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra...”*

“Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như nhìn thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kền ăn (linh thú); hay bị các loài chó ăn; hay bị các loài dã can ăn; hay bị các loài côn trùng ăn...”

“Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa; với các

xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại;... với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, được các đường gân cột lại;... với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại;... chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu...”

“Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đồng xương lâu hơn một năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột...” (hết trích)

Đức Phật bày ra Pháp quán mười tướng trạng khác nhau của xác chết với mục đích chỉ ra mặt thật của xác chết. Nhờ quán cảnh ghê rợn này xảy ra trên thân người sau khi chết, hành giả giảm bớt những luyến ái, mê say thân sắc dục khi còn sống, mà tinh tấn tu hành.

Trên đây là sáu đề mục tu quán thuộc về Thân. Cả sáu đề mục này hành giả quán sát nó xảy ra trên thân một cách tường tận chi tiết mà không có một phản ứng đối kháng hay chấp nhận gì cả. Thực tập như vậy, đức Phật gọi là quán thân trên thân: *“Như vậy, vị ấy sống, quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. ‘Có thân đây’, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy Tỳ-kheo sống quán thân trên thân”* (hết trích)

- Quán thân trên nội thân: Có nghĩa là quán thân của chính chúng ta, là tóc, lông, da, răng v.v... là cái thân đang có mặt này đây!

- Quán thân trên ngoại thân: Trong lúc đang quán nội thân, bất chợt có hình ảnh của một người nào đó xuất hiện trong đầu, chúng ta quán ngay trên con người đó, gọi là quán thân trên ngoại thân.

- Quán tánh sanh khởi, quán tánh diệt tận, quán tánh sanh diệt: Thí dụ như thực hành đề mục hơi thở. Tiến trình sinh diệt của hơi thở qua ba giai đoạn sinh-trụ-(hoại)diệt. Quán lúc khởi động hơi thở vào, là quán tánh sanh khởi. Khi hơi thở ra, tức chấm dứt tiến trình của hơi thở, đó là quán tánh diệt tận.

Thí dụ khác nhờ Quán Thân Tứ đại, nên biết rằng sự hình thành của cơ thể con người do đất, nước, gió, lửa mà thành. Nhờ thực tập như vậy nên chúng ta thấy tầm thân này là sự biểu hiện của danh và sắc, không có cái ta nào trong đó! Tướng đẹp tướng xấu gì cũng chỉ là biểu hiện của sắc thối. Sắc là sắc, sắc không có tên gọi. Cái tên Ngọc, Liên, Mai, Đào... gì đó, chỉ là do người đời gán cho để phân biệt sắc này với sắc kia mà thôi! Hằng ngày quán như vậy, nên thấy thân con người chỉ là danh và sắc, nên phiền não bớt khởi lên.

- Quán thân trên thân: Hai chữ “quán thân” đều có nghĩa là quan sát ghi nhận một bộ phận nào đó của thân đang tiếp xúc với đối tượng.

Thí dụ: Khi đặt bàn tay lên mặt bàn, "lòng bàn tay" là một bộ phận của thân. Thí dụ khác: Con mắt nhìn quyển sách, "mắt" là một bộ phận của thân. "Tai nghe âm thanh", tai là một bộ phận của thân. Chữ "trên thân" thứ hai trong câu là chỉ toàn bộ thân thể người đang hành trì pháp quán.

Cuối cùng đức Phật đi đến kết luận: **"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời. Nay các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân"**.

Nhờ luôn an trú chánh niệm trên thân như vậy, hành giả xa lìa mọi dính mắc với bất cứ thứ gì ở trên đời, chỉ dồn nỗ lực tu tập hướng đến chánh trí, chánh niệm. Những vị Tỷ-kheo nào sống như vậy, đức Phật xác nhận rằng vị ấy sống quán thân trên thân.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, Quán Thân như lời Phật dạy thì có 6 đề mục để quán như đã nêu ở trên. Hành giả có thể thực hành Thiền Quán bất cứ lúc nào trong ngày. Tùy theo đề mục hành giả chọn mà tọa thiền hay thiền hành (đi bộ) hay thiền nằm. Thông thường người ta chọn đề mục "hơi thở ra vào" khi tọa thiền. Trong lúc tọa thiền có những suy nghĩ, hay những xúc chạm, hoặc cảm giác khởi lên thì hành giả nhận biết nhưng không có phản ứng, rồi trở lại quán chủ đề chánh là hơi thở.

Pháp tu quán Thân giúp hành giả nhận ra cấu trúc của con người chỉ là Ngũ uẩn, là Danh sắc. Danh sắc thuộc pháp hữu vi, có điều kiện, nên Ngũ uẩn chịu quy luật Vô thường-Khổ-Vô ngã, và có mặt ở trên đời này theo chu kỳ Sinh-Tru-Hoại-Diệt.

Trí tuệ nhận ra tánh sinh diệt của vạn pháp cũng như tánh sinh diệt của Ngũ uẩn, nên hành giả sống không nương tựa, chấp trước bất cứ vật gì ở trên đời, mà an trú trong chánh niệm, hướng đến chánh trí, giác ngộ giải thoát...

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Ngày 7-7-2024; Sinh hoạt với Hội Thiền Tỉnh Không Houston, TX)



MỘT MAI TÔI NGỪNG DÒNG CHỮ

*Có một thời tôi bắt chợt hóa thân
từ chút bụi trên núi tuyết bay theo làn gió nhỏ
vào một thân năm uẩn dịu dàng hơi thở
cũng bắt chước nhân gian đi đứng nói cười
cũng tập làm thơ, tay còn hơi lạnh mây trời*

*Có một thời tôi cũng hóa thân
làm cậu bé ngủ gục giữa những buổi trưa
mơ thấy mình là dòng sông tìm biển đang chờ
trong giờ mẹ dạy ê a tập đọc, tập vần
từ trang kinh mẹ dặn phải học ân cần*

*Có một thời hơi thở tôi là những dòng chữ
rơi từ trận mưa của mười ngàn câu Pháp cú
để trọn đời dịu dàng với từng chữ viết
khi tay dừng là thơ sẽ hóa thành lửa
thêu trang giấy chuyện của ngàn năm tiền kiếp*

*Có một thời tôi thấy mình là rừng cây lá
vọng thì thăm lời Thế Tôn năm xưa tuyên thuyết
rồi lá rơi theo sông, để hòa tan mục rã
nghe dòng Kinh Tây Tạng bỗng hóa thành chữ viết
rưng rưng nước mắt khi gặp lại cõi người rất lạ*

*Rồi dòng mực viết lên những câu hỏi tiền kiếp
chờ gian nan cõi người giữa tiếng khóc thì thầm
nửa khuya chợt tỉnh, nhớ câu hỏi của nàng Long nữ
có ai thấy những bước chân về một lối bình an
xâu chuỗi ngọc từng trang giấy tôi tặng nhân gian*

*với một kiếp tôi là tiếng chuông đòi Yên tử
với một kiếp tôi là tiếng Kinh tụng trên đồi Tây Tạng
với một kiếp tôi là tượng gỗ trầm tư về Kinh vô tự
với một kiếp tôi là giọt nước mắt trên dòng Kinh Phạm*

*Một mai tôi ngưng dòng chữ
mim cười chào nắng tà huy
lắng nghe trận mưa bến cũ
không nơi để tôi, để đi.*

thơ PHAN TẤN HẢI



Trung Thu – Gửi Mẹ chút niềm vui

HẠNH THUẦN

Me ơi, mùa trăng giữa mùa Thu lại về, chiếu sáng trên bầu trời còn trong trẻo... Thế là, thêm một năm nữa chúng con không còn được chúc thọ Mẹ nhân ngày sinh nhật đặc biệt của Mẹ - dịp lễ hội Trung thu.

Bốn năm qua, chúng con luôn gửi nỗi niềm thương nhớ qua những nén nhang, chén trà, bông trái, mâm cỗ dâng lên bàn thờ Ba Mẹ. Mỗi đứa con của Ba Mẹ đều mang trong lòng những ký ức sâu đậm về hai bậc sinh thành yêu kính. Chúng con nhớ đến Ba Mẹ để tiếp tục sống theo những gì Ba Mẹ đã dạy, đã làm gương trong suốt cuộc đời mình. Riêng con, bây giờ không còn trẻ nữa, con vẫn thực hành theo cách đối nhân xử thế ngày trước của Ba Mẹ: Lấy chân tình, không già dối trong giao tiếp với tha nhân. Nhờ vậy, con cảm thấy đời sống quanh con thật dễ chịu, con không phải lo lắng tìm cách đối phó thế này, thế nọ với người nọ, người kia... Và con luôn mong rằng, ở thế giới bên kia, Ba Mẹ sẽ hài lòng khi biết con may mắn có được một nếp sống giản đơn nhưng hạnh phúc.

Nhân kỷ niệm sinh nhật của Mẹ, hôm nay con xin phép nhắc lại vài chuyện vui vui về Mẹ - thay cho những giọt nước mắt nhớ thương thường tình.

Mấy năm cuối đời, Mẹ thường dặn em con đừng nếm ớt vào thức ăn, đừng nấu cho Mẹ món canh khổ qua nữa. Mẹ còn dí dỏm: "Mi thấy cả đời Mẹ có dùng lời cay đắng với ai không?" Chúng con háy mắt cười với nhau, cùng vui với câu nói đầy ý nghĩa của Mẹ. Về cái khoản vị đắng trên đời, con nhớ Mẹ là người tập cho con uống những tách cà phê đầu tiên để con thức khuya, dậy sớm học thi tú tài...

Hình như có câu nói: "Về già thì người ta trở thành con nít." Mẹ đã có những cử chỉ, những lời nói rất dễ thương, hồn nhiên mà bây giờ mỗi lần kể lại cho ai, con đều ứa nước mắt. Mấy năm cuối đời của Mẹ, thỉnh thoảng con có việc vào Sài Gòn, vắng nhà ít hôm. Con thường tìm mua đem về loại bánh hiệu Givral mà Mẹ ưa thích. Khi con khui hộp bánh mời Mẹ, Mẹ cầm lên vài cái rồi tùm tùm cười: "Xin chào mấy người!" - như thể lâu ngày Mẹ được gặp lại bạn bè.

Sâu trong tâm khảm của một người người thương thọ, Mẹ vẫn dành nỗi nhớ về Ba, người bạn đời thủy chung như nhất của Mẹ. Một hôm, em con gọi đầu rồi sấy và chải tóc cho Mẹ. Có lẽ sốt ruột vì thấy em làm lâu quá... Mẹ nhắc: "Được rồi đó! Mi chải tóc cho Mẹ đẹp quá, coi chừng Ba mi về đòi cưới Me lần nữa."

Me ơi, mọi người đang hồi hộp chờ đợi những diễn biến của thời tiết có làm đêm trăng Rằm tháng Tám bị ú dột hay không. Theo chiều hướng suy nghĩ tích cực, con mong rằng bầu trời đêm Trung thu năm nay sẽ trong sáng, không khí rước đèn, phá cỗ sẽ rộn ràng. Các em nhỏ, trong đó có các cháu chắt của Mẹ, được hưởng trọn vẹn niềm vui trong ngày Tết của chúng... Riêng con, con được góp nụ cười theo tiếng hát lời ca của bầy trẻ con đáng yêu đó. Rồi con sẽ ngược lên ngắm vàng trăng đẹp để mà nhớ lại tâm tư của đứa con gái ngày xưa: "*Trăng Trung thu tỏa sáng / Vẫn thua Me tôi cười...*"

(Mùa Trung thu)

BÚN GẠO XÀO CHAY CÙNG RAU NẤM

Thành phần:

Khẩu phần: 3 người

- Nấm linh chi trắng 50 Gr
- Cà rốt 1 củ
- Đậu hũ chiên 50 Gr
- Bún gạo 300 Gr
- Ớt chuông 1 Trái
- Đậu que 50 Gr
- Hành boa rô 1 nhánh
- Bông cải xanh 100 Gr
- Nước tương 2 Muỗng canh
- Hạt nêm chay Knorr Nấm hương 1 Muỗng cà phê
- Muối 1 Muỗng cà phê
- Đường trắng 2 Muỗng cà phê



Hướng dẫn thực hiện:

1. Sơ chế nguyên liệu bún xào chay: Rửa sạch các loại rau củ, nấm bằng nước muối rồi xả sạch với nước lạnh. Nấm linh chi cắt bỏ chân, cà rốt thái sợi nhỏ, ớt chuông bỏ hạt cắt sợi, đậu cove cắt bỏ 2 đầu rồi cắt chéo theo thân, bông cải xanh cắt lát nhỏ. Hành boa rô thái nhỏ.

2. Bún gạo nấu qua với nước sôi khoảng 2 phút vớt để ráo. Cho dầu vào chảo, dầu nóng cho vào chảo thơm, lần lượt cho đậu, nấm, các loại rau củ vào xào. Nêm 2 thìa canh nước tương, 1 thìa cà phê hạt nêm, 1 thìa cà phê muối, 2 thìa cà phê đường. Cuối cùng cho bún gạo vào trộn đều cho thấm gia vị. (Điều chỉnh gia vị cho vừa miệng)



Dydy Nguyễn

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



TỪ MỸ NỮ THÀNH NI SƯ

Vốn là cô gái người Anh xinh đẹp, nhưng cô Diane Perry sớm nhận ra sự khác thường trong tâm ý của mình. Năm mười tám tuổi cô tự xưng mình là Phật tử trong khi môi trường gia đình và xã hội hoàn toàn xa lạ với Phật giáo. Năm hai mươi tuổi Diane sang Ấn Độ dạy tiếng Anh và bắt đầu hành trình tu học của mình. Cô đã gặp vị Lạt Ma Khamtrul Rinpoche 8 và chính ông là thể độ sư của cô. Từ đây cô Diane Perry trở thành sư nữ với pháp danh Tenzin Palmo.

Tu học trong một tự viện với trăm tăng sinh, tuy nhiên ở đây mọi người vẫn có truyền thống kỹ thị nữ giới, vì vậy bà hoàn toàn bị gạt ra ngoài những hoạt động của tu học tâm linh. Các vị tăng ở đây đã: "Cầu nguyện cho bà kiếp sau mang thân nam để tu học Phật pháp mới có thể giác ngộ". Chính từ đây bà đã phát lời nguyện vĩ đại, khó có thể nghĩ bàn: "Tôi phát thệ nguyện sẽ đạt giác ngộ trong thân tướng người nữ, cho dù có trải qua bao nhiêu kiếp sống".

Nghe lời sư phụ, bà lên tuyết sơn vào hang đá một mình tu thiền hơn mười hai năm, trong đó có ba năm hoàn toàn bế môn. Một thân nữ nhập thất trên dãy Hy Mã Lạp Sơn với điều kiện thời tiết vô cùng khắc nghiệt, lương thực tối thiểu, cách biệt với xã hội... nhưng ni sư không sờn lòng. Sau quá trình tu học ấy, ni sư đã sáng lập tu viện Dongyu Gatsal

Ling Nunnericho nữ giới tu học, tái lập dòng truyền thừa Togdenmas của giáo đoàn Yogini Drunkpa Kagyu. Ni sư dạy học, hoằng pháp, viết sách, khuyến khích bình đẳng và dẫn thân của nữ giới. Năm 1964 thọ giới Kim Cang Thừa, 1973 thì thọ cụ túc giới ở Hồng Kông và là người phụ nữ phương Tây đầu tiên. Hành trạng của Ni sư Jetsunma Tenzin Palmo thật đúng với ý nghĩa của pháp danh: "Người phụ nữ vinh quang duy trì học thuyết về sự kế thừa thực hành (Phật pháp)". Ni sư thường thuyết giảng trên You Tube. Có một câu nói khiến nhiều người còn mơ hồ trong tình yêu đã thức tỉnh: "Chân ái là khi bạn nói yêu người ta và mong mang hạnh phúc lại cho người ta. Còn khi bạn nói yêu nhưng bạn mong người ta mang hạnh phúc lại cho bạn thì đó không phải là chân ái."

Năm 2023 BBC đã chọn Ni sư là một trong 100 phụ nữ có ảnh hưởng nhất của thế giới.

[TỪ TÂY PHƯƠNG VĂN MINH TÂN TIẾN NÀNG DIANE PERRY XINH ĐẸP TRONG XÁC THÂN NHI NỮ BUÔNG BỎ DANH LỢI PHỤ ĐU HƯ HUYỀN ĐỜI NGẮN, TẠM HIỂU TỬ ĐẾ TRÍ HUỆ THẬM THÂM TRUYỀN GIÁO PHÁP](#)
[ĐẾN THỞ PHỒN LẠC HẬU HOANG SƠ NI TENZIN PALMO XUẤT SẮC VỚI CHỈ TRƯỞNG PHU TU TẬP PHẬT PHÁP THIẾT THỰC CHƠN CHÁNH ĐẠO DÀI LÂU HÀNH LỤC ĐỘ ĐẠI BI MỆNH MÔNG ĐƯỜNG NHÂN LUÂN.](#)

BẠCH SA BA SẠCH

Vốn là đất cũ của người xưa, sau khi nhập Đại Việt cũng đã trải qua nhiều đời chủ, bởi vậy máu lửa tang thương cũng từng ghê lắm, giờ thì tam yên ả thanh bình trong nắng sớm chiều sương. Nơi này có trường sự phạm bên bờ biển, gần đây là quán cà phê Bầy Lổ. Bọn sinh viên tối ngày ngồi đồng ở đây. Sở dĩ quán có hồn danh là vậy vì chủ quán có bầy cô con gái xinh đẹp. Đối diện quán là chùa Bạch Sa, ngôi chùa nhỏ nhỏ, yên tĩnh, vắng lặng hoàn toàn trái ngược với sự nhộn nhịp của quán cà phê.

Một hôm anh Ngộ ngộ gì hồng biết, ngẫu hứng nói:

- Đất này cũng như mọi nơi khác trên thế gian, chẳng có ai có thể sở hữu, chỉ có thể chiếm hữu một thời gian nào đó mà thôi!

Anh Giác, bạn anh Ngộ cũng hứng khởi:

- Nay chủ này mai chủ khác là chuyện đương nhiên. Anh đã lý luận giỏi vậy thì thử chiếm hữu một trong bầy bông hoa của quán này.

Cả bọn sinh viên cười rần rật. Chợt anh sinh viên Phật tử nhìn qua bên kia đường thấy chùa Bạch Sa vắng vẻ bèn tức cảnh sinh tình viết:



BACH SA BUÔNG SÁCH BA ĐỘC THAM SÂN SI SÁCH BA NGHIỆP THẦN KHẨU Y

Bọn sinh viên và khách của quán tẩm tắc khen hay nhưng chẳng ai đổi đặng, kể từ năm ấy đến giờ câu đối vẫn còn nguyên đấy, chẳng biết đợi đến bao giờ.

HỎI MÀ LÀM GÌ

Sau cuộc nội chiến tương tàn, huynh đệ nhà kia chia lìa. Kẻ lưu lạc bốn phương, người mới thì được chủ mới dùng làm công cụ trang điểm, phục vụ mục đích lèo lái, kể từ đó nội tình nhà họ càng thêm bi đát. Nhiều vị khoác cà sa nhưng làm việc ma tham chính, thân chính, phò chính và cũng có không ít kẻ vốn là người làm việc thể tục nhưng khoác cà sa để lũng đoạn tử bên trong.

Trong lúc ấy có vị long tượng âm thầm hành hoạt, chống gậy trúc, lê thân gầy dựng lập lại những gì đã đổ vỡ, khai mở lại nguồn mạch bị đóng bít. Ngài cùng những vị tôn túc đồng chí hướng ngày đêm hy hiến đời cho Phật pháp, hoằng pháp, giáo dục, dịch đại tạng kinh. Ngày mà một phần đại tạng kinh xuất bản từ chúng vui mừng, học giả hoan hoan, người trong ngoài phấn chấn và thêm phần tin tưởng. Ấy vậy mà người huynh đệ kia có cả một hệ thống báo chí, truyền thông, mạng xã hội... lại im hơi lặng tiếng, không một nói một lời. Ngoại đạo có người thấy vậy bất bình:

- Sao kỳ vậy ta, lẽ ra bọn họ phải mừng đại tạng kinh mới phải chứ? Kinh Phật kia mà!

Có kẻ thưa rằng:

- Sự im lặng của họ thể hiện chính họ rồi, hỏi mà làm gì?

CHỖ ĐAU HỌ NGỒI

Trời còn nắng nóng lắm nhưng bọn học sinh xứ Cờ Hoa đã tung tăng tựu trường. Ngày đầu vui như hội, chúng gặp nhau hớn hờ, xe cộ đón đưa rộn ràng làm cho bao kẻ nhớ lại dĩ vãng thời học sinh. Một người trong nhóm phụ huynh đưa con đi học nói:

- Học sinh xứ này nghỉ hè, thu, đông, xuân chơi mát mùa. Học sinh xứ mình không có nghỉ ngơi vì phải học bù đầu, nào là: học hè, học tư, học kềm, học phụ đạo, học bồi dưỡng, học ngoại khóa, học chính khóa, học bổ túc...

Người khác thêm vào:

- Cha mẹ học sinh phải xếp hàng nửa đêm để nộp hồ sơ cho con vào mẫu giáo, chạy chọt để vào trường có danh tiếng, trường chuyên lớp chọn, đóng đủ thứ tiền mới được đi học... Khổ trần thân cả học sinh và cha mẹ.

Một vị nữa góp lời:

- Giờ xứ mình mỗi tỉnh có mấy trường đại học luôn, người ta tương bằng mua bán bằng cấp, thương mại hóa giáo dục. Học xong ra trường chạy xe ôm công nghệ hoặc làm những việc trái khoáy để kiếm sống.

Ông già hồi nãy nói câu đầu giờ nói tiếp:

- Kiếp nạn của học sinh và con người xứ mình.

Vị thứ hai hỏi các cố:

- Sao họ không áp dụng những mô hình giáo dục tân tiến của Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Nhật...

- Nếu làm vậy thì chỗ đâu bọn họ ngồi?

HÃY XEM VIỆC HỌ LÀM

Sáng Chủ nhật quán cà phê ồn ào náo nhiệt, trai xinh gái đẹp lượn lờ tằm tía nhìn ngó nhau. Nhạc xập xình, người cười nói rôm rả. Một anh bạn vốn là con chiên ngoan đạo nói:

- Chúa dạy yêu thương người như anh em, không được trộm cắp, nói láo, gian dâm, bốc hốt... Cố sao nhiều con chiên lại ủng hộ thằng cha nói láo, gian manh, trốn thuế, mưu đồ tư lợi, chế giễu người tàn tật?

Một anh Phật tử cảm râm:

- Phật không dạy người nói dối, nói lời hung ác, lời đâm thọc, chửi mắng... Phật dạy buông bỏ tham, sân, si. Vậy mà nhiều người tự xưng Phật tử nhưng lại phò lão già côn đồ, hung tợn, gian dối, tham lam, cả đời chỉ mắng chửi, phun ra toàn lời độc địa, sân hận, tàn độc với thế nhân... Cả đời y chưa từng nói được một lời tử tế!

Một anh bạn vốn vô thần, cười:

- Mị dân, độc tài, lừa bịp như y thì mấy cha theo thuyết đại đồng cũng phải báỉ phục!

Con Lành, bạn của cả nhóm, cười lớn lên:

- Ai biểu nhìn cái nhãn hiệu dán trên trán hay lời họ xưng, hãy nhìn việc họ làm.

Lành còn mần thơ nữa chứ:

Ông trùm sân hận hung hăng

Gian tham dối trá như thằng du côn

Vậy mà phiếu bỏ đập đồn

Kẻ nào phò hãn liệu còn đạo chi?

ĐẤT THÁNH

Sa Bà có vùng đất khô cằn sỏi đá, khí hậu khắc nghiệt, người ở đây rất cương cường bạo liệt. Mảnh đất ấy chính chiến liên miên suốt mấy ngàn năm nay chưa hề dứt, máu xương đổ không biết bao nhiêu mà kể. Bọn họ đánh nhau vì ai cũng bảo đất thánh thuộc về mình.

Có kẻ bị đánh dạt ra ngoài. Lưu lạc hai ngàn năm, nay mới về lập quốc. Ấy vậy mà lại hung dữ hiếu chiến vô cùng, tham lam giành đất, lấn đất của người sở tại. Kẻ ấy bảo:

- Đây là đất thánh, tổ phụ đã hứa khả ban cho dòng tộc ta.

Người chủ cũ cô độc, yếu thế, ngày tháng chịu sự lấn lướt, tàn hại của kẻ mới về. Tuy vậy họ vẫn kiên cường bám trụ:

- Đất của tổ tiên ta, thương để ví đại đã phán!

Kẻ thứ ba từ phương Tây xa xôi cũng từng chín lần mang quân đến đây để giành đất thánh. Chiến tranh khốc liệt vô cùng. Bọn họ nói:

- Mộ chúa ở đâu thì đó là đất thánh.

Kẻ thứ ba này vốn ủng hộ tối đa cho bọn mới về:

- Mày cứ tự do đánh, đánh bất kể mục tiêu nào, diệt hết bọn chúng đi. Tội tao viện trợ tiền và vũ khí để mày chơi!

Dân chúng yêu hòa bình, công lý khắp thế giới xuống đường phản chiến, tuy nhiên những chính phủ của họ hoàn toàn im lặng, thậm chí còn ra sức dẹp những cuộc biểu tình. Có kẻ từ phương xa, chẳng liên can chi cuộc chiến đất thánh nhưng lòng cảm thán:

- Chẳng thấy thánh đâu chỉ thấy đất này đang hiện tượng địa ngục trần gian.

Steven N
Georgia, 0824

TÂM TỬ: ĐỌC TRONG MÙA VU LAN

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(Kỳ 2— tiếp theo và hết)

KHÔNG NẪM GIỮ KIẾN NÀO

Câu hỏi là, tại sao khi nhìn các pháp, lại cần có cái nhìn Như Thị?

Trả lời: Bởi vì Như Lai không nắm giữ bất kỳ kiến nào (ý này đã nói trong Metta Sutta).

Chữ kiến đây, có nghĩa là kiến (lập trường) về có/không, một/nhiều, hữu biên/vô biên, chơn/vọng, vân vân.

Đức Phật dạy rằng ngài không hề có một kiến nào như thế, mọi chuyện nắm giữ kiến nào sẽ chỉ là tà kiến.

Trong Kinh MN 72 - Aggivacchagotta Sutta, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết:

"Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, đây là điều Như Lai đã thấy: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt..." Tương tự với thọ, tưởng, hành, thức.

Nghĩa là, Đức Phật dạy cái nhìn: như thị sắc, như thị sắc tập, như thị sắc diệt...

Bản Anh dịch của nhà sư Thanissaro viết về câu văn đáp này như sau:

"Does Master Gotama have any position at all?"

"A 'position,' Vaccha, is something that a Tathagata has done away with. What a Tathagata sees is this: 'Such is form, such its origination, such its disappearance; such is feeling, such its origination, such its disappearance...' (7)

DỊCH:

"Hỏi: Ngài Gotama có bất kỳ quan kiến (lập trường) nào không?"

"Đáp: Vaccha, quan kiến là cái Như Lai đã xóa sổ rồi. Cái một bậc Như Lai nhìn thấy là thế này: Như thị sắc, như thị sắc khởi, như thị sắc diệt; như thị thọ, như thị thọ khởi, như thị thọ diệt..."

THẤY MỘT, LÀ THẤY TẤT CẢ

Trong cái thấy như thế, thời gian biến mất.

Bởi vì, tiến trình "sinh, trụ, dị, diệt" (sinh khởi, an trụ, biến chuyển, tịch diệt) tức khắc chỉ còn là "sinh/diệt" – nghĩa là, trong cái sinh đã tức khắc là cái diệt.

Thấy như thế, lập tức khi thấy Khổ Để hiện ra, là tức thì nhận ra Tập Để, Diệt Để và Đạo Để. Và tương tự với bất kỳ đế nào. Tứ Thánh Đế đồng thời hiển lộ trong cái nhìn Như Thị. Cái nhìn này cũng là pháp tu của Thiền Tông. Đây là pháp khó tin, khó hiểu, khó vào.

Trong Kinh SN 56.30 -- Gavampati Sutta, Đức Phật dạy rằng thấy một diệu đế, là thấy tức khắc bốn diệu đế.

Bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết rằng Tôn giả Govampati lập lại lời Đức Phật dạy:

"Này các Tỷ-kheo, ai thấy Khổ, người ấy cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ tập, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt".

Bản Anh dịch của Bhikkhu Bodhi:

"Bhikkhus, one who sees suffering also sees the origin of suffering, also sees the cessation of suffering, also sees the way leading to the cessation of suffering. One who sees the origin of suffering also sees suffering, also sees the cessation of suffering, also sees the way leading to the cessation of suffering."

(8)

Như thế nghĩa là gì? Làm sao thấy một Diệu đế, là tức khắc thành tựu cả Tứ Diệu Đế.

Câu trả lời rằng, như thế, Đức Phật tuyên thuyết rằng vạn pháp chỉ là thức. Hay, muôn pháp chỉ là tâm. Và do vậy, tiến trình thấy một mà thành tựu cả bốn, nói theo Thiền Tông, xảy ra ngay trong một niệm. Ngoài một niệm ra, không thể ai thấy một sự thật vi diệu mà nhận ra cả bốn sự thật vi diệu như thế. Nghĩa là, chỉ trong thế giới Duy Thức mới hiển lộ như thế.

VẠN PHÁP LÀ THỨC

Phương pháp lý luận trong nhiều kinh, Đức Phật đã dạy rằng, thế giới không lìa thân tâm này mà hiện hữu, và đi tận cùng thế giới cũng không ra khỏi khối sắc-thọ-tưởng-hành-thức này. Trong Kinh SN 12.44 - Loka Sutta, Đức Phật dạy rằng thế giới tập khởi và tịch diệt cũng là từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý – tức là từ 6 căn, hiển lộ 6 trần, sinh 6 thức. Duyên khởi như thế, thế giới đã tập khởi và đoạn diệt



Bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết, trích:

"Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh, nên có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi..." (9)

Tương tự với tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Có nghĩa là, thế giới chỉ là thức. Nếu không nhìn như thế, sẽ không giải thích được Khổ đế, và sẽ không nhận ra Đạo đế. Như thế, các luận sư đời sau trong phái Duy Thức của Bắc Tông chỉ là khai triển thêm.

Hỏi thêm: Cái gì làm nên thân, tâm và thế giới? Câu trả lời đơn giản là nghiệp. Để giải thoát ra khỏi nghiệp sẽ là trí tuệ. Và trí tuệ giải thoát đó sẽ không phải là pháp sanh diệt, vì nếu là pháp hữu vi, tất nhiên sẽ biến mất, không gọi là giải thoát. Do vậy, giải thoát phải là từ pháp vô vi, pháp lìa sanh diệt. Và đó phải là một thức xa lìa đất, nước, gió, lửa...

Đức Phật giải thích trong Kinh MN 49 - Kinh Phạm Thiên Cầu Thịnh về một thức xa lìa tất cả kinh nghiệm.

Bản dịch của HT Thích Minh Châu, khi Đức Phật nói với Phạm Thiên rằng nếu không nhận ra thức này thì mọi chuyện trở thành vô ích, trích:

"—Này Tôn giả, đối với tất cả, nếu Tôn giả không lãnh thọ nhất thiết tánh, thì đối với Tôn giả, trở thành trống không, trống rỗng, Thức là phi sở kiến, không biên tế, chói sáng tất cả, nếu không thể lãnh thọ địa đại ngang qua địa tánh, không thể lãnh thọ thủy đại ngang qua thủy tánh, không thể lãnh thọ hỏa đại ngang qua hỏa tánh, không thể lãnh thọ phong đại ngang qua phong tánh, không thể lãnh thọ chúng sanh ngang qua chúng sanh tánh, không thể lãnh thọ chư Thiên ngang qua chư Thiên tánh..." (ngưng trích)

Bản dịch của Bhikkhu Thanissaro, trích:

"If, good sir, you have directly known the extent of what has not been experienced through the allness of the all, may it not turn out to be actually vain and void for you."

"Consciousness without surface, endless, radiant all around, has not been experienced through the earthiness of earth ... the liquidity of liquid ... the fieriness of fire ... the windiness of wind ... the allness of the all." (ngưng trích)

DỊCH:

[Đức Phật dạy]: Tôn giả, nếu ông không biết trực tiếp những gì không được kinh nghiệm xuyên qua cái tất cả của tất cả, hy vọng [hiểu biết về thức này] sẽ không vô ích cho người.

"Thức không hiện tướng,

[thức] vô tận, [thức] chiếu sáng khắp cõi,

[thức] không được kinh nghiệm xuyên qua tánh đất của đất... tánh chảy của nước... tánh lung linh của lửa... tánh gió của gió... cái tất cả của tất cả."

Tương tự, bản Anh dịch của Sujato:

"Well, good sir, if you have directly known that which is not within the scope of experience based on all, may your words not turn out to be void and hollow!"

Consciousness that is invisible, infinite, radiant all round—that's what is not within the scope of experience based on earth, water, fire, air,

creatures, gods, the Creator, Brahmā, the gods of streaming radiance, the gods replete with glory, the gods of abundant fruit, the Overlord, and the all." (10)

Làm cách nào nương vào thức để xa lìa tham sân si, để danh-sắc tịch diệt?

Trong Kinh DN 11 -- Kevatta Sutta, bản dịch của HT Thích Minh Châu các câu áp chót ghi lời Đức Phật dạy về giải thoát, khi danh-sắc tịch diệt, trích:

"Này Tỳ-kheo, câu hỏi phải nói như sau:

"Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, dài ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng? Chỗ nào cả danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn?" và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

"Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thảy xứ. Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng.

Ở đây, cũng vậy dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh.

Ở đây danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn.

Khi thức diệt, ở đây mọi thứ đều diệt tận." (11)

Như thế, trong các mắc xích Duyên khởi, cắt đứt mắc xích nào cũng đều giải thoát.

Ly ái dục cũng giải thoát. Xa lìa thủ (vô sở trụ) cũng giải thoát. Xa lìa hành (không khởi tâm làm một pháp nào hết) cũng giải thoát.

Trong Kinh SN 12.38 - Cetana Sutta, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu dịch:

"Này các Tỳ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có thăm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng, nên trong tương lai tái hữu không sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai, nên sanh, già chết, sầu, bi, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này." (12)

Như thế, một thức xa lìa đất nước gió lửa như thế, một thức chiếu sáng và rộng rang bao trùm khắp như thế... quý luận sư Bắc Tông còn gọi là Phật Tánh, vì y hết bông sen, trong ao đầy bùn vẫn không hề dính bùn.

Trong Kinh SN 12.64 - Atthiraga Sutta, có thể tóm tắt trong một câu là:

"Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh..."

Trong kinh, Đức Phật giải thích chi tiết, rằng chúng sinh có 4 loại thức ăn, hề khi thọ dụng 4 loại thức ăn mà khởi tâm tham là thức sẽ an trú và tăng trưởng, và thế là danh sắc sanh, tức là luân hồi sinh tử. Phân biệt 4 loại thức ăn này là:

-- đoàn thực, bản dịch Bodhi là nutriment edible food. Thí dụ, cơm, bánh mì, rau quả...

-- xúc thực, là nutriment contact. Thí dụ, chạm xúc, mắt thấy cảnh đẹp, tai nghe nhạc hay, mũi cảm thọ mùi thơm...

-- tư niệm thực (tâm hành), nutriment mental volition. Thí dụ, ước muốn chiến đấu hay chinh phục, ước muốn sáng tạo hay phát minh, ước muốn xây dựng hay hủy diệt...

-- thức thực, nutriment consciousness. Đức Phật so sánh chúng sanh như một tù nhân, bị mũi giáo nhọn là thức thực đâm cho bị thương; mỗi ngày tù nhân này ba lần bị đâm, mỗi lần 300 mũi giáo của thức thực.

Đức Phật dạy trong Kinh SN 12.64 rằng:

"...[Đối với 4 loại thức ăn đó] không có tham,

không có hỷ, không có ái, **thời không có thức an trú, tăng trưởng.** Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não." (13)

Làm sao để thức không an trú? Kinh này nói rằng thức y hệt như tia nắng chiếu vào căn nhà, mà nhà này không có bức tường nào dù ở hướng đông, tây, nam, bắc, và thức này chiếu vào chỗ không có đất, không có nước... thì thức này không an trú vào đâu cả. Thế là, giải thoát.

Bởi vì, bản tâm là chói sáng, và bụi là từ ngoài vào.

Kinh AN 1.51-60, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết:

"Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào... Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào..." (14)

Tới đây, câu hỏi là, làm sao thấy các pháp đều từ tâm mà ra?

Trước tiên, nên thấy Đức Phật dạy rằng thế giới cõi này chỉ là 12 xứ, gồm 6 nội xứ (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) và 6 ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Khi tính tới tương tác, thế giới này chỉ là 18 giới – bao gồm 12 xứ vừa nói, cộng thêm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Như thế, khi vũ trụ tương tác để sinh khởi và tịch diệt, theo giải thích này, chỉ là thế giới vũ trụ của thức.

Như thế, pháp ấn vô thường nằm trong luật Duyên khởi, vì cái này có cho nên cái kia có.

Như thế, tất cả thế giới chỉ là hợp thể, và không có gì đứng riêng để gọi là tự ngã, thí dụ như cỗ xe gồm bánh xe, trục xe, càng xe... ráp lại, chớ không có gì gọi là xe.

Ngay cả khi nghiền cả thế giới cho thành vi trần, các hạt vi trần cũng theo luật duyên khởi vì không thể đứng riêng mà thành, vì phải tựa vào hạt khác ở đồng tây nam bắc...

Ngay cả những gì tưởng là kiên cố, như ngọn núi, cũng thực sự là rỗng rang không tự thể, vì là các khối đá và các bụi cây hợp lại.

Ngọn núi cũng có thể được nhìn theo phương pháp Đức Phật dạy, rằng chớ xem núi là núi, mà hãy thấy rằng cái gọi là núi đó chỉ là cái được thấy, trong đó có màu xanh của rừng được thấy và nhiều màu nâu dị biệt của đá và đất... Nghĩa là, khi núi được nhìn như "cái được thấy," tức khắc thế giới với chúng ta chỉ là thế giới Duy Thức. Đó cũng là khi chư tổ nói rằng không ngờ tâm này bao trùm khắp núi non sông hồ... Và như thế, là Tứ Diệu Đế thành tựu chỉ trong một sát na, trong một khoảnh khắc.

Đó là lý do, chư tổ Thiền Tông nói, vạn pháp chỉ là nhất tâm, trong khi thế giới là duy thức sở biến. Giữ mãi cái nhìn này, sẽ nhận ra lý Duyên Khởi, sẽ nhận ra pháp ấn vô ngã và pháp ấn vô thường... Tới đây, là trở lại lời dạy "**suy tư, nhận ra, vững trú trong cái thấy vô thường**" trong 11 pháp môn đã nói ở trên. Và trong 11 pháp môn đó, Tâm Từ là một cửa giải thoát.

Khi đã thấy tất cả các pháp chỉ là duy thức sở biến, cũng là thấy ngay trước mắt và bên tai rằng thế gian hăng như mộng, y hệt như hoa đốm trên không.

Đó là những dòng khởi đầu một bài kệ trong Kinh Lăng Già, một kinh về duy thức:

Thế gian ly sanh diệt

Do như hư không hoa

Trí bất đắc hữu vô

Nhi hưng đại bi tâm...

Cõi này như thể vốn xa lìa sanh diệt, y hệt như hoa đốm trên không, trí không đắc cả hữu lẫn vô, mà hưng khởi đại bi tâm.

Và lúc đó là Từ Bi vô lượng khởi dụng từ Trí Tuệ xa lìa sanh diệt.

GHI CHÚ:

(7) Kinh MN 72, bản Việt dịch của HT Minh Châu: https://suttacentral.net/mn72/vi/minh_chau

Bản Anh dịch của Thanissaro: <https://suttacentral.net/mn72/en/thanissaro>

(8) Kinh SN 56.30, bản của HT Thích Minh Châu: https://suttacentral.net/sn56.30/vi/minh_chau

Bản Việt dịch của Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/sn56.30/en/bodhi>

(9) Kinh SN 12.44, bản Việt dịch: https://suttacentral.net/sn12.44/vi/minh_chau

(10) Kinh MN 49. Bản của HT Thích Minh Châu: https://suttacentral.net/mn49/vi/minh_chau

Bản của Thanissaro: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/mn/mn.049.than.html>

Bản của Sujato: <https://suttacentral.net/mn49/en/sujato>

(11) Kinh DN 11: https://suttacentral.net/dn11/vi/minh_chau

(12) Kinh SN 12.38: https://suttacentral.net/sn12.38/vi/minh_chau

(13) Kinh SN 12.64: https://suttacentral.net/sn12.64/vi/minh_chau

(14) Kinh AN 1.51-60. Bản Việt dịch của HT Minh Châu: https://suttacentral.net/an1.51-60/vi/minh_chau

Bản Anh dịch của Sujato: "This mind, mendicants, is radiant. But it's corrupted by passing corruptions... This mind, mendicants, is radiant. And it is freed from passing corruptions." - <https://suttacentral.net/an1.41-50/en/sujato>

Bản Anh dịch của Thanissaro: "Luminous, monks, is the mind. And it is defiled by incoming defilements... Luminous, monks, is the mind. And it is freed from incoming defilements." - <https://suttacentral.net/an1.41-50/en/thanissaro>.





Truyện cực ngắn

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

BƯỚC ĐỆM

Anh ngồi lặng lẽ một mình trong căn phòng vắng. Mùa xuân đã qua, chỉ mình anh còn lại với nỗi buồn và tuổi già. Thú vui nhâm nhi uống trà và nhớ lại tuổi trẻ ngày xưa cũng dần phai nhạt. Anh biết cần phải chuẩn bị cho chính mình. Sẽ đến lúc thay vì ngồi lặng lẽ, anh chỉ có thể nằm với dây nịt xung quanh. Còn sống qua ngày bình thường, không làm phiền đến ai khác đối với anh vậy cũng đủ hạnh phúc rồi. Tất cả cuối cùng đều chỉ là một giấc mơ hư ảo. Đúng là thời gian trôi quá nhanh. Dù có sống đến trăm tuổi thì cuộc đời vẫn rất ngắn ngủi. Nhưng nếu chúng ta biết sống đúng và sống đủ thì trăm năm cũng đủ dài rồi. Chúng ta được trải nghiệm và học hỏi nhiều thứ và cũng dần biết cách buông bỏ đi. Ngoài tuổi bốn mươi, tất cả sức khỏe, công danh, nhiệt tình đều bắt đầu đi xuống. Đầu tiên đó có thể là một cú giáng mạnh đến chúng ta mà người ta hay gọi là khủng hoảng. Nhưng dần dà chúng ta phải chấp nhận. Thực ra anh còn biết ơn về điều đó. Cuộc đời nuôi lớn chúng ta đúng và đủ một cuộc hành trình. Tuổi nhỏ ngày thơ vui chốn thiên đường sân nhà kỷ niệm, con đường đến trường mở rộng thành thang niềm vui bé bỏng, tuổi thiếu niên bắt đầu dết mộng và rung động yêu đương, tuổi thanh niên vào đời tràn đầy nhiệt huyết học hỏi và xây dựng ngày mai, tuổi ra đời hăng hái đóng góp và thay đổi cuộc đời nhiều khi còn muốn thay đổi cả lịch sử nữa. Và khi qua đỉnh cao con dốc, chúng ta được bước xuống từ từ để bắt đầu hiểu rằng không có gì là mãi mãi. Những mất mát trong đời sống riêng tư cũng chạm vào nỗi sợ hư hao. Và rồi chúng ta biết được mình phải sắp xếp, phải chuẩn bị cho chuyến hành trình cô độc trong đêm đen chỉ có một mình với hành trang kỷ ức kỷ niệm. Tuổi già chính là bước đệm cho chúng ta đổi diện bản thân, phần tình, nuôi dưỡng sức mạnh cho đoạn hành trình cuối cùng đó. Văn chương nghệ thuật xoa dịu, an ủi tâm hồn chúng ta để thấy mình cùng chung thân phận con người dù nẻo đời mỗi người là khác biệt, là đơn độc tận cùng. Ta cần dùng nửa tâm sức cho đời hiện tại và nửa phần còn lại chuẩn bị cho chuyến đi mai hậu như một chiến binh. Vũ khí là lòng can đảm, trí tuệ là đuốc soi đường. Những trải nghiệm cuộc đời chính là vốn liếng mang theo một chút tình kỷ niệm. Vài ba tác phẩm để lại thì cũng như hơi



thở phù du, có nhẩn nhở được vài người rồi thì cũng chìm vào quên lãng vài trăm năm sau, may lắm là còn được ngàn năm. Cuối cùng là cát bụi trên hành tinh cũng chẳng thể vĩnh hằng. Dù thế anh vẫn muốn một cuộc hành trình trọn vẹn, vẫn muốn ghi dấu đời mình trên mặt đất hồn mang và trần trong từng giây phút cùng với sự chuẩn bị đỉnh cao để có thể thản nhiên mà chìm vào tịch mịch.

Sài Gòn, ngày 13/2/2024

DU MỤC

Anh cười con ngựa già chậm chạp đi qua thảng ngày hồi hã. Lịch trình anh vạch ra cho mình đủ để thông dong nhưng không xao lãng. Đến điểm dự định, anh dừng ngựa lại, căng một túp lều để nghỉ ngơi. Thường mỗi địa điểm anh dừng chân lại một hai ngày rồi mới lên đường đi tiếp. Anh luôn dành cho mình buổi sáng pha trà ngắm bình minh, buổi trưa chợp một giấc ngắn, buổi tối vài ly rượu ngắm trời sao và suy ngẫm. Thực ra những điểm đến này vô cùng quen thuộc với anh. Đó là những địa điểm của quá khứ ngày nào. Anh trở về để tự nhắc nhở mình, nhớ lại những bài học và trải nghiệm quý giá và dùng kính nghiệm đó để tinh chỉnh hướng đi ngày mai. Từ trong lều nhìn ra, anh có thể thấy rõ mồn một mình của ngày tháng đó. Có khi là một đứa trẻ ngây thơ đang chơi đùa, người đầm đìa mồ hôi với tiếng cười giòn giã, có lúc là chàng thiếu niên thoáng buồn rầu mơ mộng xa xăm, hay có thể chàng sinh viên đang chăm chỉ học hành vương bao mộng đẹp, cậu nhân viên đi làm chảy nước mắt trước nghiệt ngã tình đời, cơn bàng hoàng của niềm đau bội phần, sự tức tưởi của đối trá lọc lừa, niềm tuyệt vọng của tình yêu vụn nát trên tay...Tất cả anh đều ghi nhớ rất rõ. Bài học của ngày xưa vẫn còn nguyên đó, anh cần phải ôn tập lại mỗi ngày. Nhiều địa điểm như thế nối kết với nhau thành một đoạn hành trình đời sống, tạo nên một bản đồ trong tâm thức của riêng anh. Thay vì hối tiếc và day dứt anh luôn cố gắng mỉm cười khi nhớ lại những sai lầm ngớ ngẩn ngày xưa của mình. Chẳng phải những trải nghiệm đó đã giúp anh trở nên khôn ngoan hơn hay sao? Và những nụ cười, sự say mê vui chơi của ngày thơ dại chẳng phải là món quà

quý giá tựa thiên đường mà anh may mắn có được đây chứ. Tất cả đã làm cho cuộc đời anh trọn vẹn hơn anh tưởng tượng. Sau khi mỉm cười cảm tạ, anh dọn dẹp lều trại rồi lại tiếp tục lên đường. Con ngựa già bao năm nay gần như đã thuần thục, hiểu rõ ý anh, bước từng bước thong thả chứ không còn gấp gáp như ngày xưa. Anh xem bản đồ, đánh dấu vào điểm đến tiếp theo. Một mình một ngựa, anh cứ thể bình thản đi qua những tháng ngày còn lại. Tâm trí anh một nửa dành hướng đến tương lai, nửa còn lại là hành trình về quá khứ. Hai việc đó luôn bổ sung cho nhau để anh có thể vừa học được cái mới vừa không lãng quên nguồn gốc của mình. Anh cũng có thể đưa ra quyết định thấu suốt hơn dựa trên giá trị cốt lõi bản thân mà anh tạo dựng được trên cuộc hành trình. Có lẽ vì thế mà anh có thể trung thành với một con đường cô độc nhưng phù hợp nhất với chính bản thân để dừng cảm đi đến tận cùng một chân trời tuyệt đối.

Sài Gòn, ngày 20/2/2024

THỰC TẠI

Anh xây dựng cho mình một ngôi nhà gỗ từ sỏi đá cần khô, từ mảnh đất hoang vu nơi góc rìa thế giới. Đầu tiên anh tưởng tượng về dự định cuộc đời nhiều năm sau nữa rồi lên kế hoạch chi tiết để nỗ lực bắt tay vào thực hiện. Thế giới cung cấp cho anh nguyên vật liệu, đôi khi là một vài công cụ. Còn lại tất cả anh phải tự sáng tạo và tự mình thao tác. Dần dần căn nhà bắt đầu được hình thành với nền móng với cột nhà sau đó là mái che và các căn phòng với cánh cửa. Anh còn làm thêm một khu vườn nhỏ trồng hoa để sáng sớm có thể uống trà, tối có thể ngắm trăng. Tất nhiên anh cần phải có rất nhiều sự tập trung hàng ngày không được chút nào xao lãng cho đến khi quá trình hoàn tất. Công việc có vẻ rất nhàm chán và tẻ nhạt nên kỷ luật là điều cần thiết giúp anh có thể đi đến tận cuối đường. Rất dễ để buông xuôi và đi sang khu phố dưới xa kia xem náo nhiệt, giải trí với nhiều trò vui, có thể kiếm được người trò chuyện nữa. Nhưng đó không phải là điều anh muốn làm, bỏ quên chính mình ngày này qua tháng khác. Thế giới vốn là như vậy, chỉ nằm yên đó và cung cấp các công cụ. Chúng ta phải tự mình tạo ra thực tại của chính mình. Nhiều khi cần phải tạo ra cả nhu cầu để có thể sáng tạo và phát triển nữa. Cứ như thế, thềm lặng ngày này qua tháng khác, chúng ta tìm ra ý nghĩa của số phận mình. Anh đi qua những quãng thời gian lẻ loi dài dằng dặc, chỉ có thể làm bạn với chính mình, chỉ có thể tự khích lệ chính mình. Đôi khi nước mắt lẫn với mồ hôi và máu chảy từ vết thương trong quá trình lao động. Cũng phải vượt qua thôi, từ từ âm thầm và lặng lẽ. Căn nhà cuối cùng cũng được hoàn thành, khu vườn cũng đã được tạo tác như anh tưởng tượng và mong ước. Trong căn nhà hữu thể mà anh dựng xây bằng ngón từ, anh đã sáng tạo và ghi tên mình vào lịch sử. Thế giới lại có thêm một ngôi nhà mới được dựng nên. Và cứ thế thềm lặng, các thế hệ chúng ta tự sáng tạo ra thực tại của mình từ tưởng tượng và niềm mơ ước. Đúng vậy, thực tại không phải là thứ có sẵn. Ta phải tạo nên thực tại của riêng mình bằng tất cả những gì ta có. Ta buông xuôi thì đó là thực tại cuộc đời ta. Ta cố gắng hoàn thành một

điều gì đó cũng là thực tại cuộc đời ta. Tự chính ta chịu hoàn toàn trách nhiệm cho chuyện đó. Anh luôn nhắc nhở mình như thế để không bao giờ để cho một thất bại làm thực tại cuối cùng cho cuộc đời anh. Sự can đảm cố gắng đào luyện chính mình giúp anh kiến tạo và không ngừng mở rộng thực tại. Vì không có biên giới nào cho tưởng tượng và ước mơ. Sáng tạo chấp cánh bay cao từ đó. Anh cắm cúi làm việc trên mặt đất nhưng sáng tạo nâng tâm hồn anh bát ngát đến trời sao. Đó cũng là sự kết hợp hài hòa của cuộc sống, đó cũng là thực tại của trần gian.

Sài Gòn, ngày 29/2/2024



HỘP THƯ

Anh quay về căn nhà cũ, lấy mấy món đồ bỏ quên. Mái ngói xám rêu phong, bộ bàn ghế và chiếc giường cũ kỹ cùng cái giá sách phủ bụi lúc nào cũng gợi cho anh nhiều kỷ niệm. Anh vẫn thường quay về dọn dẹp và trầm tư. Mình già nhanh quá, anh hay nghĩ thầm mỗi khi thấy mình lạc lõng giữa chốn đua chen. Mà có lẽ thế giới này thay đổi quá nhanh đến mức con người ta không thích nghi kịp, gây nhiều đổ vỡ và tàn phá hơn những gì anh có thể hình dung. Những giá trị xưa cũ mà anh trân trọng giờ gần như chẳng có ý nghĩa gì ở thời đại này nữa. Nhưng anh vẫn là chính mình, vẫn chăm chỉ cố gắng tiến lên từng chút mỗi ngày. Tháng hoặc anh quay trở về đây, trầm tư và nghĩ ngợi, tiện thể mang theo một vài vật kỷ niệm theo mình để nhắc nhở ngày xưa. Hôm nay sau khi dọn dẹp nơi hành lang hiên nhà, anh bất chợt nhìn thấy một hộp thư cũ, gắn nơi mé tường nứt nẻ rêu phong. Bụi ngời anh mở ra và sững sờ. Trong hộp thư đã rỉ sét có những lá thư sờn mòn theo tháng năm được gói ghém cẩn thận bằng mấy lớp ni lon kín. Có lẽ vì vậy mà nước không thấm vào, mối mọt không xâm hại được. Anh cẩn thận mang vào trong nhà, ngồi nơi bộ bàn ghế cũ và cẩn thận mở ra. Thì ra đó là những bức thư anh gửi cho chính mình của ngày hôm nay từ khi còn là một cậu bé nhỏ mới đến trường học vỡ lòng. Anh sắp chúng lại theo thứ tự thời gian và bắt đầu đọc thật chậm rãi. Những nét chữ còn thơ ngây mà nắn nót gửi về anh từ một cậu bé thơ ngây nhà nghèo tình lẻ mong ước anh sẽ trở thành nhà văn, viết được những tác phẩm hay cho quê hương mình. Cậu bé mong anh lúc nào cũng

vui, thịnh vượng có dịp thì cùng chơi đá banh hay thả diều với cậu. Sau đó là những bức thư của chàng thiếu niên mới lớn, chàng thanh niên thư sinh mong mỏi anh cố gắng thực hiện ước mơ, chăm chỉ làm việc, sống một cuộc đời ý nghĩa. Rồi đến những bức thư của anh sau này khi đã đi làm, khi đã sang xứ người theo đuổi giấc mơ đều mong muốn anh có thể sống những tháng ngày ung dung tự tại, thành thời sau khi đã hoàn thành mơ ước của chính mình. Tất cả đều mong muốn anh mãi nguyên, hạnh phúc và có thời gian thăm thú lại những nơi chốn ngày xưa, về chơi với mình ngày thơ dại trong tâm tưởng. Anh nhận ra đó chính là cuộc sống của mình bây giờ. Nói cách khác, anh đã hoàn thành tất cả những ước nguyện mà người xưa gửi gắm và giờ đây quay trở về thăm lại nguồn gốc của chính mình. Vậy tại sao anh còn rầu rĩ như thế chứ? Thời thế luôn đổi thay và anh cũng chỉ thuộc về một thời đại đã dần xưa cũ mà những giá trị anh trân trọng dần không còn tương thích với nhịp sống hôm nay. Nhưng anh đã làm hết sức mình có thể, đã thực hiện trọn vẹn giấc mơ thời đại mình và bình yên thanh thản. Tất cả những khoảnh khắc, những nỗi niềm đó của anh ngày xưa anh luôn mang theo bên mình trong cuộc hành trình mỗi ngày tiến về phía trước. Cho đến tận cùng của con đường tương lại, anh sẽ luôn nỗ lực sáng tạo để biến tất cả nỗi niềm ngày xưa trở thành nghệ thuật. Đó cũng là sự đáp đền cho những kỳ vọng và mong chờ của chính bản thân anh trong hành trình tìm kiếm số phận của chính mình.

Sài Gòn, ngày 1/3/2024

TÀI KHOẢN

Sau khi cùng nhau tâm tình về sinh kế khó khăn đến lúc này, người bạn tôi mới nói. "Thực ra thì có một nơi mà tài khoản của chúng ta không bao giờ với cạn mà chỉ có tích lũy thêm từng ngày mà thôi. Xét theo nghĩa đó, chúng ta đều giàu có hết cả". Tôi rất ngạc nhiên và hỏi anh địa chỉ để có thể tìm đến kiểm tra tài khoản của mình. Sáng hôm sau, một mình tôi lặng lẽ đi sâu vào một hẻm núi và thấy trước mặt một tòa nhà cao vợi vọi lẫn trong mây mờ. Tôi chậm rãi bước vào cánh cửa gỗ cao vút, đi vào sâu bên trong, xưng tên tuổi và đưa giấy tờ cần thiết. Rất nhanh, quyển sổ tài khoản của tôi được trích lục in ra, đưa cho tôi kiểm tra. Tài khoản này bắt đầu được lập vào ngày giờ tôi sinh ra, ghi cụ thể chi tiết những vốn liếng, trải nghiệm mà tôi có trong đời cho đến bây giờ. Tôi đọc chăm chú và cố gắng ghi nhớ cẩn thận. Những khoản tích lũy nhiều nhất là niềm vui, kỷ niệm và nụ cười ngày ấu thơ, sau đó là những nỗ lực cố gắng của tháng ngày trẻ tuổi, những cay đắng và mãi nguyện của tuổi trung niên. Đúng là tài khoản của mình đây rồi. Tôi ngẫm nghĩ để xem mình có thể làm sao gia tăng vốn liếng trải nghiệm trong đoạn đường còn lại. Cần phải thêm vào nhiều nụ cười và hành động có ý nghĩa. Trong sổ còn ghi lại cụ thể những vụ giao dịch. Thì ra chúng ta đều có những giao dịch trong đời, từng ngày qua việc tiếp xúc, chào hỏi, vui chơi hay buồn rầu vì bội phần. Đôi khi có những giao dịch lâu dài để tích lũy niềm vui nụ cười, đôi khi có những giao dịch chóng vánh vì hạn ngạch niềm tin đã hết, không còn có thể tiếp tục mối quan hệ. Khoản đầu tư lớn nhất có lẽ là vào chính mình sau

đó là vào bạn đời, con cái, gia đình của chúng ta. Cả sự nghiệp, giấc mơ mà chúng ta theo đuổi nữa. Tất cả đều là một quá trình lâu dài, tích lũy qua tháng năm, trải nhiều thăng trầm mới có kết quả tốt đẹp. Những điều tử tế sinh lãi hàng ngày trong tài khoản cuộc đời chúng ta, mang đến cho chúng ta niềm vui và hạnh phúc. Những ghen ghét và đố kỵ cũng vậy khiến cho tài khoản chúng ta đầy những khoản nợ xấu khó trả. Anh biết để được tự do tài chính, mình cần phải trả hết những món nợ xấu đầu tiên sau đó dành phần lớn thu nhập để đầu tư và phát triển. Vì thế anh cố gắng tập trung sống trọn vẹn mỗi ngày, cố gắng không so sánh ganh đua với người khác, chỉ nỗ lực làm cho mình tốt hơn ngày hôm qua. Như vậy là anh không phải vay nợ xấu đố kỵ. Tiếp đó anh cố gắng đọc sách, mỉm cười và biết ơn đời nhiều hơn để niềm vui sinh sôi nở trong tài khoản cuộc đời. Đó là một công cuộc đầu tư lâu dài và anh cố gắng chuyên tâm tận tụy. Có lẽ đến một ngày anh sẽ là triệu phú hạnh phúc với tài khoản chất đầy những niềm vui kia.

Sài Gòn, ngày 8/3/2024

NHIỆT ĐỘ

Dù đi đến bất cứ đâu, con người hẳn lúc nào cũng toát ra một vẻ lạnh lùng bằng giá. Đó là tín hiệu gửi đến kẻ khác và cũng là chiêu thức phòng thủ hữu hiệu. Đã từ lâu rồi, hẳn biết trong làn không khí ẩm áp và thân tình bao giờ cũng ẩn chứa nhiều vũ khí nguy hiểm, có tính sát thương cao. Nhiều khi xuyên qua hơi khói nghi ngút của thuốc lá, hơi nóng của men rượu là một lưỡi dao trủy thủ âm thầm găm phập vào tim gan. Lúc đó thường ít ai có thể đề phòng. Sau vài lần, hẳn đã dần lưu tâm hơn. Nhưng đúng là thật khó để lạnh lùng quan sát tất cả mối nguy cơ trong không khí náo nhiệt, đầy vẻ thân tình. Hẳn thấy mình không hợp với kiểu này. Cái kiểu nhiệt độ đó hoàn toàn không phù hợp với bản tính cá nhân. Tại sao cứ phải khổ sở tỏa nhiệt hòa đồng như thể lấy lòng kẻ khác rồi lại cất công để phòng mưu đồ hiểm ác? Điều đó có ích gì đâu vì tất cả đều bỏ đi khi ta lâm vào hiểm cảnh. Vậy tại sao không sống theo kiểu riêng mình, một mình một cõi cũng có sao đâu? Cũng giống như khi đi tắm, có người thích nước nóng, có kẻ thích nước ấm, có kẻ thích nước nóng già vậy. Hẳn chỉ thích nước lạnh mà thôi. Hơn thế, hẳn cũng khám phá ra rằng nếu duy trì được một làn khí lạnh buốt quanh mình thì nó có thể làm đông băng tất cả những ám khí lao đến sát thương. Thật là tuyệt diệu. Như vậy hẳn vừa có thể ung dung sống kiểu riêng mình lại không cần phải lưu tâm đề phòng gì hết cả. Tháng đôi khi điều này cũng gây bất lợi khi làn khí băng giá này làm đông cứng luôn cả những thiện chí và chút ấm áp hơi người. Nhưng điều này vô cùng ít ỏi trọng khi mưu đồ ám sát hãm hại luôn thường trực mỗi ngày, đôi khi đến từ những kẻ gần gũi thân cận nhất. Hẳn lại càng ngày càng già nua mỏi mệt. Vì thế hẳn quyết định bao bọc mình trong làn khí băng lãnh kia, cự tuyệt hoàn toàn với tha nhân và thế giới. Như thế hẳn có thể dùng chút năng lượng đang dần cạn của mình để sống những tháng ngày vui vẻ riêng mình còn lại, trong thế giới của tâm tưởng riêng mang.

Sài Gòn, ngày 11/3/2024

ĐẠO - ĐỜI QUA NGÒI BÚT CỦA TIỂU LỤC THẦN PHONG

(Tập truyện *CHUYỆN CŨ PHÙ DUNG TRẦN*, tác giả Tiểu Lục Thần Phong, Tủ sách T. Văn & Bạn Hữu xuất bản, tháng 7/2024)

Chính Vũ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tập truyện ngắn "Chuyện cũ phù dung trần" (CCPDT), là tác phẩm thứ 16 của Tiểu Lục Thần Phong (TLTP). Sách dày 362 trang, gồm 36 truyện ngắn, với những suy tư trần trụi về cuộc sống nơi quê nhà và cả nơi xứ xa, mà tác giả hiện đang sinh sống. Thấm đẫm những hiện thực của cuộc sống và gắn kết cả chuyện đời, chuyện đạo, gây ấn tượng và những suy ngẫm cho bạn đọc...

TLTP là cây bút quen thuộc của các tạp chí, báo và trang Web như Chánh Pháp, Việt Báo, Trẻ, Hoa Sen, T-Vấn, Thư viện Phật Việt, Quảng Đức, Hoa Vô Ưu v.v... Tác giả tên thật là Nguyễn Thanh Hiền, sinh năm 1971, nguyên quán Diêu Trì, Bình Định. Hiện sinh sống và làm việc tại Georgia, Hoa Kỳ.

Mở đầu tập truyện, với lời đề tựa chân thật, mộc mạc như thay lời tâm sự của tác giả, đã nghe đâu đó như một "triết lý" của cuộc sống: "...Đời thăng- trầm như con nước xuống lên, người vẫn thịnh-suy chẳng như ý bao giờ. Sự thay đổi, biến hoại diễn ra trong từng phút giây ấy là đặc tính tự nhiên của thế giới này..."

Chuyện cũ Phù Dung trần này chẳng có chi để gọi là văn chương, chỉ là mớ chữ quê mùa, bình dân, giản dị. Nó chỉ là những câu chuyện đời thường được kể lại với một giọng thật thà, thiếu trau chuốt, không bóng bẩy và dĩ nhiên chẳng có bút pháp chi... Xứ sở thế nào thì con người thế ấy: Chuyện tình, chuyện đời, chuyện đạo, chuyện thể thái nhân tình, chuyện quốc gia thế sự... Người kể chuyện cứ thật thà kể mà chẳng chút làm màu, đôi khi nó đơn điệu và trần trụi như nó vốn thế!" (Trang 1, 2, 3)

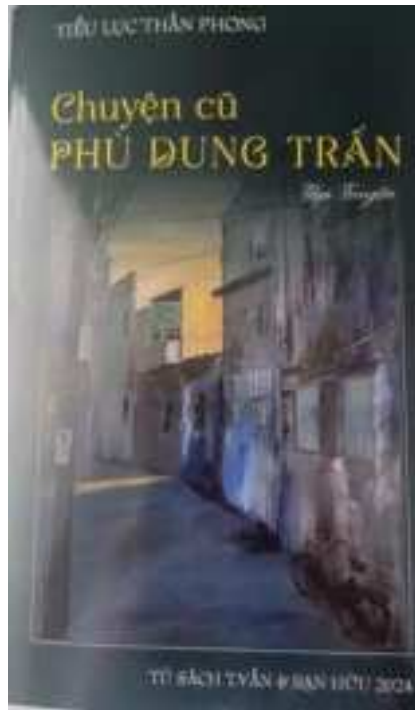
36 câu chuyện, có những câu chuyện kể không có nhân vật, tác giả như người chứng kiến kể lại, tùy thuộc vào cảm xúc và tâm trạng của tác giả như "Chuyện đời chuyện đạo, Đêm nằm nghe đò rưng...", có những chuyện có kết cấu và nhân vật, tác giả cũng khéo léo lồng vào những cảm xúc của mình, tạo nên ấn tượng và suy ngẫm cho người đọc

như "Bá hộ làng Cảnh Dương, Đình ông Đò, Đồng hương, Đồng nữ, v.v...". Tuy nhiên xuyên suốt trong từng câu chuyện vẫn là "cái đạo ở đời, cái đạo làm người" như một sự chuyển hóa, luân hồi của nhân quả trong giáo lý của nhà Phật, góp phần bồi đắp cái tâm của người đọc, giúp người đọc "ngộ" ra nhiều điều dù chưa thật sự là "chân lý" cũng là điều khá thú vị trong cuộc sống.

Với mô tip quen thuộc là "gieo gió gặt bão", "gieo nhân nào, gặt quả đó", TLTP đã đưa ra những nhân vật, sự kiện để "chứng minh" bằng chính cuộc sống của xã hội dù xưa hay nay. Ông Bá hộ làng Cảnh Dương, một người ăn ở nhân đức, biết yêu thương người, dù họ thân phận tôi tớ, nên được mọi người yêu mến, hay chuyện "Tình", "Thằng Q", đã khiến mọi người phải băn khoăn suy nghĩ vì lối sống. Điều quan trọng là trong từng câu chuyện của TLTP, dù là chuyện xưa, hay nay thì triết lý nhà Phật vẫn luôn được tác giả khéo léo đưa vào như một lời khuyên hữu ích.

Trọng tâm và cũng là câu chuyện cuối của tập truyện là truyện vừa "Chuyện cũ Phù Dung trần", kéo dài từ trang 223 cho đến trang 361, vừa có thể coi như một tự truyện về quãng đời niên thiếu của tác giả, và cũng là một kỷ niệm khó phai mờ trong ký ức về

một "cố quận" (chữ của tác giả) từ quê nhà, một trấn nhỏ của tỉnh Bình Định, theo "phận nước nổi trôi", kéo đến Sài Gòn, thành phố hoa lệ của miền Nam Việt Nam trước 1975 và ra cả phương ngoại "Át lã thành", nơi TLTP hiện đang sinh sống và làm việc. Mở đầu câu chuyện, là những kỷ niệm hồn nhiên, ngây thơ của "lứa tuổi học trò", khi còn học ở ngôi trường "Bồ Đề" (Tên gọi của hầu hết các trường do Phật giáo lập ra ở miền Nam thời bấy giờ) cùng những giải thích tinh tế của tác giả về căn nguyên của đạo Phật, giải thích cận kề về "Nam tông, Bắc tông", sự khác biệt về chùa với tịnh xá... qua những "thắc mắc" của người con trai, và lời giải thích tỉ mỉ của người cha là một Phật tử thuần



thành, ngoan đạo... Người đọc còn bắt gặp ở đây những hồi tưởng về những hình ảnh một thời thơ ấu của hầu hết người miền Trung lúc bấy giờ ở quê nhà như "mùa nước lũ, vớt củi trôi trên sông", rồi "ma da, ma Hời, xe thô mộc, mái võ Sơn Đông, thuốc cao đơn hoàn tán, người Hoa, các tiệm thuốc Bắc của người tàu v.v..." cùng những kỷ niệm khó quên, của một trấn nhỏ, với người dân lam lũ, cần cù làm ăn và mua bán. Mà gia đình tác giả lại là hình ảnh tiêu biểu của một thiểu số người khá giả, chung sống với người nghèo buôn gánh bán bưng trong không khí vừa hòa bình, êm đềm, song cũng chứng kiến hàng ngày những cảnh loạn lạc bởi các sắc quân phục Mỹ, Đại Hàn, Phi Luật Tân... thỉnh thoảng ngang qua trấn. Và cũng thông qua truyện, vẫn gợi nhớ những món ăn ngon của khu Chợ Lớn, Sài Gòn, công sức của những người dân Hoa kiều đến Việt Nam lập nghiệp, song không quên những bài học lịch sử chống giặc ngoại xâm phương Bắc của cha ông! Và tấm lòng nhân nghĩa, luôn hướng thiện, từ bi của những Phật tử người Việt, với đạo lý làm người luôn hướng đến những điều chân, thiện, mỹ...

TLTP là một cây viết, nhiều năng lực, vốn kiến thức về các điển tịch, các từ ngữ Hán, Việt, được tác giả dẫn giải chuẩn xác, thuyết phục, đặc biệt là những trích dẫn về giáo lý và kinh Phật. Văn như tác giả tự nhận là "không văn chương, trau chuốt", bình dị, dễ hiểu. Những hình ảnh, chi tiết truyện đưa ra, gần gũi với đời thường và đạo lý của con người, song do những câu chuyện ngắn ở đầu tác phẩm, gần như được "cắt" và "trích" ra từ truyện vừa CCPDT, nên người đọc ít... bất ngờ, và cảm thấy như lặp lại. Phải chăng đó cũng là điều cần nên tránh, để tác phẩm luôn mới lạ và hấp dẫn từ trang đầu đến trang cuối?...

TX, July, 27/ 2024
CHÍNH VU



Đọc và cổ động ủng hộ
Nguyệt san CHÁNH PHÁP
là góp phần
hoàng dương Phật Pháp,
bảo tồn văn hóa Dân Tộc



Phụng Đạo độ Đời

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sống ở đời, mọi người chúng ta ai ai cũng đã từng ít nhất một lần buộc miệng than: "Sao khổ vậy trời? Sao khổ thế này!"

Khổ là bản chất của đời sống hiện hữu. khổ là tất yếu vì sự thay đổi của vô thường. Đã sanh làm người, đã sống trong đời thì không thể tránh khỏi khổ, cho dù đó là tỷ phú cực giàu, tổng thống cực quyền hay là kẻ ăn mày khổ rách áo ôm. Khổ có vô vàn nhưng chung quy lại không ngoài: Sanh, già, bệnh, chết, muốn mà không được, thương phải chia lìa, ghét phải chung đụng, thân và tâm đầy phiền não như lửa cháy.

Khổ vì sanh-tử là điều bất khả kháng, khổ vì những ác nghiệp đã chín muồi thì cũng không thể tránh được, duy cái khổ của sự mong cầu, ham muốn, thèm khát là điều mà chúng ta có thể làm giảm thiểu hoặc tránh được.

Thế giới này vô cùng mong manh, thay đổi và biến dịch trong từng phút giây. Thế giới này là một sự kết hợp của nhiều yếu tố, là sự hình thành bởi những điều kiện cần và đủ. Nhà Phật gọi là duyên hợp, hễ cái gì có hình tướng từ duyên hợp thì cũng sẽ vì duyên mà tan. Thế giới này vô thường, chẳng có chi tồn tại vĩnh viễn, chẳng có gì mà không có biến đổi.

Khổ nỗi con người lại muốn nó không biến đổi, muốn nó trường tồn. Điều này có thể dễ dàng thấy ở mấy ông vua, mấy tay độc tài toàn trị, mấy ông trùm hắc ám... lúc nào cũng buộc người ta phải: "vạn tuế", "vạn niên", "muôn năm", "sự nghiệp sống mãi..." Tham và ngu muội đến thế là cùng! Cứ kêu gào cho cố, cố duy trì quyền lực bằng mọi giá nhưng tiếc thay vô thường chẳng nề nang gì, khâu hiệu gào chưa dứt thì đã đi rồi. Nhưng khổ thay những kẻ kể tục lại tiếp tục gào như thế, gào một cách khổ sở, cả kẻ gào lẫn người bị nghe đều khổ làm sao.

Thế gian này, cuộc đời này nó kỳ cục lắm! Cái mình muốn thì không được, cái mình không muốn lại được. Hầu hết mọi người ở đời từ kiếp nào đến giờ, từ đông sang tây ai ai cũng muốn tiền bạc, của cải, giàu sang, sức khỏe, sắc đẹp, đục lác... nhưng mấy ai có được! Một số ít có nhưng vẫn khổ, thậm chí còn khổ hơn vì phải cố giữ nó, ngày đêm thân tâm lo lắng, tìm mưu kế để tranh đoạt và phòng thủ

vì sợ mất. Người không có khổ đã đành, người có cũng khổ nhưng đôi khi không thấy đó là khổ, đây cũng chính là nỗi khổ vậy!

Cuộc đời này nó kỳ khôi lắm, nó như một vở bi hài kịch. Cái mình muốn thì không có, cái mình không muốn thì lại có quá nhiều. Mình muốn khỏe mạnh ấy vậy mà bao nhiêu thứ bệnh rập rình chờ

bộc phát, nhẹ thì đau bụng nhức đầu, nặng thì tim gan nhiễm mỡ, suy thận, cao máu, đột quy, ung thư... Mình muốn có tiền nhưng trần thân lao nhọc mà chẳng có được bao nhiêu, trong khi ấy thì lại có bao nhiêu thứ bệnh tật cần chữa trị, nhà cửa cần trả nợ, con cái cần ăn học... Có vô vàn những cái muốn có mà không có và có vô số những cái muốn có thì không có. Những cái không muốn, những cái không thích thì cứ hiện hữu bên mình trong từng phút giây. Cũng vì quá nhiều thứ khổ nên kinh sách nhà Phật gọi thế giới này là thế giới Sa Bà nghĩa là kham nhẫn, chịu đựng. Chữ Sa Bà còn nhiều nghĩa khác nữa nhưng đây là nghĩa thông dụng nhất.

Còn người khổ vì môi trường bên ngoài: quá nóng, quá lạnh, quá khô, quá ngập... Khổ vì chế độ độc tài tàn bạo, độc ác, phi nhân tính. Khổ vì những mối ân oán đáo đầu,

nhân duyên ràng buộc tự mình làm khổ mình và làm khổ lẫn nhau. Khổ vì chính nội tâm của mình.

Còn người khổ vì cái thân vật chất này, ngày ngày từng phút giây bao nhiêu tế bào sanh - diệt liên li, tụ tán vô kỳ nên sanh - già - bệnh - chết. Khổ vì tâm có bao nhiêu mong muốn thèm khát nung nấu. Khổ vì bao nhiêu ý niệm sanh - diệt liên miên trong tâm tưởng. Cũng vì cái khổ thân và tâm như vậy nên đức Phật mới nói đây là cái khổ ngũ ấm xí thạnh, nghĩa là cả thân và tâm đầy những phiền não như lửa cháy. Cũng vì cái khổ của thân và tâm như lửa cháy nên chứng đắc niết bàn mới có nghĩa là lửa đã tắt, củi đã hết, tất cả tham, sân, si vắng bật, tịch diệt.

Phật và kinh sách nói đời khổ như thế là nói thật, trình bày sự thật, vì sự thật thường khó nghe và khó chấp nhận nên con người cho là đạo Phật bi quan, yếm thế. Cho dù chúng ta phủ nhận, không chấp nhận nhưng khổ nó vẫn là khổ, khổ như thế nào thì vẫn phải khổ như thế ấy, không thể nào



khác được. Cho dù có dùng ngoa ngôn nguy ngữ để tô lộng chuốc hồng vẫn không sao làm cho cái khổ hết được. Phật và pháp Phật chỉ dạy nhiều phương cách giảm khổ, thoát khổ nhưng chung quy vẫn không ngoài con đường trung đạo, cứ thực hành trung đạo thì ắt hết khổ, không phải tương lai mà ngay bây giờ và ở đây!

Trung đạo chính là bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Không cứ là xuất gia hay tại gia, ai y giáo phụng hành, thực hành đúng trung đạo thì đi đến hết khổ, giải thoát. Dĩ nhiên là người xuất gia để thực hiện hơn, tinh tấn hơn, tâm nguyện khẳng quyết hơn, điều kiện và môi trường thuận lợi hơn. Chữ xuất gia tưởng đơn giản vậy nhưng thật ra nghĩa cũng sâu và rộng lắm. Gia ở đây có ba nghĩa: gia là nhà cửa, điền trang, gia thất ngoài ra còn có nghĩa khác nữa là phiền não gia và tam giới gia. Nếu xuất gia mà chỉ mới ra khỏi gia trạch thì khổ vẫn còn đó, tuy nhiên tùy mức độ công phu mà khổ có nặng nhẹ khác nhau. Xuất gia mà ra khỏi phiền não gia thì kể như đã thoát khổ dù thân vẫn còn trong đời khổ trước. Xuất gia mà ra khỏi tam giới gia thì đã đắc vô sanh - diệt, đã chứng đắc niết bàn thì cũi lửa đều tắt.

Xuất cũng có bốn mức độ khác nhau:

Thân xuất tâm không xuất, hạng này thì khổ chẳng thể dứt được.

Tâm xuất thân không xuất, hạng này thì đã buông bớt, đã giảm thiểu khổ.

Thân và tâm đều không xuất, hạng này khổ triển miên, khổ chồng khổ, không biết bao giờ mới có thể giảm bớt khổ hay thoát khổ.

Thân và tâm đều xuất, hạng này dù sống ở giữa đời khổ trước ác thế nhưng coi cái khổ như mộng huyễn bào ảnh.

Sống ở đời thì phải chịu khổ, vì khổ mới là đời. Đời khổ nên mới có đạo, đạo từ đời mà ra, đời nhờ đạo thăng hoa. Không đời thì cũng không có đạo, không đạo thì đời khổ biết dường nào.

Đời khổ vậy nhưng cũng đầy đam mê, vì đam mê mà đời khổ.

Đạo đây vì điều giải thoát, giải thoát vì điều chính là con đường trung đạo.

Đời khổ vậy nhưng không phải không có những phút giây an lạc hiện tiền, ấy chính là hiện pháp lạc trú mà đạo dạy cho đời. Đạo dạy "buông", "tri túc" nhờ vậy mà đời bớt khổ. Đạo và đời không thể tách rời nhau. Đạo và đời đã song hành, đang song hành và sẽ còn mãi song hành khi mà duyên hợp hãy còn, duyên tan chưa đủ.

Khổ vẫn hiện hữu thường trực ở đời, khổ vẫn vây quanh ngoài thân quần quýt trong tâm nhưng nhờ đạo mà phút giây lạc trú hiện tiền khởi dụng. Nhờ cái phút giây an lạc hiện tiền, bây giờ và ở đây mà đời phụng đạo, đạo độ đời.

Tiểu Lục Thần Phong
Ất Lăng thành, 0624

TRÒ CHƠI CON TRẺ

1.

*Một chút thôi, cho hen thề
Không ghim đầu, giữa bốn bề gió bay
Chóp mi thôi, một cầm tay
Ngân ngơ nắm lại cái đày như không
Trời buồn con sáo sang sông...*

*Gió buồn lay ngọn tâm vông
Mơ rằng có, thực rằng không. Rằng bù
Trò chơi con trẻ thực hư
Loay hoay con rối cộng trừ nhân sinh
Ơ kìa trời đất bập bênh...*

*Vỗ tay tàn cuộc mộng mênh
Nghe dâu xanh thổi nổi nênh phận người
Sinh khóc tử khóc như cười
Vút cao trái bóng, cỡi đời mây bay
Thưa người, ngọn gió ngất ngây...*

2.

*Thưa rằng ngọn gió trót vay
Thì xin trả sợi tóc này về theo
Mưa đi nguồn đó chắt chiu
Biển xa hạt muối cũng liều. Giác mơ
Trái tim từ bấy đến giờ...*

*Thực hư cút bắt tóc tơ
Trò chơi con trẻ đầu ngơ. Xưa sau
Sông trôi nước chảy qua cầu
Bao nhiêu sương khói. Để màu trời xanh?
Trời xanh đất cũng thiên thanh...*

*Giật mình đêm trôi quá nhanh
Tình cơn mộng đã ngọn ngành tai nghe
Thơm mùi cỏ tích cháo kê
Ô, trần gian.
Một hen thề chưa xong
Gió ơi, lay ngọn tâm vông...*



NGUYỄN
THỊ
KHÁNH
MINH



Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

(tiếp theo)

Ông già ngồi trước mặt tôi thì không có những hành động cử chỉ khác thường như thi sĩ Bùi Giáng, chỉ có ngôn ngữ của ông nghe qua như nói khơi khơi mà kỳ thực thì có vẻ muốn nhắn gửi điều gì với tôi vậy. Nhìn ông một lúc, tôi hỏi:

“Sao bác bị bắt vào đây vậy?”

“Có gì đâu, tao không thích thì tao chửi, ừ, chửi cán bộ nhà nước. Thế còn chú mày? A, chắc là chửi chế độ.”

“Không phải là chửi...”

“Hãy, chống hay cự, bất mãn hay bất bình, viết hay nói, suy nghĩ hay hành động, cũng đều là một hình thức chửi cả, chú mày à. Chửi cái gì thôi nát, tào lao. Đại khái là như vậy, phải không nà?”

“Cho là vậy đi,” tôi cười đáp, rồi hỏi tiếp. “Gia đình bác ở đâu?”

“Gia đình à?” ông vùng dậy, bước xuống giường, vào góc nhà xí, khạc nhổ, tiểu tiện. “Chú mày

có gia đình sao?”

“Ờ... xuất gia rồi thì chẳng có gia đình, chỉ có chùa thôi. Dù sao, gia đình thế tục hãy còn chứ có mất đi đâu.”

“Có nghĩa là chưa hề cắt đứt?” ông từ nhà xí bước ra, vừa hỏi vừa đi nhanh đến cửa sắt. “Con nhỏ đi mua thuốc gì mà lâu vậy? Hờ, tao nghe nói xuất gia là cắt đứt liên hệ gia đình rồi mà.”

“Thì cắt đứt chứ...”

Tôi nói đến đây thì tự xấu hổ trong lòng. Hình như chò đến lúc này, khi mở miệng ra để nói với ông già khó tính này, tôi mới thấy rằng tôi chưa thực sự cắt đứt liên hệ gia đình, nhất là trong khoảng thời gian bị bắt vào tù. Khi được cán bộ cho gửi thư ra ngoài, tôi đã gửi thư cho gia đình thay vì gửi cho chùa. Tôi có lý do để trả lời rằng lúc ấy chùa tôi không còn ai và nếu còn, cũng không chắc là những người ở ngôi chùa kinh tế mới xa xôi ấy có thể làm đơn xin thăm nuôi tôi được. (Thủ tục thăm nuôi hình như không cho phép

người đứng nước lã đứng đơn thăm, chỉ cho phép gia đình ruột thịt thôi. Những người cùng ở một chùa, trong con mắt của cán bộ nhà nước, chỉ là những người đứng với nhau. Và lại, với tôi trạng là “âm mưu lật đổ chính quyền,” tôi không muốn gửi thư cho bất cứ ai không phải là ruột thịt của mình, vì làm như vậy chỉ là hại người đó mà thôi-sự đa nghi truyền thống của công an nhà nước khiến tôi phải dè dặt không dám phiền đến kẻ khác). Nhưng cái lý do nêu trên, xét cho cùng, cũng không thích đáng đối với những người xuất gia quyết chí thoát ly gia đình. Cho nên, đáng ra khi vào tù, tôi không nên liên lạc với gia đình mới phải. Liên lạc để làm gì? Theo ông Trọng-người bạn tù già ở trại giam Phan Đăng Lưu trước đây-, liên lạc để gia đình biết chắc mình đang ở đâu mà yên tâm. Nhưng ngoài mục đích tinh thần đó, còn có một mục đích thực tế nữa là muốn gia đình thăm nuôi để ổn định vấn đề thực phẩm hàng tháng. Gia đình ruột thịt, cuối

cùng vẫn là chỗ dựa gần gũi, dễ dàng cho một kẻ xuất gia khi lâm nạn. Thật là oái oăm, buồn thảm thay! Cái bề sâu tâm lý của tôi, dù cố khóa lấp bằng bao nhiêu lý do, vẫn cứ ảnh hiện sự thực tầm thường đó: sau mười lăm năm bỏ nhà đi tu, đời tôi hãy còn nối kết với gia đình ruột thịt bằng một sợi dây tình cảm vô hình mà đến những lúc hoạn nạn, hay những lúc buồn tủi nhất mới thấy được sự tồn tại bền bỉ keo sơn với nó. Như thế, nói theo chân nghĩa của sự xuất gia, tôi vẫn chưa phải là kẻ đã thực hiện được một cách nghiêm chỉnh. Đó là chỉ mới nói xuất gia theo nghĩa hạn hẹp nhất-tức là từ bỏ gia đình thế tục-chứ chưa nói đến ý nghĩa từ bỏ gia đình phiền não, gia đình tam giới... Tuy nhiên, tôi vẫn có thể tự bào chữa cho tôi được vì tôi biết rằng tôi đã xả giới hoàn tục, không còn là người xuất gia nữa. Nhưng đâu cần thiết phải phân bua với ai chuyện đó. Dù thế nào thì người ta vẫn định ninh tôi là người xuất gia mà.

"Cắt đứt? Chú mày nói đã cắt đứt liên hệ với gia đình, phải vậy không?" ông già mĩa mai hỏi lại tôi.

Tôi ăp úng nói:

"Trên hình thức là vậy."

Ông già bật cười:

"Chỉ trên hình thức thôi? Vậy cái tâm chú mày vẫn còn để ở gia đình à?"

"Đôi khi không thể đánh giá được cái tâm bằng cái hình thức bề ngoài."

"Cha, khả lắm, chú mày nhớ câu nói đó nghe. Tất cả đều do tâm tạo, ý chú mày nói vậy; ba cái hình thức lẻ tẻ thì ăn thua gì, phải không? Nhớ nhé!"

Ông càng nói tôi càng thấy lúng túng. Ngôn ngữ của ông già này thật lợi hại, chúng vây tôi, rồi dồn tôi vào ngõ bí, rồi lại khiêu khích, thách thức. Tôi thấy mệt, không muốn nói chuyện nữa, nằm dài xuống giường. Vừa lúc ấy, Phương bước vào:

"Anh Khang, quà cho anh nè."

Tôi vừa ngồi dậy, chưa kịp nói gì, đã thấy ông già sẵn đứng nơi cửa sắt, mở lời ngay:

"Được rồi, cảm ơn, để tôi nhận giùm nó, nó ngủ rồi."

"Xì, bố già đừng có ham, cái này của anh Khang gửi mua. Kia, anh ngồi dậy chứ có ngủ đâu."

"Thì đưa đây, tôi đem vô cho nó, cần gì phải đưa tận tay chứ. Và lại nó với bố già này coi như một nhà thôi, cô em không biết vậy à?"

Phương nhất định không đưa thuốc cho ông già, chờ tôi bước đến. Ông già đưa hai tay lên trời, vừa quay vào vừa nói:

"Hớ, đúng là... oan gia, đúng là oan gia!"

Tôi đưa tiền ra cho Phương, nói:

"Cảm ơn cô, tiền thuốc đây, cô không nhận thì tôi không lấy thuốc mà từ nay tôi cũng không dám nhờ vả cô điều gì nữa đâu."

Phương ngẫm nghĩ một lúc ngắn, rồi đón lấy mấy tờ bạc trên tay tôi, nói:

"Thôi được, em lấy, nhưng không nhiều như vậy đâu. Nè, anh cắt bớt số này. Bây giờ em phải ra trực ngoài văn phòng. Chiều tối gặp lại anh nha, sẽ khám bệnh anh đó. Coi anh bệnh nặng cỡ nào."

Phương cười duyên rồi quay đi. Ông già trở tới ngay:

"Tốt, tốt, đi cho khuất mắt để chư thiên còn hưởng nhàn nữa chứ! Coi nào, thuốc gì đây, Hoa Mai, Đà Lạt, tốt, tốt lắm. Khai ra làm liền đi chú mày!"

Ông bóc cây thuốc Đà Lạt, lấy ra một gói, rút một điều ngậm lên môi. Tôi giật mình nói:

"Ấy chết, cháu không có hộp quẹt! Quên dặn cô ấy mua luôn hộp quẹt điem."

Ông già cười, xoa tay nói:

"Khôi lo, tao thiếu thuốc hút chứ đâu có thiếu lửa. Tụi cán bộ không bao giờ đưa diêm quẹt hay quẹt lửa vào cho tù nhân đâu! Chú mày không nhớ à? Cho nên, mình không có khả năng mua thuốc thì phải biết giữ gìn lửa mỗi chứ. Tao có bốn, năm cái hộp quẹt để dành trong giỏ. Cứ mỗi thẳng bạn tù được trả tự do, tao chỉ xin cái quẹt lửa... Có lúc bạn tù thiếu lửa, tao bắt mỗi thẳng phải cho một điều thuốc thì tao mới cho mỗi lửa. Mục đó tạm gọi là có lửa thì mới có khói. Khả khả, những lúc như vậy mới thấy cái hữu dụng của hộp quẹt, phải không? Nè, chú mày cũng làm một điều đi, gọi là chào nhau giây phút tao phùng, mù mịt khói tỏa, mê cung lịm vào... Ha ha! Chờ một chút, tao lấy hộp quẹt."

Ông già quay vào trong, lôi một cái hộp quẹt ga từ trong giỏ xách của ông, bật lửa mỗi thuốc, rồi ngoắc tôi lại, đưa hộp quẹt cho tôi. Xong, ông leo lên giường, ngồi



tựa lưng vào vách, hai chân duỗi ra phía trước, kéo sâu liên tục những hơi thuốc. Lim dim đôi mắt để tận hưởng điều thuốc đầu, hình như ông không còn thấy biết gì về sự hiện hữu của tôi nữa. Tôi lặng lẽ đặt hai cây thuốc trên đầu nằm của ông rồi trở về chỗ giường nằm của mình. Ngồi im, thích thú quan sát ông một lúc, tôi đưa bật lửa lên, quẹt.

Gần tàn điều thuốc, ông già mở mắt ra, thấy hai cây thuốc để gần, ông đưa tay rút một điều khác đặt lên môi, lấy điều trước mỗi cho điều sau. Lại tiếp tục lim dim đắm mình trong làn khói hư ảo. Trông ông lúc ấy vừa có cái vẻ đam mê của một nghệ sĩ trong phút xuất thần, vừa có cái vẻ thoát tục của một hành giả đang vào thiền định. Tôi có cảm tưởng hình như ở trạng thái này, ông mới thực sự là ông, còn suốt từ sáng đến giờ, ông lặng xằng ngổ ngáo chỉ là đóng kịch mà thôi.

Ông lại mời đến điều thuốc thứ ba. Im lặng hút, không nói một lời. Cũng không hé mắt ra nhìn tôi một thoáng nào. Sau hơn một giờ chộn rộn tiếp chuyện, nghe chuyện, bây giờ tự đứng đang thức mà lại im bật ngang xương, không lời báo trước hay chào biệt, tự dưng tôi thấy như mình bị bỏ lại nơi phòng giam này một mình. Trơ trọi lẻ loi hết sức. Ông già giống như làn khói mỏng, tan đi, biến đi theo khói thuốc; còn tôi, tên thầy chùa nhà quê nặng nề này, cứ ngồi đây, tầm thường quá đời! Và bỗng dưng, trong vài hơi thuốc cuối cùng của ông nơi điều thứ ba, tôi có linh cảm rằng ông sắp sửa nói với tôi điều gì quan trọng. Mắt ông đã hé mở và ông đang bập thuốc liên tục. Khi đốm lửa trên điều thuốc cháy gần sát đến hai đầu ngón tay, ông mới vút xuống đất ở gần đó, ngồi im, ngó ra phía song cửa sắt. Đôi mắt lặng sâu vào một nỗi ưu tư khó hiểu nào đó.

Ngoài sân ngập nắng. Hàng giậu ngoài kia, với những cành lá xác xơ, như gắng sức vươn thẳng lên để chịu cơn thử thách thiêu đốt của mặt trời đứng bóng. Hình như không có con chim nào lang thang đậu xuống khu vực trại giam này. Xa xa, trên đầu tháp canh là những phiến mây trắng mỏng kéo ngang trên nền trời xanh lơ dịu mắt.

"Có một điều mà hình như chú mày không chịu để ý," ông đột ngột nói câu ấy như là đang tiếp tục một cuộc đối thoại chưa hề

gián đoạn. "Rằng một khi ái dục chưa dẹp được hết thì tất cả ngôn ngữ, cử chỉ, hành động và nhất là cái dạng tướng bề ngoài, đều phơi bày, một cách kín đáo hay lộ liễu, cái vẻ lôi cuốn dụ hoặc của dục tình. Dục lại chiếu cảm cái dục, giống như nhụy hoa và bông phấn, như nam châm và sắt. Thời



nam châm đâu cần phát tiết hay mời gọi sắt mà sắt cũng tự đâm đầu vào. Nếu nam châm không có sức hút của nó, thì làm gì sắt bị kéo lôi. Hề dục vọng của chú mày còn y nguyên đằng sau cái vẻ hiền hòa nghiêm trang kia thì nó, con ma dục vọng, vẫn còn lợi dụng được chú mày như thường. Nó luôn luôn mời gọi, quyến rũ những đối tượng đồng tình, đồng cảnh. Đứa nào dục vọng càng mạnh, càng bị chú mày hút mau, hút nhanh. Hầy, ôm cái thói nam châm đó mà lẫn lộn với đời hay ẩn tu trong cửa chùa đi nữa, chú mày vẫn cứ thu hút, hết thói sát này đến thói sắt nọ. Đôi mắt chú mày là đôi mắt của dục vọng, đôi môi chú mày là đôi môi khát ái. Hai thứ đó đi đôi với nhau, hờ, phiền lắm, khổ lắm! Chỉ tự chuốc họa vào thân mà thôi."

Tôi cười nhạt, bào chữa: "Cháu không hề có ý quyến rũ dụ hoặc ai. Đối với phái nữ, cháu thuộc loại nhất gan, gặp họ cháu còn lo tránh né nữa là khác."

"Hô hô, tránh né của chú mày chỉ là sự di động tinh quái của dục vọng, chú mày không biết à? Cứ lấy thói nam châm xoay nó một vòng dưới đất đi, xem kết quả ra sao? Chẳng phải càng di động, tránh né, nó càng hút được nhiều vật à! Phải đánh nó từ cái gốc. Hừ, thôi, cái này chú mày tự biết phải làm sao. Tao chỉ cảnh cáo cho

chú mày biết là cái gì nó khiến chú mày lăn độn, vậy thôi. Chuyện đánh dẹp là chuyện của chú mày."

Tôi ngồi sững, và mờ hồ khắp người. Dị nhân nào trước mặt tôi đây? Một lão thi sĩ gì? Một thầy tướng số? Một đạo nhân? Một triết gia? Một thiên gia? Hay một bồ tát hiện thân để điểm đạo cho tôi? Chưa bao giờ cái dục vọng tàng ẩn trong tôi lại bị kẻ khác điểm mặt và đánh thẳng những đòn cân não như lúc này. Tôi thực sự là muốn bước xuống, đến bên cạnh ông già, sụp lạy ông, bất kể ông là hạng người nào. Nhưng chẳng biết sao tôi cứ ngồi ì ra đó, không nhúc nhích nổi. Có một sức cưỡng chống nào đó trong tôi, kềm tôi lại. Và tôi cứ ngồi một chỗ, nhìn ông già, không nói được lời nào nữa.

Bất chợt có một anh nuôi bước vào, nói lớn:

"Ông già, cán bộ Phương nói ông chuẩn bị đồ đạc cá nhân, chút nữa có cán bộ đưa ông trở về phòng."

Nói rồi, anh nuôi quay đi ngay. Ông già xua tay, nói:

"Vậy sao? Hừ, tui bây làm như tao không biết vậy. Tao còn bệnh mà đưa tao về phòng, không cho ở bệnh xá nữa hả? Thì thôi, cũng được thôi, có sao đâu. Hừ, dàn cảnh, toàn là dàn cảnh!"

"Nghĩa là sao, thưa bác?"

"Thì... con Phương, cái con y tá nó muốn dọn sạch chỗ này để còn lại chú mày một mình, để làm ăn hơn."

"Cái gì? Không có đâu, không phải vậy đâu."

"Ha ha, gì mà sợ dữ vậy. Không sao đâu, đừng sợ. Chuyện gì rồi cũng qua hết. Khả khả, chú mày có số nhờ đàn bà lắm nghe. Để coi nào, à biết rồi, biết rồi, số chú mày đó hả, đàn bà gặp thì tự nhiên muốn giúp đỡ, còn đàn ông gặp thì muốn nhờ vả. Cái số chú mày là như vậy. Cũng tốt nhưng cũng không tốt. Ăn thua là chú mày thôi. Nhớ lời tao nè: con nhỏ đó có ý tốt với chú mày, chẳng hại gì chú mày đâu; nhưng chú mày khôn hồn thì đừng có làm bất cứ cái gì bất thường. Tao chỉ nói vậy, chú mày tự hiểu. Cái phòng này, từ nay là phòng của chú mày, tao giao lại đó. Mà cũng từ cái phòng này, nếu chú mày quyết định một cái gì bất thường thì tự đứng mở ra một ngã rẽ cho cuộc đời mày đó. Tao chẳng nói cuộc đời đó tốt hay xấu, chỉ tóm tắt một câu là... nó thực sự không

phải là cái chú mày tìm kiếm đâu.”

Bất ngờ một cán bộ bước vào, vừa mở cửa vừa hồi thúc:

“Hoàng Ngọc Chân, phòng này phải không? Là ông đó hả? Lấy đồ đạc cá nhân.”

Ông già đứng dậy xách cái giỏ, thấy hai cây thuốc tối để nơi đầu năm của ông, ông cầm lên cây thuốc Đà Lạt đã bóc ra một gói, quay qua hỏi ý tôi. Tôi vội vàng bước đến, dúm hết hai cây thuốc vào giỏ của ông.

“Bác đem theo hút, cháu không hút đâu. Hẹn ngày gặp lại,” tôi xúc động nói nhỏ được vài lời như vậy.

Ông không khách sáo từ chối hai cây thuốc, chỉ mỉm cười đưa một tay lên vỗ nhẹ vai tôi, rồi vẫy chào một cái từ biệt, bước ra.

Tôi bước theo đến cửa sắt, nhìn theo dáng ông hơi khòm, bước thấp bước cao theo chân viên cán bộ. Tôi tự nhủ, “Ôi, nếu có ông ở chung một phòng giam thì hẳn là học được nhiều điều bổ ích lắm. Ông ấy là ai vậy kia?”

Đến chiều, khoảng sau sáu giờ, mới thấy Phương đến cửa, hỏi:

“Anh ăn cơm chiều chưa?”

“Rồi,” tôi lạnh lùng đáp.

“Sao anh có vẻ buồn vậy?”

“Không có gì. À, cô Phương, ông già ở đây... tại sao phải trở về phòng? Ông ấy còn bệnh mà.”

“Hết bệnh lâu rồi, tại ông thích ở đây cho yên tĩnh nên em để ông nán nà một thời gian đó thôi. Ông ở đây hay ở trong phòng tập thể thì cũng chừng đó chuyện, chừng đó thuốc, có gì thay đổi đâu. Ông có kể chuyện của ông cho anh nghe không?”

“Không. Ông ấy là ai vậy? Ý tôi muốn hỏi... ở ngoài đời ông ấy làm gì vậy?”

“Anh thực sự không biết à? Đồng nghiệp của anh đó. Ông ấy là thầy tu như anh vậy.”

“Cái gì? Thầy tu à!”

Tôi nhũn người ra, thấy tức đau đau trong lòng. Chưa lúc nào trong đời tôi thấy tôi ngu đần đến mức không nhận ra một vị cao tăng hiện diện trước mắt mình. Rõ ràng là có nhiều lúc trên đời, tôi chỉ nhìn, chỉ đánh giá con người qua cái dáng vẻ và hành xử bề ngoài. Tôi đã mất cơ hội được sống bên cạnh một bậc thiên tri thức ngay trong ngục tù.

Tôi lặng người không nói gì nữa. Phương ái ngại nói một lúc rồi nói:

“Ông ấy cũng hoạt động chống lại nhà nước, giống như anh vậy. Nhưng ông vào đây từ năm 1980 kia. Anh Khang à, thôi bây giờ mình nói về chuyện bệnh của anh há.”

(còn tiếp)

MÙA DÃ QUỲ

*Nét thu còn sót lại
Lạnh chớm đông ủa về
Mùa Dã Quỳ vàng hực
Rực rỡ trời đằm mê.*

*Luôn mang nhựa sống trẻ
Ở vùng đất đại ngàn
Hoa dại mà kiêu hãnh
Kiên cường dù mong manh.*

*Hoa quanh năm chịu lạnh
An nhiên nơi núi đồi
Muôn phiên không nghĩ tới
Sống yêu đời thản nhiên.*

*Tựa mặt trời bình yên
Ngày đêm chen chúc nở
Thấp ngàn tia lửa nhỏ
Sưởi ấm cả cao nguyên.*

KHÚC ĐÔNG CA

*Về đâu cuối nẻo thu tan
Gió đông thoảng nhẹ nắng vàng nhạt phai
Một chiều thơ viết bỗng bay
Miên tương tư... khúc ai hoài... thuở xưa.*

*Mặc cho nhân thế lọc lừa
Mặc cho trời đất nắng mưa chuyển mùa
Mặc đời đen trắng bán mua
Mặc đời dẫu bể cợt đùa nổi đau.*

*Đông về nắng chẳng rực màu
Bàng hoàng lá đỏ ủa nhàu muôn nơi
Không còn sắc thắm lưng trời
Không còn thấy dáng em tôi hiện nhà.*

*Mở lòng hát khúc đông ca
Vần thơ nắn nốt giao hòa muôn nơi
Yêu thương sẽ được đáp lời
Tình luôn xanh ngắt... đăm chồi nở hoa.*

LÂM BĂNG PHƯƠNG





XIN ĐỪNG NÓI TẠI TUỔI GIÀ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Sau khi đỗ xăng, ông Minh lên xe lái về nhà. Đi được một đoạn, ông nghe thấy tiếng kim khí chạm vào xi măng rồi tiếng loong coong tiếp theo. Đang chạy trên xa lộ, ông không ngừng lại để coi xem vật gì rơi. Một thoáng nghĩ, ông đoán đó là chiếc nắp bình xăng để trên mũ xe đã rơi mất tiêu. Lại quên rồi. Ông tự nhủ, với một chút chán nản.

Về đến nhà, ông ngần ngại một lúc rồi than vãn với bà vợ là hồi này mình già nên hay quên quá, và kể cho vợ nghe mất cái nắp bình xăng. Vợ mỉm cười, nói: "Đây đâu có phải là lần đầu mà ông lo. Ông nhớ khi mình lái xe đi Virginia cách đây mấy năm, ông quên đến hai lần, mà một lần xe cảnh sát đi sau nhặt được, họ chộp đèn trả lại cho ông." Cô con gái đứng gần đó, chêm vào: "Bố ơi, bố có nhớ hồi xưa khi bố còn đi làm, đã bao nhiêu lần trước khi ra khỏi nhà, bố cứ kiểm cặp kính đọc sách của bố, trong khi bố gài nó trên mái tóc. Lúc đó bố đâu đã ở tuổi này."

Ngồi nghĩ lại, ông Minh thấy bà vợ và con gái nói cũng đúng. Đã nhiều lần, cách đây cả chục năm, lâu lâu ông cũng không biết để chìa khóa xe ở đâu, đi chợ bảo mua vài món đồ rồi cũng quên một món, chứ đâu có phải chỉ từ ngày ông về hưu ở tuổi 65 mới hay quên. Vậy mà mỗi khi nghĩ đến cái tuổi đó, ông cũng mang một thoáng suy tư.

Bước vào cái tuổi mà khi mình làm cái gì không giống ai thì thiên hạ cứ bảo ông bà ấy già rồi.

Gặp người bạn xa vắng đã lâu, mình có vui miệng nói ít nhiều câu chuyện thì người phối ngẫu lại nhắc khéo để mình ngưng bớt lại, kéo phiến lòng người nghe.

Đau nhức xương cánh tay và đầu gối, kể lẽ với ông bác sĩ thì được trả lời: "Cụ ơi, cụ già rồi thì nó vậy đó, không sao đâu"; hoặc tối ngủ hay thức giấc nửa khuya, không ngủ lại được thì ông ta cũng bảo "người già thường hay bị đau như vậy".

Trăm dâu đổ đầu tằm, cái gì cũng đổ tại già

Riêng cái vụ "hay quên" thì nhiều người, ngay cả thầy thuốc đôi khi cũng gán là già thì nó lão suy, nói trước quên sau. Và có người cứ canh cánh sợ là già thì sẽ rơi vào tình trạng "lú lẫn, sa sút trí tuệ" như trường hợp một vị cựu nguyên thủ Hoa Kỳ cách đây mấy năm.

Mà nói đến bệnh sa sút trí tuệ thì nhiều người e ngại thật. Một thăm dò ý kiến tại Hoa Kỳ coi xem con người ta sợ gì nhất. Sợ đau tim, ung thư, mù lòa, rớt máy bay, nghèo túng, hoặc thả vào chuồng cọp... Mỗi người có mỗi sợ khác nhau, nhưng lo sợ nhất là mất trí nhớ, lú lẫn, rồi chẳng biết mình là ai, ở đâu, quên ăn quên ngủ, phụ thuộc vào gia đình.

Có người bảo, quên như vậy càng sướng chứ sao. Chẳng phải lo nghĩ, chẳng cần quan tâm tới chuyện đời. Nhưng, một lão bà vừa mới chôn cất chồng, mà về nhà liên tục kêu tên ông, tìm kiếm ông hết phòng này qua phòng khác. Đôi khi hiểu ra thì vật vã khóc than. Sự việc kéo dài suốt mấy năm trường, cho tới khi bà tạ thế. Bà đã ở trong tình trạng mất trí, lú lẫn. Và như vậy thì sướng nổi gì!

Trở lại với chuyện hay quên thì cũng có nhiều lý do.

Một độc giả hỏi thăm là có ông chú 70 tuổi hay bị quên tên người này người khác và ông cụ phải nhờ mọi người nhắc dùm. Khi không thỏa mãn thì ông trở nên hung hăng, đập phá, khó thở, phải uống viên thuốc an thần mới dịu xuống. Hỏi kỹ thì được biết ông đã bị tai biến não, và cơn suy tim. Sở dĩ ông hay quên vì huyết lên não giảm. Mà huyết giảm thì thiếu nuôi dưỡng, tế bào thần kinh kém hoạt động, và ông ta không nhớ tên người, đồng thời tính tình trở thành bất thường, đôi khi hoang tưởng.

Một lão bà than phiền không biết để cặp kính đọc sách báo ở đâu; vào phòng tắm rồi không biết để làm gì; mới nghe một câu chuyện mà nửa giờ sau đã quên; bạn bè than phiền bà hẹn tới chơi rồi không tới. Vì quên... Bà hỏi có thuốc gì phục hồi trí nhớ cho bà.

Lấy thêm chi tiết thì được biết chồng bà mới mất cách đây nửa năm, rồi bà quá thương tiếc mà không ăn không ngủ được, buồn chán chẳng thiết làm gì, ngay cả những thú vui khi trước. Bà được thầy thuốc cho uống thuốc trị trầm cảm mấy tuần thì tình trạng hay quên thuyên giảm. Bà đã bị bệnh sâu não, buồn phiền vì mất người chồng thân yêu.

Dùng nhiều dược phẩm cũng là rủi ro của kém trí nhớ do tác dụng phụ của thuốc. Thuốc lợi tiểu để trị cao huyết áp là một thí dụ. Thuốc làm giảm muối và nước trong máu, hóa chất trong cơ thể thay đổi. Nếu liều lượng quá cao thì huyết áp xuống quá thấp. Não bộ người già rất nhạy cảm với những thay đổi này, sẽ trở nên kém hoạt động về ghi nhớ và tập trung. Và hay quên. Thuốc an thần, thuốc ngủ cũng ảnh hưởng tới trí nhớ. Cho nên thầy thuốc cần lưu ý ở điểm này và bệnh nhân cũng cần cho thầy thuốc hay mọi khác thường xảy ra khi dùng thuốc.

Một vài bệnh kinh niên cũng ảnh hưởng tới trí nhớ

Sau nhiều ngày đăng vắn giá vũ du thuyết liên lục địa, về đến nhà được ít ngày thì nhà chính khách thấy trong người mỗi mệt, không tập trung tư tưởng được, hay quên và có khó khăn trong giải quyết công việc thường lệ. Nhiều khi nhân viên thấy ông ngồi thần thờ như người mất hồn, đi đứng không

vững. Thầy thuốc cho là ông bị căng thẳng thần kinh, vì làm việc quá sức. Và đề nghị ông đi nghỉ dưỡng sức. Ông làm theo nhưng khó khăn vẫn không bớt. Một hôm ông té xỉu, đưa vào bệnh viện cấp cứu và thầy thuốc thấy nhịp tim ông rất thấp và không đều. Một máy điều hòa nhịp tim được gắn cho ông và ông trở lại bình thường. Ấy là do ông có bệnh tim mà không hay.

Hay quên trong những trường hợp kể trên đâu có phải là vì tuổi hạc, tuổi cao. Nhưng nếu được xác định là bị bệnh Alzheimer, sa sút trí tuệ, lúc lần thì quả là bệnh của một số nhỏ người tuổi cao, người già. Vì thống kê cho hay, 4% người cao tuổi ở Mỹ đang bị bệnh này.

Trong bệnh Alzheimer, não bộ bị thoái hóa, hóa chất não suy giảm, máu huyết nuôi não cũng ít đi, mà nguyên nhân chưa được tìm ra. Hậu quả của các thay đổi này đưa tới một căn bệnh của thế kỷ. Bác sĩ Lewis Thomas, Khoa Trưởng Đại Học Y Yale coi đây là một bệnh xấu xa nhất trong các bệnh. Nó không những tàn phá bệnh nhân mà còn gây hậu quả tai hại cho gia đình, bạn bè người bệnh. Nó bắt đầu với sự mất khả năng học hỏi, tính toán, suy nghĩ để rồi đưa đến sự khép kín hoàn toàn về tâm trí. Bệnh nhân tiếp tục sống không hồn cho tới ngày nào đó một bội nhiễm phổi giải thoát cho họ.

Vậy trí nhớ là gì?

Theo định nghĩa, trí nhớ là một khả năng của trí tuệ để thu thập, tích trữ và lấy ra các sự kiện mà con người đã trải qua trong quá khứ. Có trí nhớ ngắn hạn, trí nhớ dài hạn. Ngắn hạn không tồn tại lâu và có thể chuyển sang dài hạn và lưu trữ mãi mãi.

Hãy hình dung khung cảnh một buổi trưa hè, ta ngồi ở một nơi nào không phải là quê hương Hà Nội, mà nhớ lại cùng bạn bè tắm sông, hái ổi trên Nghi Tàm, đạp xe vào chùa Láng, chùa Trầm. Rồi tưởng tượng như đầu đây phảng phất hương ngọc lan trên đường Quan Thánh, hay phượng vĩ đỏ ối chung quanh Hồ Tây.

Làm sao mà bất cứ lúc nào, nếu muốn, ta cũng như sống lại những gì của quá khứ? Làm sao não bộ, một cơ quan chỉ nặng chừng 1.5 kí lô có thể thực hiện được cái công việc đầy khó khăn đó? Khoa học đã cố gắng giải đáp, nhưng sự hiểu biết mới chỉ có một phần.

Khi mới sanh, não bộ nặng khoảng 50 gram, lúc trưởng thành nặng 1,5 kg. Đó là một khối chất giống như bột mì nhão, màu xám nhạt với cả tỷ tế bào và nhiều triệu dây nối tiếp giữa các tế bào. Tín hiệu chuyển từ tế bào này sang tế bào khác ở chỗ nối tiếp và bằng hóa chất trung gian Acetylcholin.

Mỗi ngày có từ 60.000 tới 100.000 tế bào thần kinh chết và không được thay thế. Đây là một cuộc tàn sát lớn mà khi ta tới tuổi 65, có đến 1/10 tổng số tế bào thần kinh bị tiêu hủy.

May mắn thay là những tế bào còn lại có thể lãnh phần trách nhiệm của những tế bào xấu số bằng cách mọc ra nhiều nhánh xen vào khoảng trống để tiếp nhận tín hiệu thần kinh. Sự việc này cũng giống như trong khu rừng già, một cây chết đi thì cây kế cận vươn lên, sinh ra nhiều cành để điền khuyết.

Phần não có nhiệm vụ ghi trí nhớ nằm ở vùng vỏ não, hai bên thái dương, sau mắt. Phần nhận và thanh lọc tín hiệu cho trí nhớ nằm sâu trong não, có hình chữ C, gọi là hải mã. Sự liên hệ chức năng giữa hai vùng này rất cần thiết cho trí nhớ.

Ở tuổi già, khối lượng não nhỏ đi, tế bào thần kinh thay đổi hình dạng, sự truyền tín hiệu chậm lại, chất lipofuscin xuất hiện giữa tế bào, có thể gây rối loạn cho các cơ năng của não. Máu vào óc ít hơn, dưỡng khí tiêu thụ cũng giảm.

Hình do quang tuyến X chụp cho thấy các luống óc não nhỏ đi, rãnh giữa luống rộng ra. Từ tuổi 20 tới 90, não nhẹ bớt đi khoảng 5-10% và chứa nhiều chất lỏng hơn. Những thay đổi này có ảnh hưởng phần nào tới trí nhớ.

Trí nhớ được chia ra làm ba loại:

1- Trí nhớ ngắn hạn: Đây là loại trí nhớ để phân tích những dữ kiện, sự việc cần tức thì và kéo dài trong chốc lát. Người Mỹ gọi nó là trí nhớ làm việc (working memory), và từ năm 1890, nhà tâm lý học Williams James gọi là trí nhớ căn bản (Primary memory).

Ta lấy một thí dụ: trí nhớ này giúp ta nhắm trong đầu một số điện thoại trong khi quay máy. Chẳng hạn: bà vợ hỏi chồng số điện thoại của cô Cúc, em dâu, là bao nhiêu, chồng trả lời 273-4949, vợ nhắm số đó và quay. Hai chị em thảo luận về quần áo, phấn son cả tiếng đồng hồ. Lần sau cần số điện thoại cô Cúc, nàng lại hỏi chàng. Thật là tiện, khỏi mất công nhớ. Mà nếu muốn nhớ, nàng phải dùng đi dùng lại nhiều lần, như là để củng cố, hợp nhất dữ kiện đó vào não. Trí nhớ này bắt đầu có vào lúc 7 tuổi, thường thường không bị suy giảm với tuổi cao. Nó kéo dài khoảng vài chục giây tới một phút.

2- Trí nhớ trung hạn: Những dữ kiện ghi trong trí nhớ này tồn tại từ nhiều phút tới vài năm. Một tín hiệu được nhắc đi nhắc lại, được sử dụng nhiều lần sẽ được ghi đậm sâu trong vỏ não. Khi cần đến, óc sẽ được kích thích để lấy ra dữ kiện này. Khi còn bé đi học, có những bài học thuộc lòng trong Luận Lý giáo khoa thư mà chắc bây giờ nhiều người trong chúng ta còn đọc lại được.

Xin nói rõ là, để có chất liệu trong trí nhớ, ta phải đi qua ba giai đoạn:

Thu thập, lấy dữ kiện bằng học hỏi, thảo luận, suy nghĩ, và bằng tiếp nhận của các giác quan.

b- Tồn trữ: Một dữ kiện, muốn được tồn trữ,



phải qua sự thanh lọc của bộ phận hải mã, để coi nó có gây xúc động, hấp dẫn đáng ghi nhớ hay không. Tên người yêu chắc chắn là phải cần ghi nhớ hơn là tên anh cảnh sát mới biên phạt mình vì lái xe quá tốc độ. Dĩ nhiên đó hoàn toàn mới hay có liên quan tới một kỷ niệm cũ. Thí dụ ta đã có một số ý niệm về một ca sĩ với tiếng hát vượt thời gian; rồi tháng sau có tin cô ấy lấy chồng, năm sau sinh đôi, thì bộ phận hải mã sẽ xếp những tín hiệu mới này vào hình ảnh cô ca sĩ nổi danh trên để được phong phú hơn.

c- Phục hồi kỷ niệm: Giống như máy vi tính, ta có thể phục hồi, lấy ra, bất cứ lúc nào, những dữ kiện có trong trí nhớ. Nghe tiếng hát cô ca sĩ kể trên trong CD là ta có thể hình dung ra cuộc đời ái tình sự nghiệp, gia cảnh cũng như hình dáng của cô ta. Trí nhớ này bắt đầu có vào lúc 10 tuổi.

3- Trí nhớ dài hạn: có thể tồn tại suốt đời người. Đây là kết quả tích tụ của nhiều năm với những kỷ niệm, kinh nghiệm, kiến thức học hỏi của người tuổi cao.

Có những trí nhớ về kiến thức tổng quát mà ta thu góp, tàng trữ một cách tự nhiên, không cần biết nó xảy ra khi nào, ở đâu. Nói đến quê hương Việt Nam là ta hình dung ra một giang sơn có hình chữ S, có sông Hồng, núi Ngự, Cửu Long Giang. Khi nhắc tới Quang Trung, ta nhớ lại sử sách kể những trận đánh quân Tàu oai hùng của Người. Trí nhớ này tích tụ ngày một súc tích, rất tự nhiên, đây lúc nào ta không hay.

Còn trí nhớ về những sự kiện cá nhân trong đời sống hàng ngày được ghi nhận với thời gian và không gian. Chẳng hạn trưa hôm qua ta ăn cơm Việt nam ở quán Quê Hương hoặc sinh nhật năm ngoái, ta nhận được chiếc đồng hồ mới do vợ con mua tặng. Đó là trí nhớ quá khứ.

Sáng nay khi đi làm, ta tự nhủ là chiều nay tan sở trước khi về nhà, sẽ ghé siêu thị mua chai rượu vang vì tối nay vợ làm món cá bông lau hấp. Đây là trí nhớ vị lai.

Có trí nhớ hành động thường nhật như ta tự hỏi, sáng nay có để thức ăn cho chú chó không, hoặc tuần trước ta cắt cỏ ngày thứ năm hay thứ sáu.

Trong trí nhớ hồi tưởng, ta nghĩ và nói về dữ kiện của "những ngày xưa thân ái", trí nhớ tự truyện nhắc đi nhắc lại chuyện về mình trong vài năm trước. Trí nhớ dung nhan khi "Xin lỗi nom ông quen quen, mình đã gặp nhau, mà không sao nhớ được tên ông," trí nhớ "đã thấy" (déjà vu) mình đã ở nơi đó mà không nhớ bao giờ.

Bà nội trợ, làm bếp cần mấy củ tỏi, nhưng nhà không còn. Bà ta nhắm trong đầu là kỳ tới đi chợ thêm tỏi vào danh sách các thứ cần mua. Khi viết danh sách lại quên biên tỏi. Đi chợ, qua hàng rau quả, nhìn thấy tỏi, bà ta lượm một túi, như vậy là trí nhớ thầm kín đã gọi bà mua tỏi.

Kết luận

Làm sao mà não, nói chung, các trung tâm trí nhớ, nói riêng, có thể hoàn tất công việc phức tạp đó một cách chu đáo và khoa học như vậy? Cho tới nay, chưa có một giải đáp thỏa đáng mà chỉ có những gợi ý, phỏng đoán.

Có người đã ví não bộ như cả ngàn hệ thống điện thoại mà mỗi hệ thống có thể cung cấp nhu cầu liên lạc cho tất cả dân chúng của thành phố

TÂM BÒ ĐÈ

*Bầy ong còn rất trẻ
Gánh mật trên đôi hoa
Ngọn gió tâm hiền hòa
Thôi qua rừng bát ngát*

*Bước sa di thiên lạc
Hương Bồ Tát tràn đầy
Thanh tịnh giữa trời mây
Thơm lây dòng kinh cổ*

*Nghe hồi chuông phổ độ
Vang vọng tận trời xa
Rừng mai vừa thức dậy
Bình minh cõi ta bà*

*Có đi là sẽ đến
Vượt qua thời hoan mê
Sáng soi ngàn đuốc tuệ
Hồi hương tâm Bồ Đề...*

thơ

TÂM AN (XUYÊN TRÀ)

Nữ Ước. Các trung tâm này liên tục nhận những tín hiệu thu lượm do ngũ quan đưa về, phân tích, xếp loại rồi tồn trữ. Óc ghi nhận dữ kiện như một cái máy thu âm, bộ phận hải mã như là một cái nút kiểm soát. Bình thường, nút bấm này tắt, và chỉ mở để ghi khi nào dữ kiện được coi là quan trọng. Một dữ kiện không quan trọng thường lờn vờn trong đầu một lúc rồi tan biến đi. Cho nên nếu ta có quên tên một người nào đó trong tiệc cưới cũng là chuyện bình thường, giống như là lâu lâu ta quên, không biết chia khóa xe, chia khóa nhà để ở đâu.

Nhưng lái xe đi làm mỗi ngày trên cùng con đường mà lạc lối, quên những hẹn quan trọng, kể đi kể lại cùng câu chuyện trong một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với bạn bè, thì là điều đáng ngại.

Những thắc mắc, lo âu, tự hỏi: Ta già rồi chẳng? Hay ta đang mắc chứng não suy trầm trọng?

Liệu trí nhớ có bỏ ta ra đi. Như những con chuột tìm đường chạy trốn khỏi con tàu sắp đắm!

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC
(Trích từ sách Dinh Dưỡng, cùng tác giả)

Người không tai, mắt, mũi, lưỡi

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú tại nước Xá Vệ, Tịnh xá Kỳ Đà diễn giảng đạo lý cho chúng Tỳ Kheo.

Có một gia đình trưởng giả, sinh được năm người con, nhưng toàn là con gái, chẳng có đứa con trai nào hết. Trong lúc bà đang mang thai người con thứ sáu thì chẳng may ông trưởng giả chết.

Theo luật nước nếu sau khi người cha chết rồi mà gia đình ấy không có con trai để thừa hưởng gia tài, thì của cải đó được sung công vào kho nhà nước.

Sau khi ông trưởng giả qua đời, thì chính quyền địa phương đến lập thủ tục giấy tờ tịch thu tài sản, sung công quỹ. Nhưng người con gái lớn không cho và đến tâu vua:

- Tâu bệ hạ, cha con mới mất, gia đình con hiển nhiên hiện giờ là không có con trai rồi, nhìn mẹ con còn đang mang một người con trong bụng, biết đâu sau này là con trai thì sao. Vậy mong ын Vua xin hẹn lại một thời gian, say khi mẹ con đủ ngày, đầy tháng, chừng ấy quả thiệt là chẳng muộn.

Vua nghĩ có lý bèn nói:

- Con nói có lý, ta sẽ cho quan địa phương dừng lại.

Chẳng bao lâu, bà trưởng giả hạ sanh một cậu con trai, nhưng tiếc thay chẳng có tai mắt mũi lưỡi gì cả, chỉ có hình dáng như người con trai nên gọi là con trai mà thôi, bèn đặt tên là Man Tử Tỳ Lê.

Dù chẳng đầy đủ bộ phận con người, nhưng cũng là trai, nên tài sản đó không bị nhà nước tịch thu làm của công.

Tuy được một người em trai, nhưng người chị chẳng hài lòng tí nào cả, mặc dù tài sản vẫn còn nguyên, vì đứa em trai chẳng giống vật chi mà cũng mang danh con trai hưởng trọn một gia tài đồ sộ, cô chán nản cho thân gái bèn bỏ nhà ra đi làm kẻ hầu hạ cho người: khi nấu ăn, khi dâng nước, chẳng khác như đứa tớ gái.

Gần đó có một nhà trưởng

giả, ông thấy vậy bèn hỏi:

- Nhà con giàu có, đâu phải nghèo hèn gì, tại sao không ở nhà mà thụ hưởng, tiêu xài mà phải ra thân tôi tớ cực nhọc vậy?

- Thưa ông, cha con vừa chết, của cải đầy kho đụn, mà chị em chúng con đều là con gái, nên của kia bị Vua thu làm công, nhưng may sao mẹ con vừa hạ sinh được một đứa con trai, nhưng nghiệt nỗi chẳng có tai mắt mũi lưỡi gì cả, nhờ vậy mà tài sản khỏi bị tịch thu. Em trai của con được trọn quyền sử dụng, nhìn thấy vậy mà buồn tủi cho phận gái vô duyên, chẳng bằng một người con trai mà chẳng ra người nên thân con mới ra nông nổi này.

- Buồn làm gì vô ích, con muốn thoát khỏi thân gái bây giờ hãy tạo nhân lành, làm phước để kiếp sau sanh làm con trai khỏi ngộ tuấn tú, vậy giờ con hãy đi với ta đến chỗ Phật.

Hai ông cháu cùng đi đến yết kiến Thế Tôn.

- Kính bạch Thế Tôn, Man Tử Tỳ Lê được phước duyên gì mà sinh vào nhà giàu sang, phú quý, nhưng bạch Thế Tôn, bị tội gì mà sinh làm thân người mà chẳng đủ lục căn, xin Thế Tôn chỉ dạy.

- Lành thay, trưởng giả, về đời quá khứ có hai anh em sanh vào một gia đình giàu có, người anh tên là Đản Nhã Thế Chất người em tên là Thi La Thế Chất. Người anh nết na thuần hậu, trung chánh và hay bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo cùng, bởi vậy nên được mọi người trong nước kính nể, tôn trọng, về sau được Vua chọn vào triều giữ chức bình sự, để xử lý việc kiện tụng của dân. Theo luật bấy giờ, những người vay nợ, chẳng có giấy tờ bút mực gì cả, mà hai bên đều đến quan bình sự làm chứng cho là được. Lúc ấy, nhà Thi La Thế Chất giàu sang cho vay tiền lãi. Hôm ấy, có người lái buôn đến vay ông một số tiền khá lớn để đi buôn. Ngày giao tiền cả hai

cùng đến trước quan bình sự để làm chứng. Khi đi Thi La Thế Chất dắt theo hai đứa con trai nhỏ, nói với anh rằng:

- Em chỉ có đứa con trai này, vậy sau này em có chết đi, thì món nợ người lái buôn mượn trả lại cho nó. Xin anh làm chứng cho.

- Em đừng lo, không sao đâu, sau này ông ta sẽ trả lại cho cháu, miễn sao ông đi được tốt đẹp và trở về an toàn là hay.

Sau thời gian chẳng bao lâu, Thi La Thế Chất qua đời, để lại tài sản cho vợ và con, còn người lái buôn kia không may, khi thuyền ra biển bị trận bão đánh đắm tàu tất cả, ông bám vào khúc gỗ và gió thổi tạt vào bờ.

Người con trai của Thi La Thế Chất hay được tin ấy lấy làm thương tình, nên khi gặp lại người lái buôn cũng chẳng đòi nợ.

Thời gian sau có người lái buôn khác, cho mượn vốn và dẫn ông ta đi để đền bù lại chuyển thất bại trước. Rất may, chuyến này gặp tốt đẹp hoàn toàn, vàng bạc, châu báu chở đầy tàu. Thế là ông ta phát tài lớn. Ông mời họ hàng anh em vui say, thanh toán món nợ của người lái buôn cho mượn vừa rồi, nhưng còn món nợ của Thi La Thế Chất thì không trả. Ông nghĩ: "Chuyến trước mình về chẳng thấy đứa con trai ông đòi hỏi gì, có lẽ khi mình với cha nó giao ước mượn tiền thì nó



còn nhỏ quá nên không nhớ, hoặc là thấy mình buồn bán lỗ lẽ nên không đòi, vậy mình thử cậu bé có còn nhớ hay không”.

Hôm đó ông mặc áo đẹp, cưỡi ngựa đi chợ, gặp cậu con trai Thi La Thế Chất, cậu trai hỏi:

- Người lái buôn, bây giờ ông đã phát tài lớn rồi, vậy hãy trả lại số tiền mượn khi trước của cha tôi đi.

Ông ta giả dò vớ vẫn rồi đáp:

- Nào tôi có mượn tiền của cha cậu hồi nào đâu, hay là ai, cậu nhầm ư?

Trở về nhà, ông ta liền lấy một viên ngọc đi ngay đến nhà quan bình sự, nhét viên ngọc vào tay vợ quan, thưa rằng:

- Thưa bà quan lớn, khi trước tôi có vay của ông Thi La Thế Chất một số tiền nên bây giờ con ông theo đòi, mà hiện giờ gia đình tôi túng thiếu nên không trả nổi, vậy thẳng con trai ấy đến kiện tụng, thì xin bà nói giúp giùm quan lớn để cho qua, tôi khỏi trả số nợ ấy.

- Ôi! Quan lớn nhà tôi trung trực lắm anh ơi! Tôi không dám đâu.

Nhưng ông ta theo năn nỉ mãi nên bà ta cũng động lòng, chấp nhận. Đến tối, vợ đem câu chuyện ấy thuật lại cho chồng nghe, chồng gạt phắt đi và nói:

- Bà chỉ làm việc rầy rà, bà có biết nó là cháu tôi, hơn nữa tôi là người thành thực liêm chính, nhà Vua tin dùng, giờ này bà biểu tôi làm điều càn rỡ hay sao, mai nó có đến, sai lính đuổi đầu nó ra.

Sáng ngày người lái buôn lại lóc góc đến, vợ quan lớn thấy liền nói rằng:

- Không được ông ơi, tôi nói rồi nhưng chồng tôi không nghe, còn la tôi nữa.

Thấy bất ổn người lái buôn lòi ra hai viên ngọc nữa và nói rằng:

- Xin bà lớn giúp giùm cho một phen nếu giả như rằng con trai kia có kiện tụng và số tiền bồi thường ấy bà cũng đâu có dùng được. Bà cầm tất cả đi, xin bà thương cho trăm sự nhờ bà.

Nghe êm tai, và lòng tham nổi dậy bà hứa sẽ giúp.

Tối đến quan lớn làm việc về, cầm nước xông xuôi, vào phòng khách ngồi nghỉ, bà lẻo đẻo theo sau và nói với chồng:

- Nay mình, đó là việc nhỏ mọn mà, mình giúp tí thôi, có gì mà liêm chính quá.

- Không có lý như vậy, tôi là người thiên hạ tin dùng, nếu tôi làm điều gian dối, ăn hối lộ thì



đời nay không ai tin tôi, rồi đời sau đọa vào địa ngục để trả nợ, biết chừng nào cho xong. Bà hãy dẹp đi, đừng nói nữa.

Đứng phắt dậy, ông bỏ vào phòng ngủ.

Lúc ấy đôi vợ chồng sinh được một mụn con trai chưa biết đi. Bà bèn lập mưu bẻ con vào phòng giận dỗi:

- Tôi với mình kết duyên với nhau hai thân như một, gặp việc dù đến chết cũng chẳng thể rời nhau và cũng chẳng lúc nào trái ý, huống nữa đây là một việc chẳng đáng kể, trọn quyền nằm trong tay mình, vậy mà tôi đã hết lời năn nỉ mà mình chẳng chiều tôi một chút, vậy mà tôi sống làm gì cho bận lòng mình, tôi giết con trước rồi sau tự sát cho xong đời tủi hổ này.

Quan bình sự nghe vợ nói quyết liệt như vậy, như nhát búa bổ vào đầu, nghẹn cổ họng, thâm nghi: “Ta chỉ có một mụn con, nếu chết rồi thì ai nối dòng gia thất, còn nếu chiều theo bà vợ oan nghiệt này thì trái pháp luật, làm điều xấu bậy, đời này bị phi nhỡ, rồi đời sau chịu quả báo khổ muôn kiếp. Thật là một việc nan giải, từ chối cũng không được mà nhận lời cũng chẳng yên”. Cuối cùng buộc lòng ông phải đáp:

- Thôi bà cứ yên tâm.

Thấy chồng chấp nhận bà vui mừng. Sáng hôm sau gặp người lái buôn, bà hờn hờ nói:

- Mọi việc đều xong, quan lớn nhận lời rồi, ông khỏi lo.

- Thật cảm ơn bà muôn vạn, quý hóa quá, nhờ bà tận tình giúp đỡ.

Sáng hôm sau người lái buôn thức dậy, mặc áo quần bảnh bao, đeo vòng vàng ngà ngọc, cưỡi ngựa đi vào chợ, cậu bé con trai Thi La Thế Chất thấy mình ông đeo vòng vàng, ngà ngọc thăm thẳm chắc ông ta mang đến trả nợ cho mình, nhưng một đỗi chẳng thấy ông nói gì hết và

cố vẻ làm lơ, cậu bèn chạy lại hỏi:

- Nay người lái buôn, tiền nợ của cha tôi khi trước ông nên trả cho tôi đi chứ!

- Ô kìa, cậu bé, ai vay nợ cha cậu hồi nào?

- Ông quên rồi hả? Có quan bình sự làm chứng mà!

- Tôi không biết, cậu có muốn cứ trình quan.

- Vậy ông theo tôi.

Hai người bèn đi đến trước quan bình sự.

- Thưa bác, ông lái buôn này ngày trước có vay tiền của cha con để đi buôn và khi ấy bác làm chứng, lúc ấy cũng có con nữa. Vậy mà bây giờ con đòi, ông nói chẳng có vay mượn chi cả. Xin bác giải quyết dùm con.

- Nay cháu, bác có nghe nói gì đâu? Hay là cháu nhầm ai rồi! Thôi cháu nghe lời bác, hãy bỏ qua đi, đừng rầy rà nữa.

- Không, chính bác đã quên chứ cháu không có nhầm đâu, hôm đó bác có đưa tay chỉ và nói với cha cháu rằng: “Được rồi không sao đâu, chú cứ yên lòng cho họ vay, miễn họ đi về được yên lành thì tốt”. Vậy mà bây giờ bác bảo là không thấy, không nghe, không chi, không nói gì.

- Bác là người xử đoán công minh, luật pháp rõ ràng, lẽ nào bác lại ép cháu. Thôi cháu chớ có nhiều lời.

- Thưa bác, bác là người liêm chính, trung thực nhà Vua cử làm Quan bình sự, ai ai cũng tin dùng bác, còn tôi, tôi là cháu ruột của bác mà bác xử ngược lý như vậy thì người ngoài ra sao nữa, bác sẽ ép họ đến mức nào. Nhưng riêng cháu, cháu cũng chẳng biết điều phải lẽ trái như thế nào, thôi thì, đời sau sẽ rõ.

Thuyết giảng đến đây, Đức Thế Tôn nhắc lại:

- Nay Trưởng Giả, Quan bình sự thuở trước nay chính là Man Tử Lê Tử, chịu phải quả báo không tai mắt mũi lưỡi, bởi do một lời nói dối và giả bộ làm nợ lúc đó, nhưng cũng vì hay giàu lòng bố thí nên được phước thọ sanh nhà giàu sang, phú quý và làm chủ một gia tài đồ sộ như thế.

Sự báo ứng thiện ác rõ ràng, hãy cẩn thận miệng lưỡi chớ nói càn mà mang họa.

GIỚI ĐỨC

*Kiếp này nợ trả chưa xong
Làm chi thêm nợ chồng kiếp
sau.*